

Số: 3125/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 17 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3017/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học và công nghệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 118 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lai Châu.

(Có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính phê duyệt trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: V1, V4, CB;
- VNPT Lai Châu (p/h);
- Lưu: VT, Hcc4.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tổng Thanh Hải

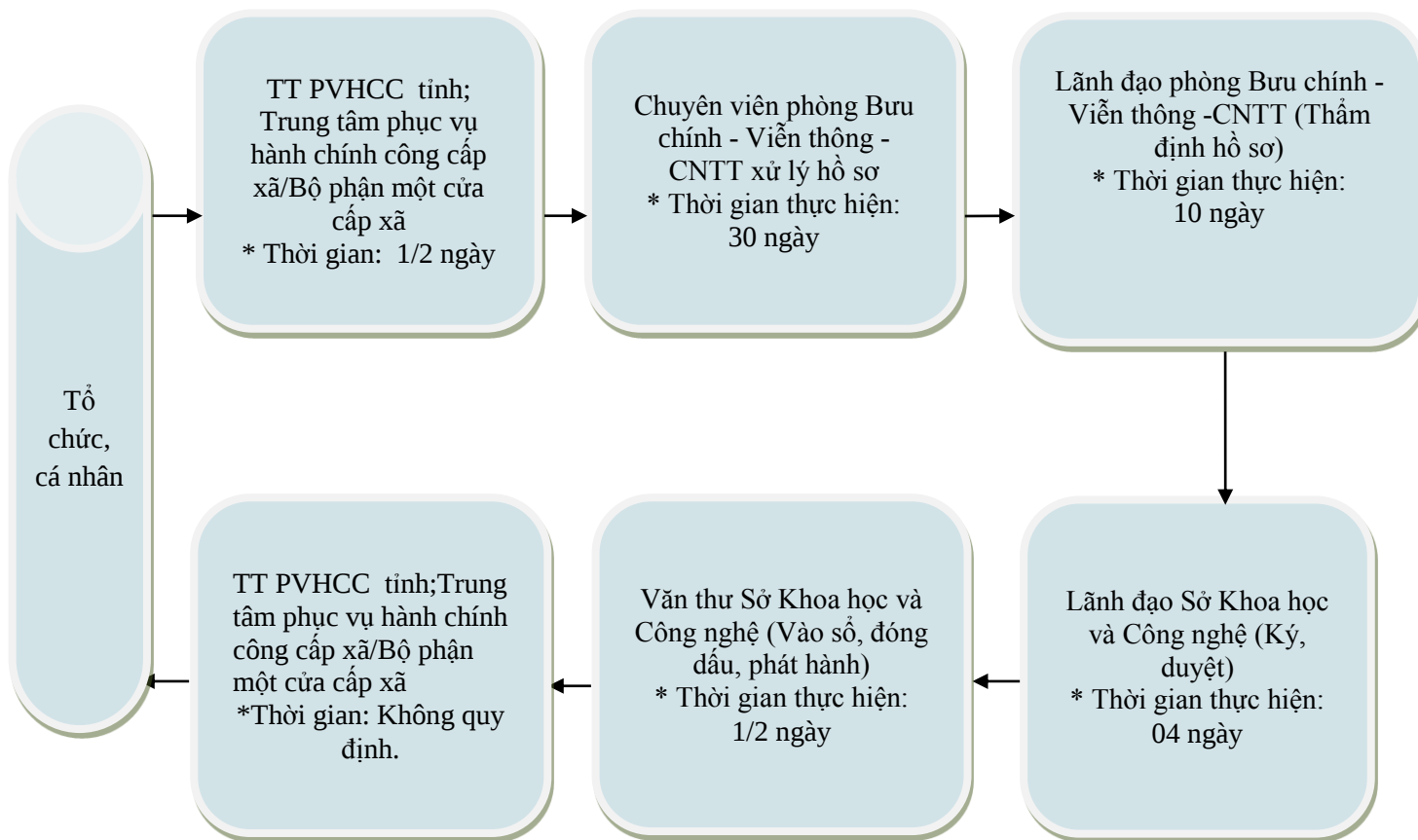
Phụ lục
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH LAI CHÂU
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

STT	Tên TTHC	Quy trình nội bộ giải quyết TTHC
I	LĨNH VỰC VIỄN THÔNG VÀ INTERNET (24 TTHC)	
1	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương Thời hạn giải quyết: Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Mã TTHC: 1.013819.H35	<pre>graph LR; A[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] --> B[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 30 ngày]; B --> C[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông -CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 10 ngày]; C --> D[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 04 ngày]; D --> E[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày]; E --> F[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.]; F --> G[Tổ chức, cá nhân]; G --> A;</pre> The flowchart illustrates the internal decision-making process for the TTHC 'Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông'. It begins with the TT PVHCC tỉnh (Provincial People's Representative Council) and the Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã (Provincial Center for Public Administration Service/One-stop service window at the district level), which takes 1/2 day. The process then moves to the Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Postal, Telecommunications and Information Technology Department Specialist) who processes the dossier, taking 30 days. This is followed by the Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông -CNTT (Postal, Telecommunications and Information Technology Department Leader) who audits the dossier, taking 10 days. The process then goes to the Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Science and Technology Department Leader) for signing and approval, taking 04 days. This is followed by the Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Science and Technology Department Secretariat) for filing, stamping, and issuing, taking 1/2 day. Finally, the TT PVHCC tỉnh (Provincial People's Representative Council) and the Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã (Provincial Center for Public Administration Service/One-stop service window at the district level) complete the process, with no specific time limit. The process is managed by the Tổ chức, cá nhân (Organization, individual).

2

Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

- **Thời hạn giải quyết:** Bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.
Mã TTHC: 1.013877.H35

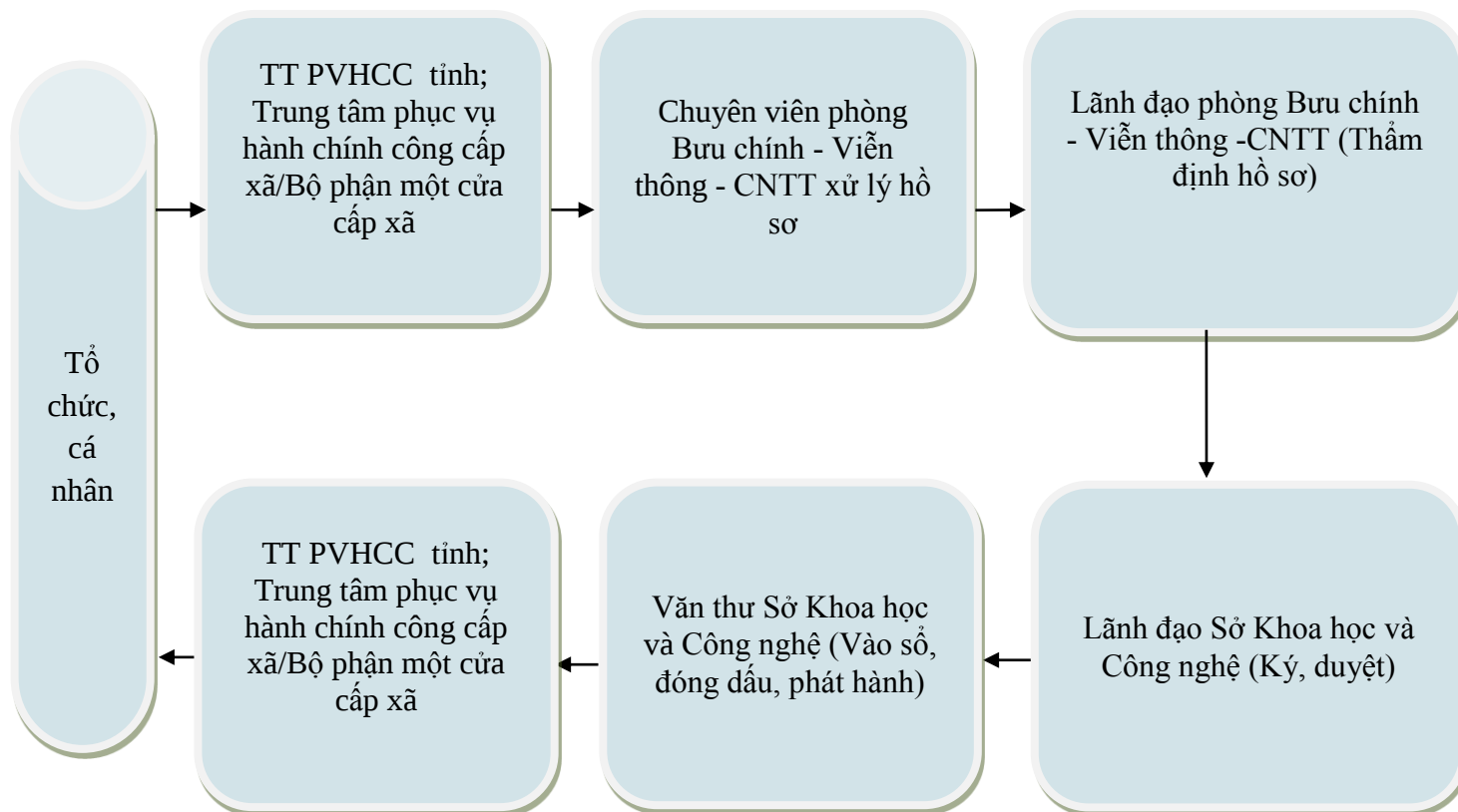


3

Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông.

- **Thời hạn giải quyết:**
Không có

Mã TTHC: 1.013885.H35



4	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp viễn thông không phải là doanh nghiệp viễn thông nắm giữ phương tiện thiết yếu, doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường hoặc doanh nghiệp thuộc nhóm doanh nghiệp viễn thông có vị trí thống lĩnh thị trường đối với thị trường dịch vụ viễn thông Nhà nước quản lý, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông công ích (có giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)) khi ngừng kinh doanh một phần hoặc toàn bộ các dịch vụ viễn thông. - Thời hạn giải quyết: Không có Mã TTHC: 1.013888.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã] G --> A </pre> The flowchart illustrates the process of terminating telecommunications services. It begins with the 'Tổ chức, cá nhân' (Organization, individual) submitting a request to the 'TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã' (Provincial TT PVHCC; Provincial-level service center for administrative services/One-stop service department). The request is then processed by the 'Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ' (Staff of the Postal, Telecommunications, and IT Department processing the dossier). The dossier is then reviewed by the 'Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)' (Leadership of the Postal, Telecommunications, and IT Department (Dossier Review)). The process continues to the 'Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)' (Leadership of the Science and Technology Department (Signing, Approval)), followed by the 'Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)' (Science and Technology Department Secretariat (Filing, Stamping, Issuance)). Finally, the processed dossier is returned to the 'TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã' (Provincial TT PVHCC; Provincial-level service center for administrative services/One-stop service department), which then informs the 'Tổ chức, cá nhân' (Organization, individual).
---	---	--

5

Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC: 1.013912.H35

Tổ chức, cá nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: 1/2 ngày

Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ
* Thời gian thực hiện: 02 ngày

Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)
* Thời gian thực hiện: 01 ngày

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: Không quy định.

Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày

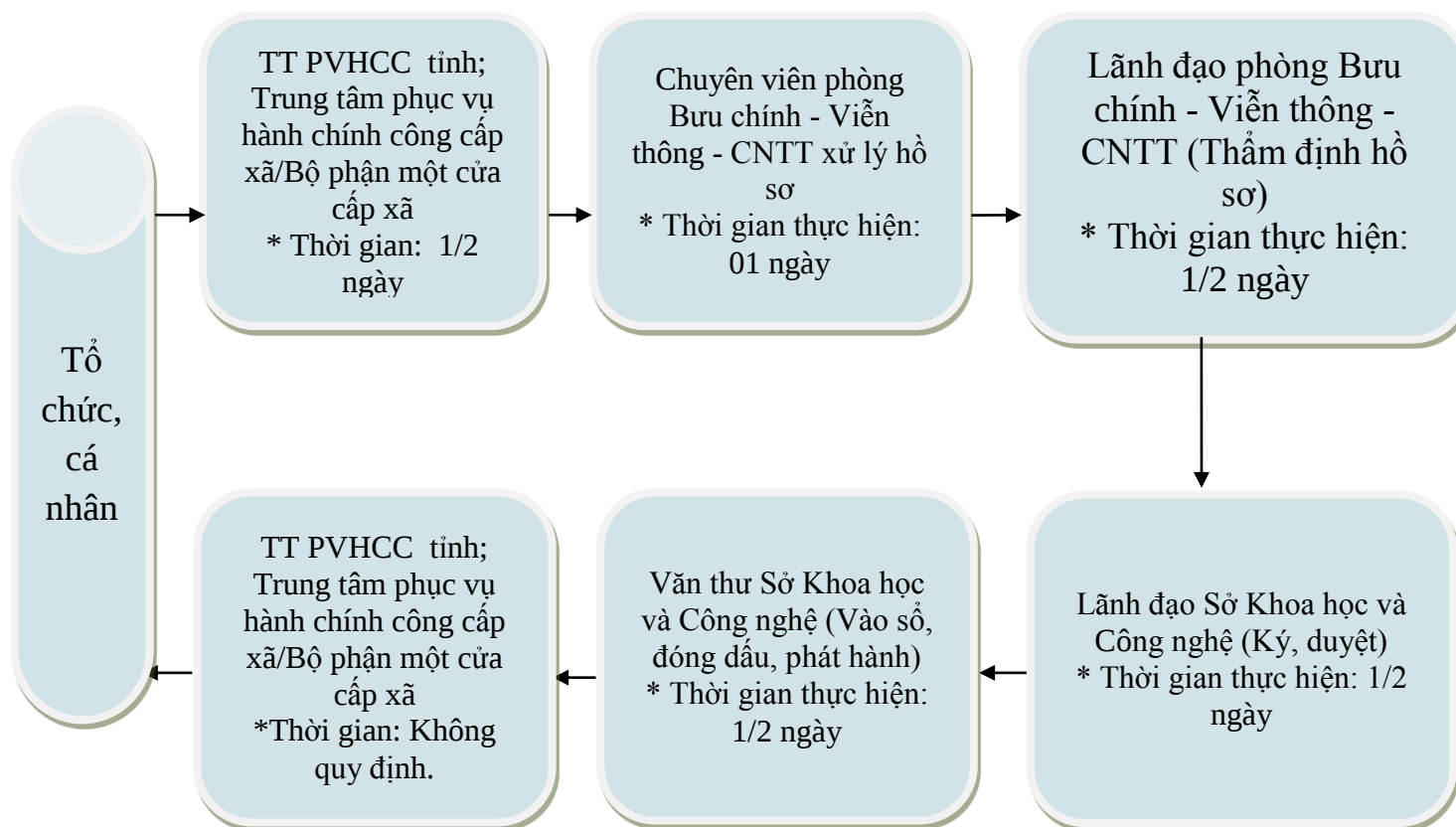
Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01 ngày

6

Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC: 1.013897.H35



7

Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC: 1.013899.H35

Tổ chức,
cá nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: 1/2 ngày

Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ
* Thời gian thực hiện: 10 ngày

Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)
* Thời gian thực hiện: 03 ngày

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: Không quy định.

Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày

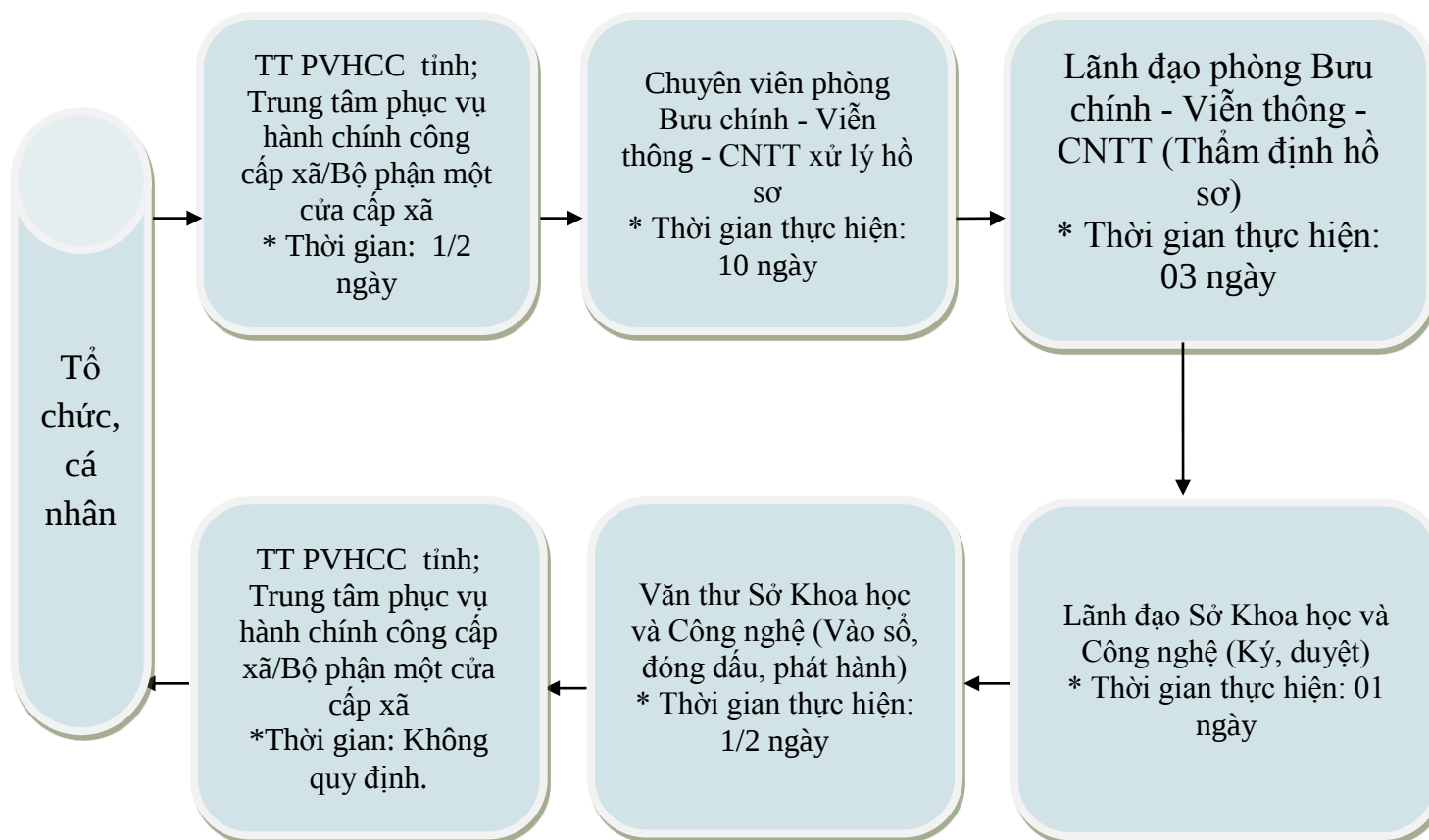
Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01 ngày

8

Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ

Mã TTHC: 1.013900.H35



9

Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC: 1.013901.H35

Tổ chức, cá nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: 1/2 ngày

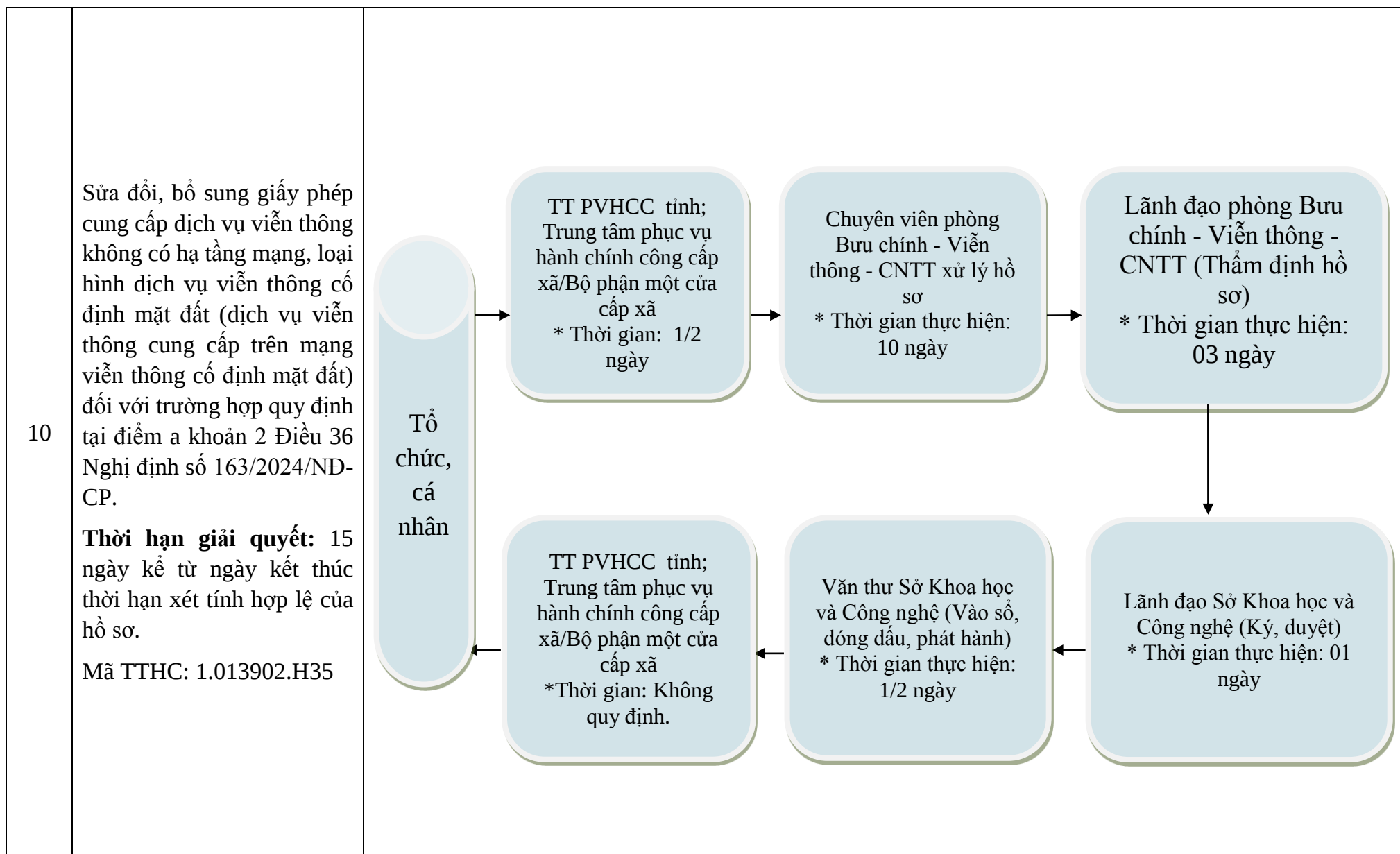
Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ
* Thời gian thực hiện: 10 ngày

Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)
* Thời gian thực hiện: 03 ngày

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: Không quy định.

Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày

Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01 ngày



11	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Mã TTHC: 1.013903.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>
----	--	--

12	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng có định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Mã TTHC: 1.013904.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre> The flowchart illustrates the administrative process for issuing a license for fixed land-based telecommunications services without using radio frequency numbers. It begins with the applicant (Tổ chức, cá nhân) submitting the application to the Provincial Telecommunications Service Center (TT PVHCC tỉnh) or the District-level Administrative Service Center (Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã), which takes 1/2 day. The process then moves to the Specialist of the Postal, Telecommunications, and Information Technology Department (Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ), which takes 10 days. Next, the Provincial Telecommunications, Postal, and Information Technology Department Leader (Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT) reviews the dossier (Thẩm định hồ sơ), taking 3 days. The process then goes to the Provincial Science and Technology Department Leader (Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ) for signing and approval (Ký, duyệt), taking 1 day. This is followed by the Provincial Science and Technology Department's Administrative and Technology Department (Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ) for filing, stamping, and issuing (Vào sổ, đóng dấu, phát hành), taking 1/2 day. Finally, the Provincial Telecommunications Service Center or the District-level Administrative Service Center issues the license, with no specific time limit (Không quy định). The process then returns to the applicant.
----	--	--

13	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Mã TTHC: 1.013905.H35	<pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>
----	--	--

14

Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ.

Mã TTHC: 1.013906.H35

Tổ
chức,
cá
nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ
hành chính công cấp
xã/Bộ phận một cửa
cấp xã
* Thời gian: 1/2
ngày

Chuyên viên phòng
Bưu chính - Viễn
thông - CNTT xử lý hồ
sơ
* Thời gian thực hiện:
10 ngày

Lãnh đạo phòng Bưu
chính - Viễn thông -
CNTT (Thẩm định hồ
sơ)
* Thời gian thực hiện:
03 ngày

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ
hành chính công cấp
xã/Bộ phận một cửa
cấp xã
* Thời gian: Không
quy định.

Văn thư Sở Khoa học
và Công nghệ (Vào sổ,
đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện:
1/2 ngày

Lãnh đạo Sở Khoa học và
Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01
ngày

15	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn xét tính hợp lệ của hồ sơ. Mã TTHC: 1.013907.H35	<pre> graph TD A[Tổ chức, cá nhân] --> B[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 10 ngày] C --> D[Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 03 ngày] D --> E[Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày] E --> F[Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày] F --> G[TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>
----	--	--

16

Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất(dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất).

Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ

Mã TTHC: 1.013976.H35

Tổ chức, cá nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
* Thời gian: 1/2 ngày

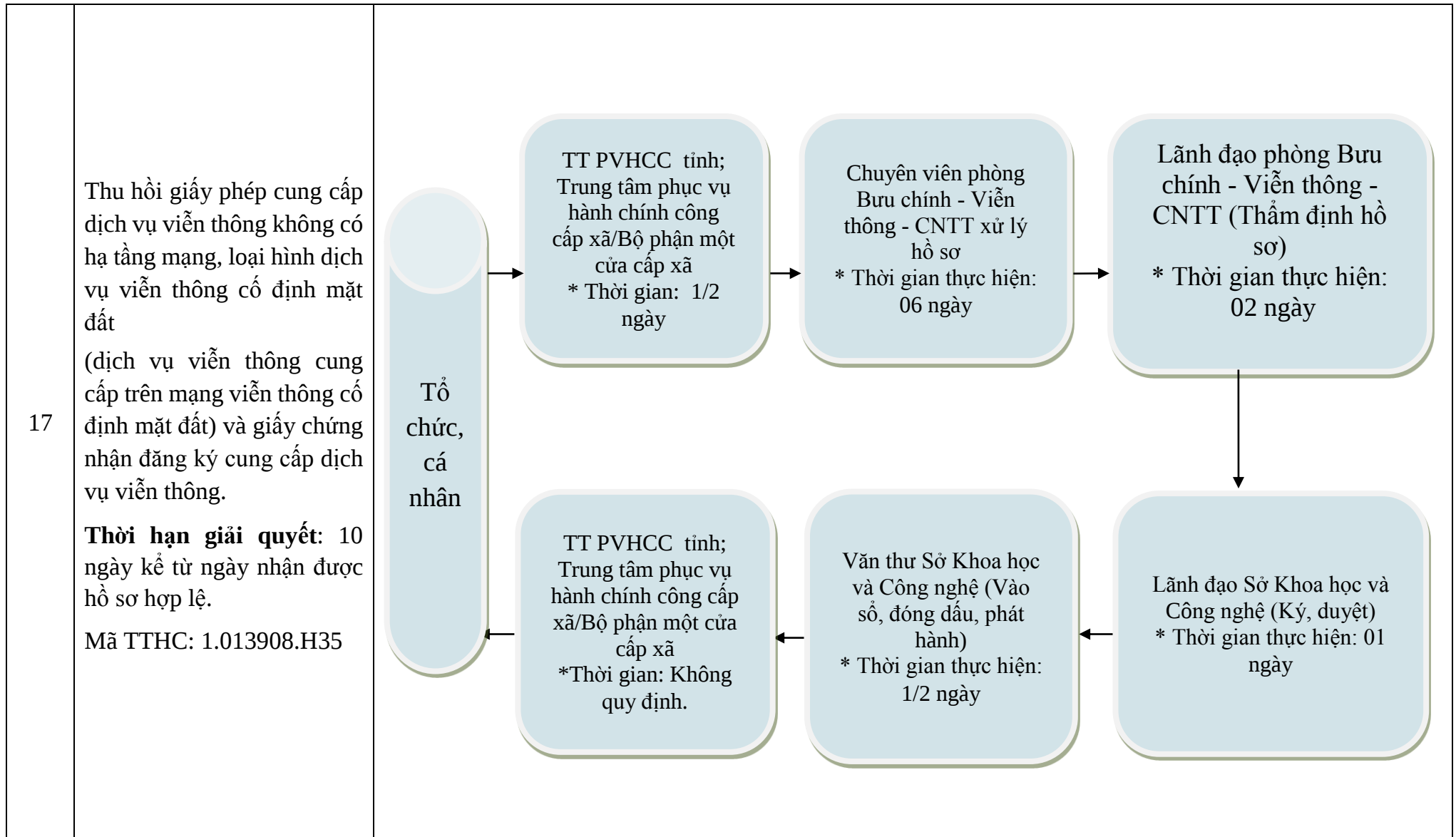
Chuyên viên phòng
Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ
* Thời gian thực hiện: 10 ngày

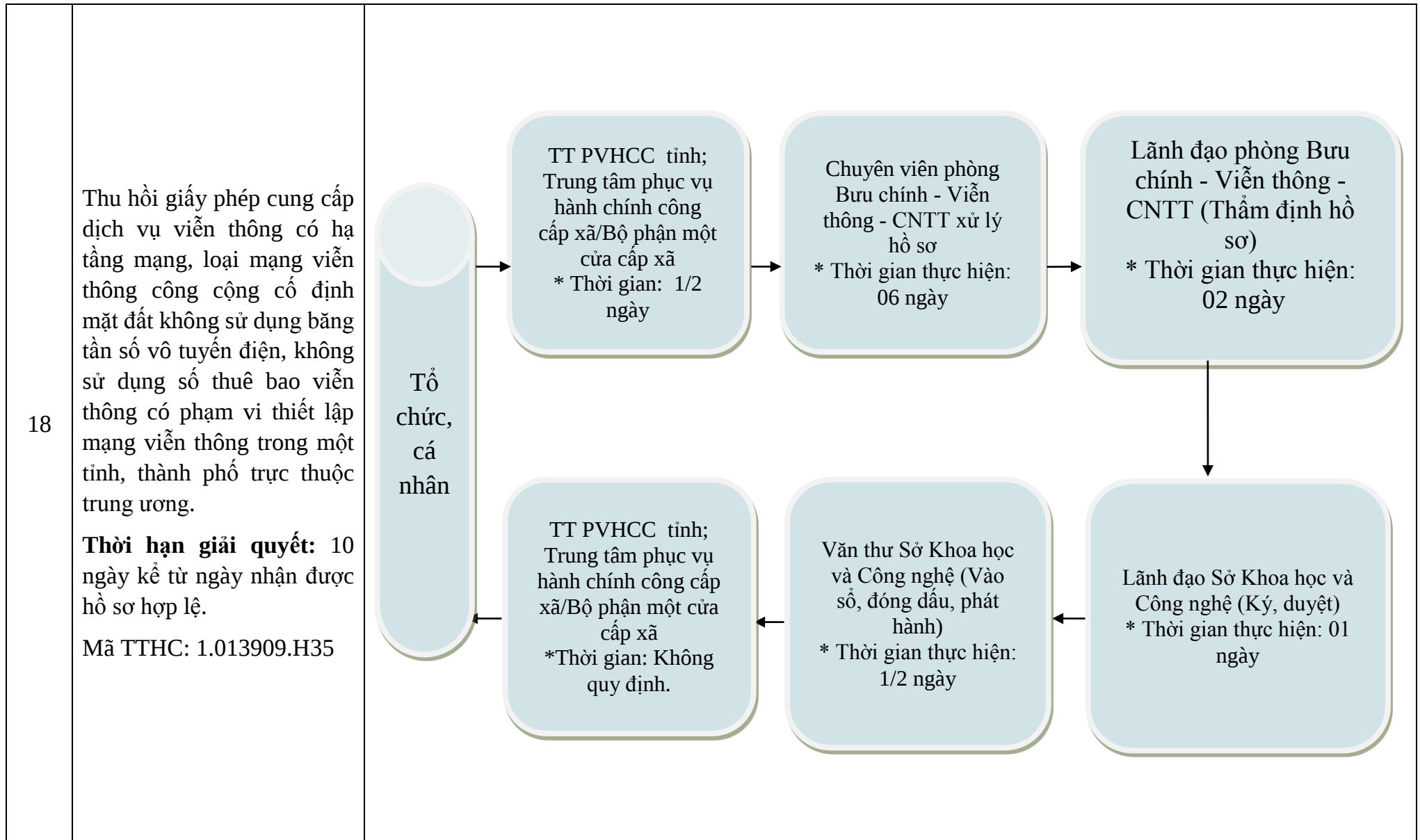
Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ)
* Thời gian thực hiện: 03 ngày

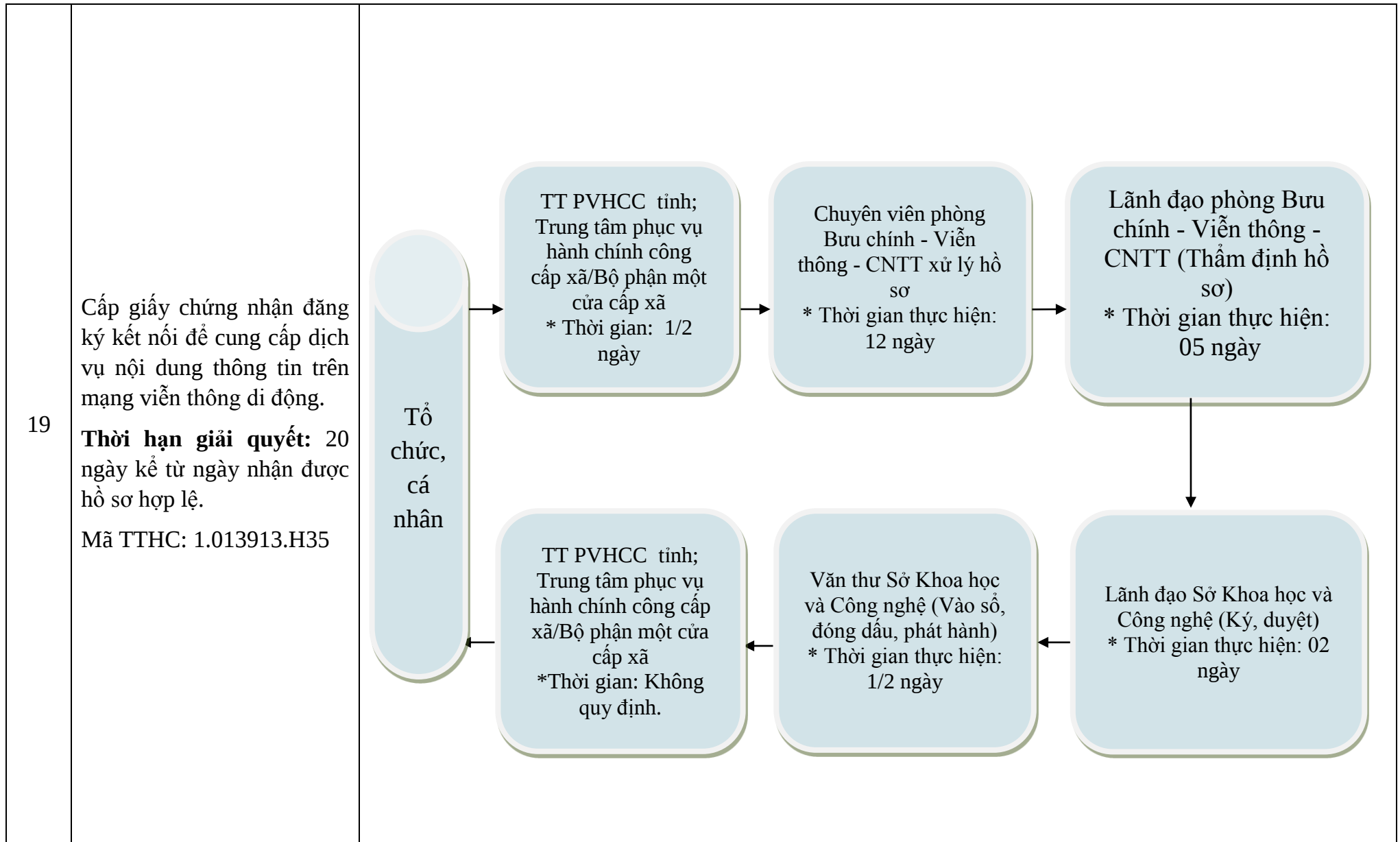
TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã
*Thời gian: Không quy định.

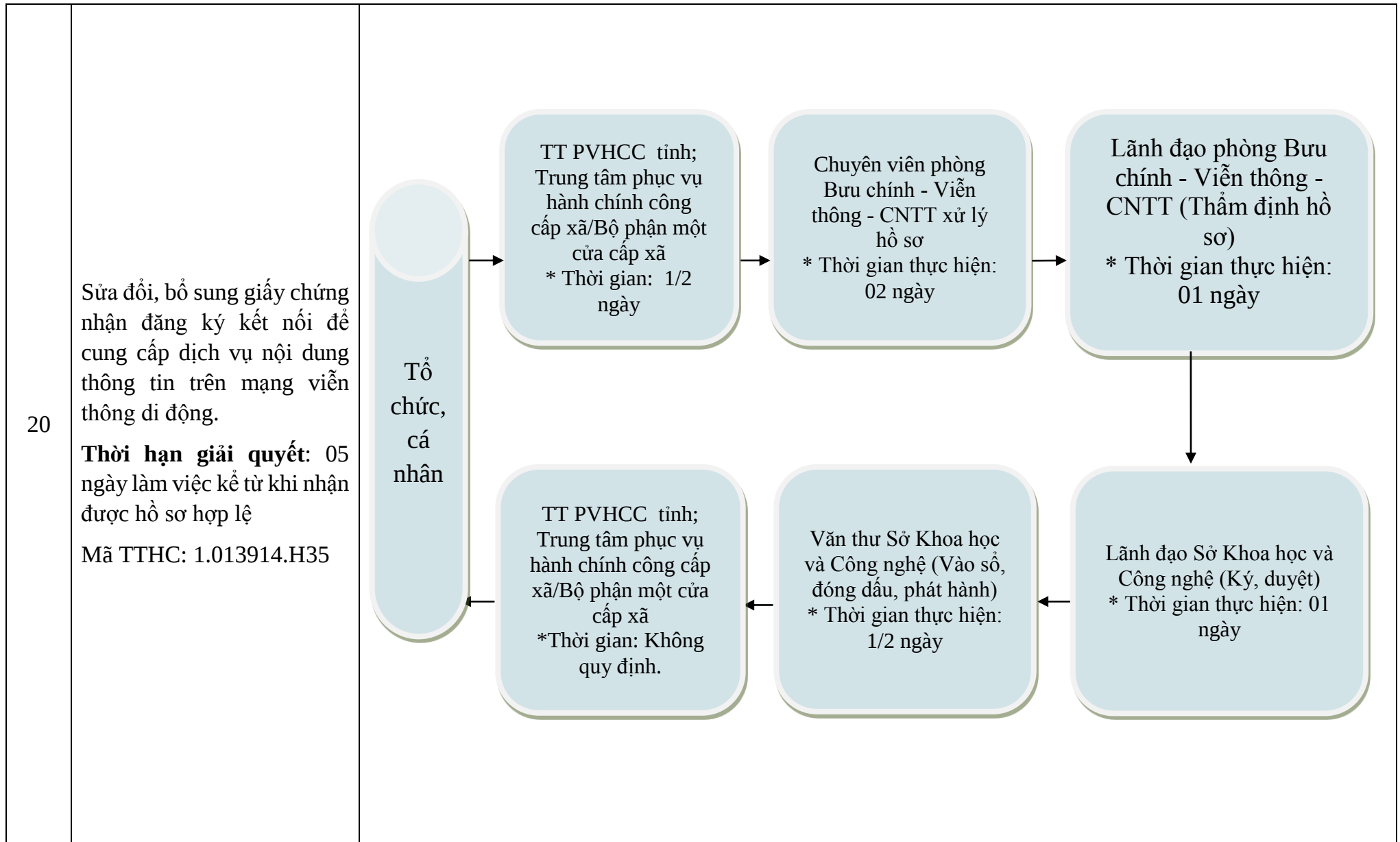
Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện: 1/2 ngày

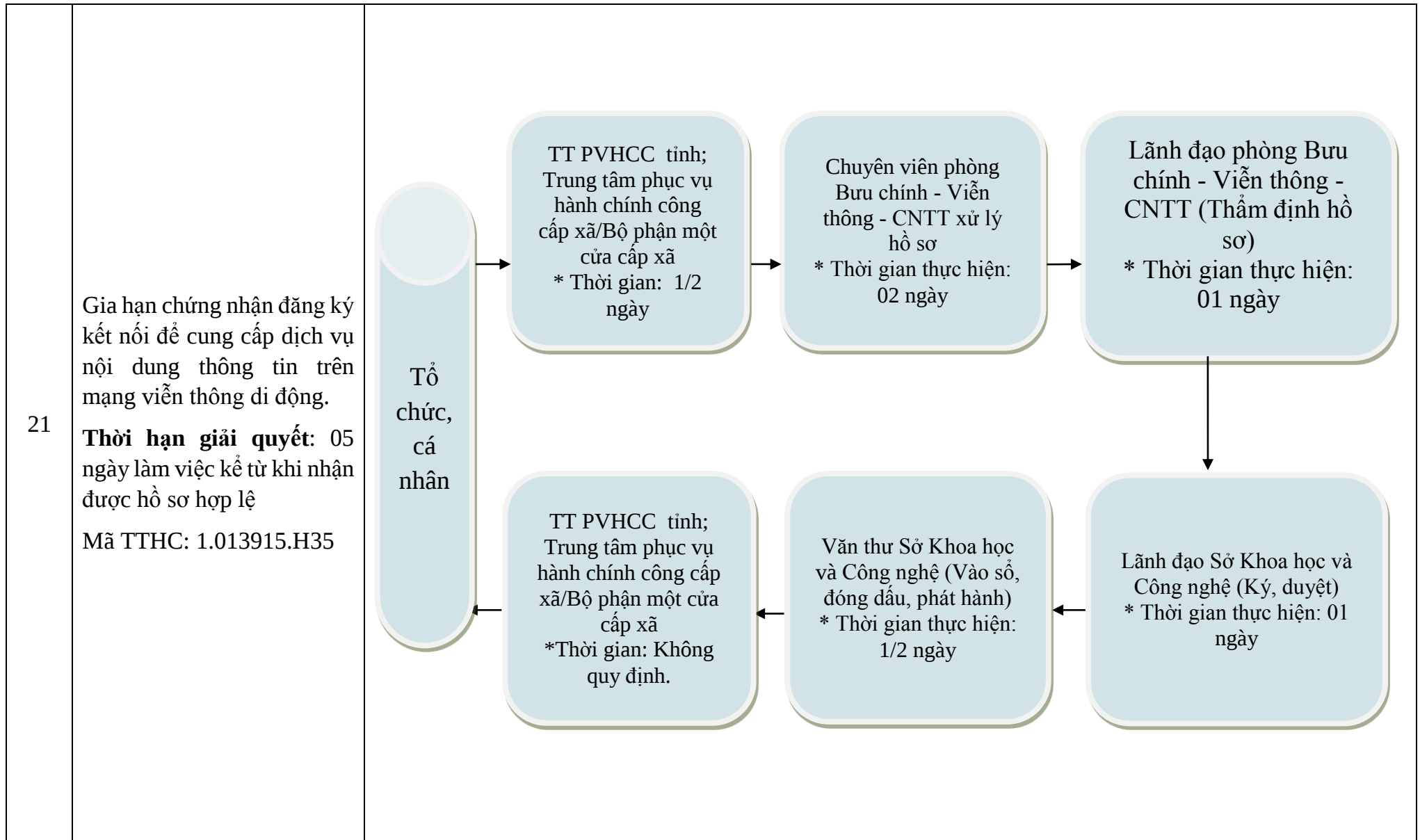
Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01 ngày

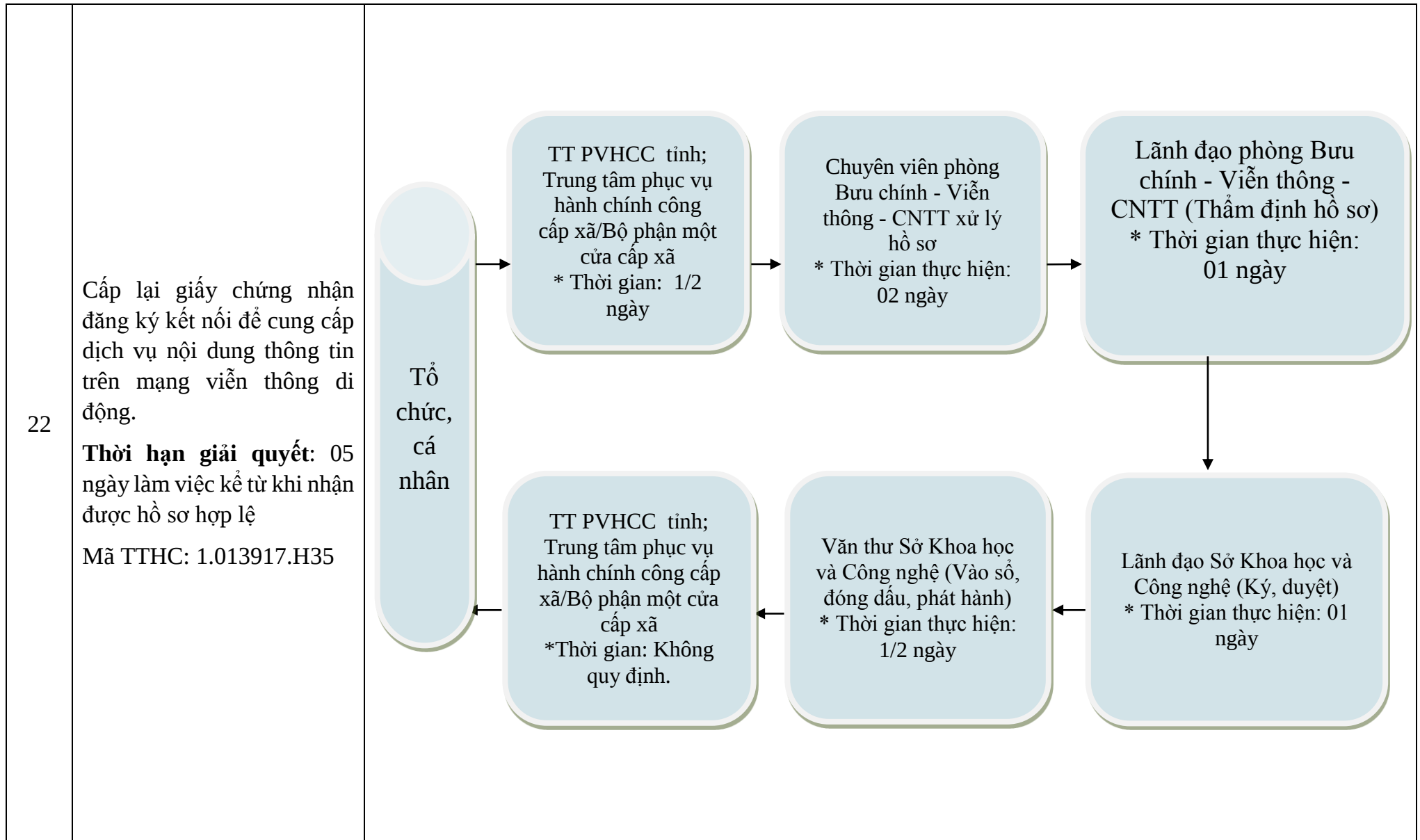


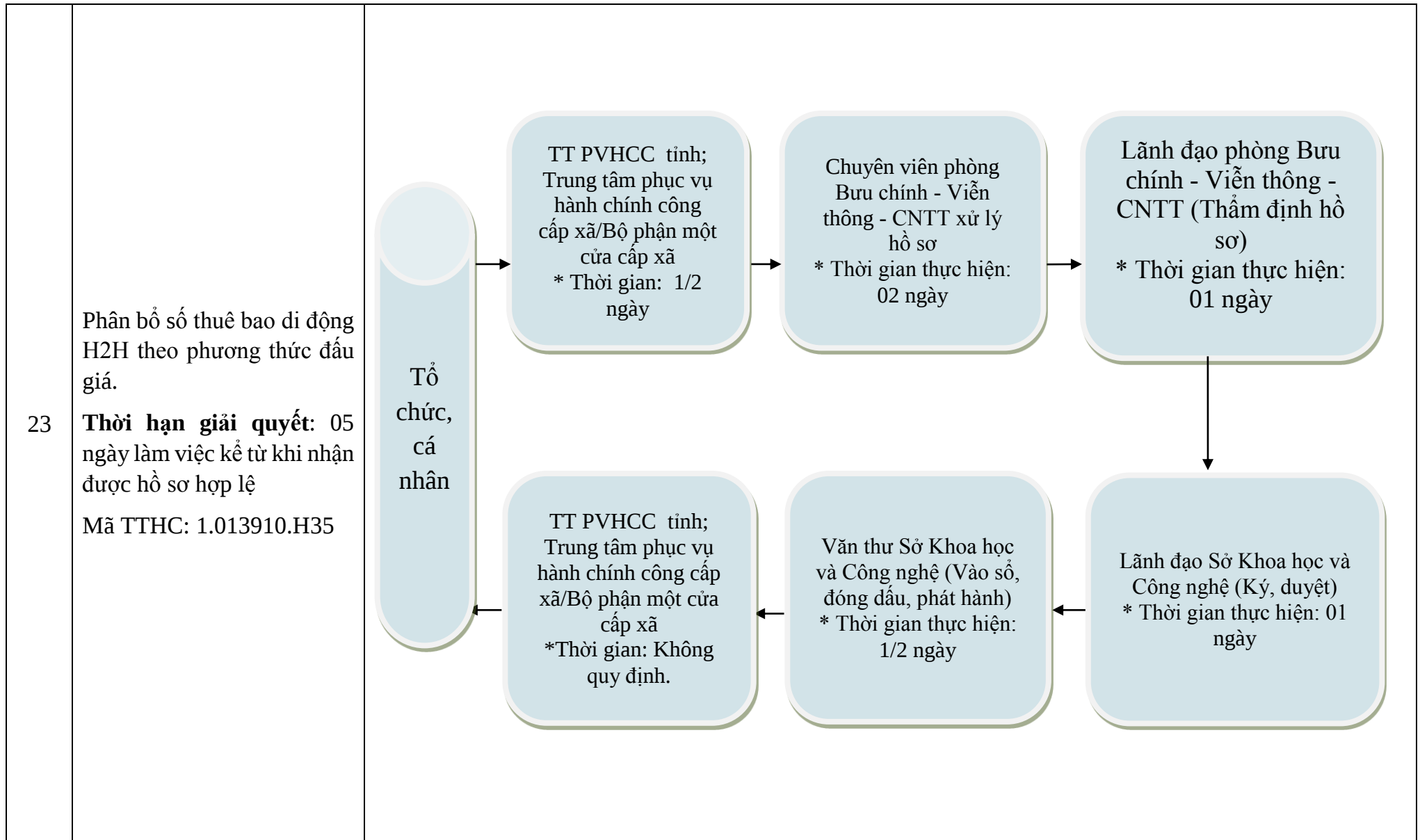


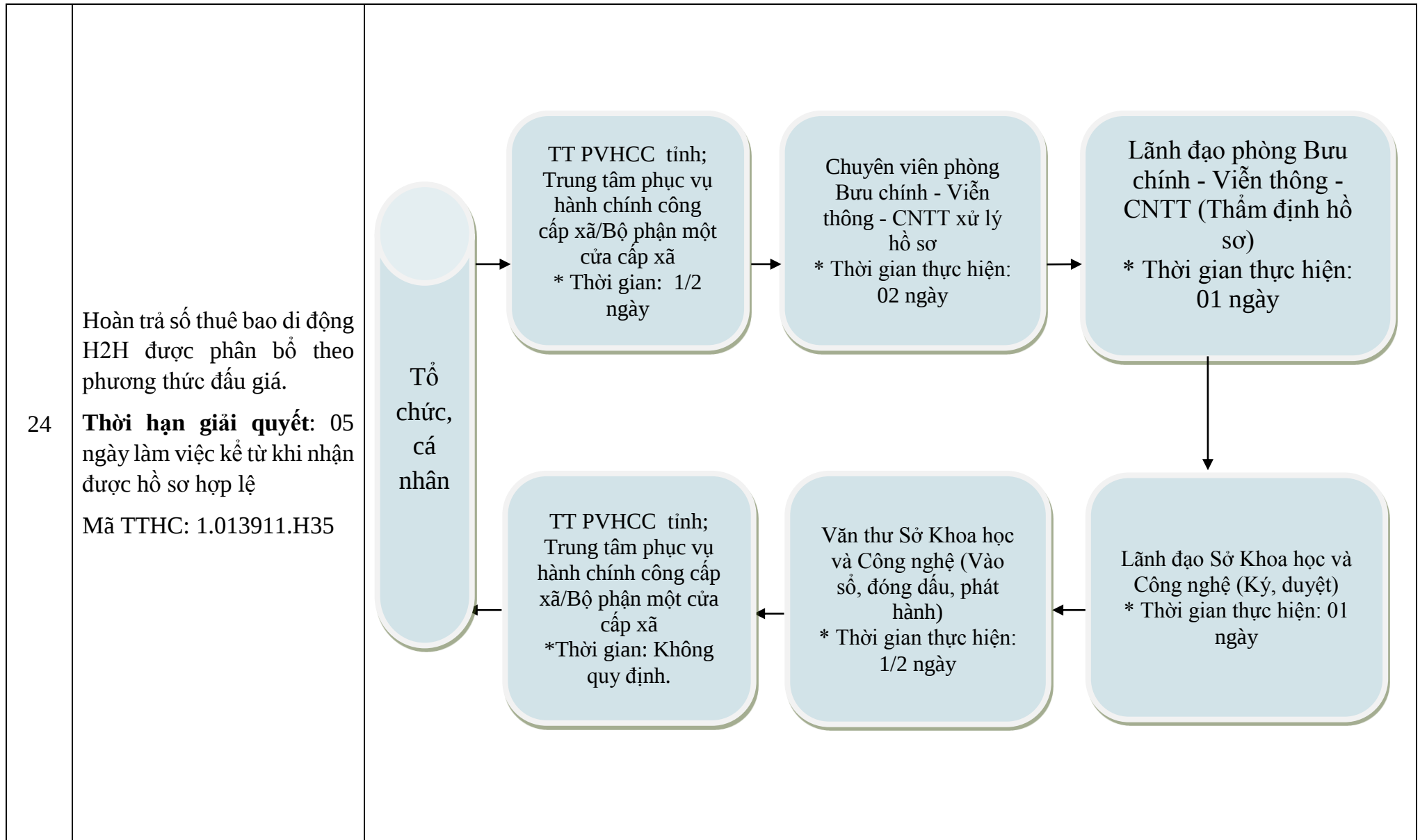




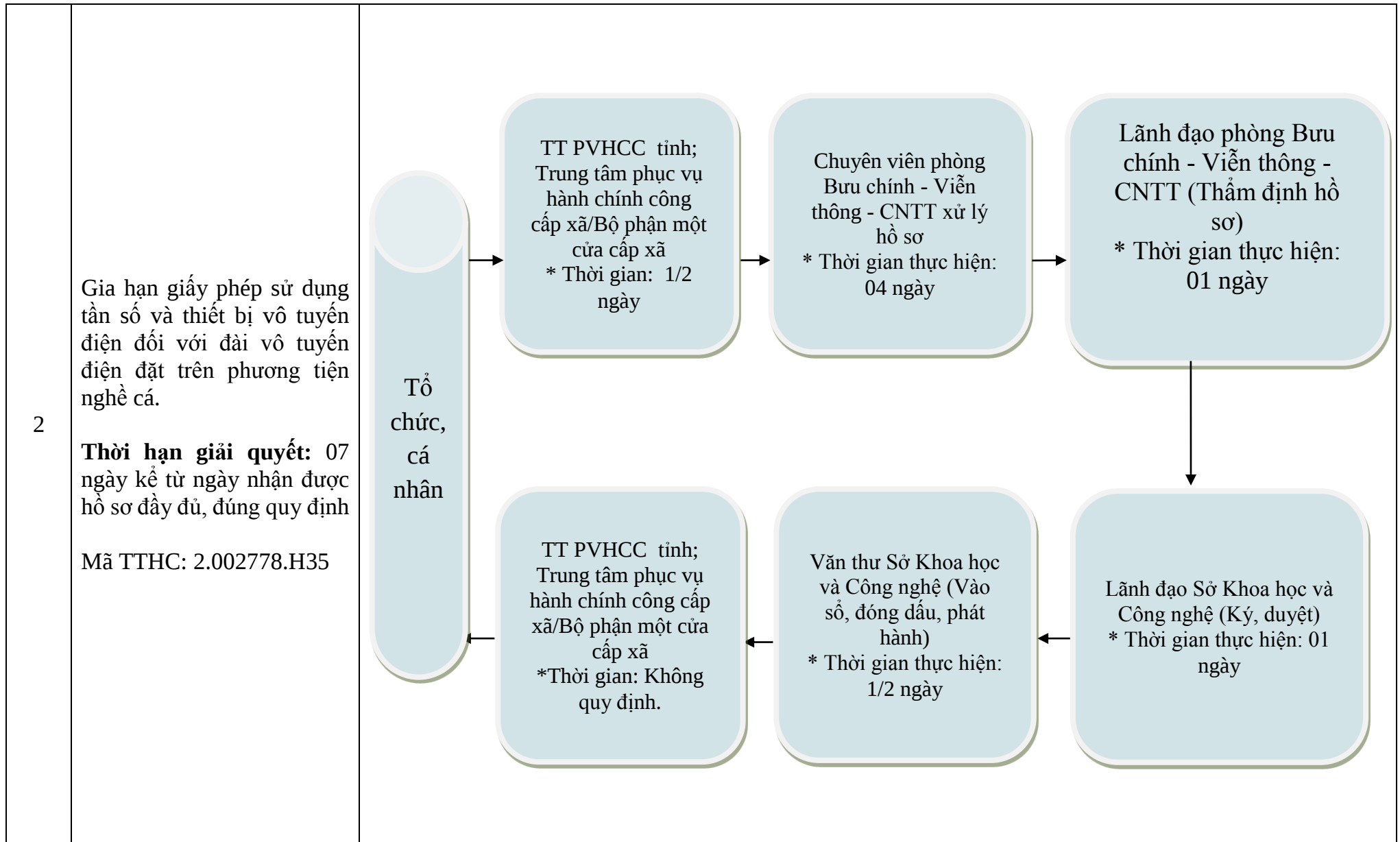


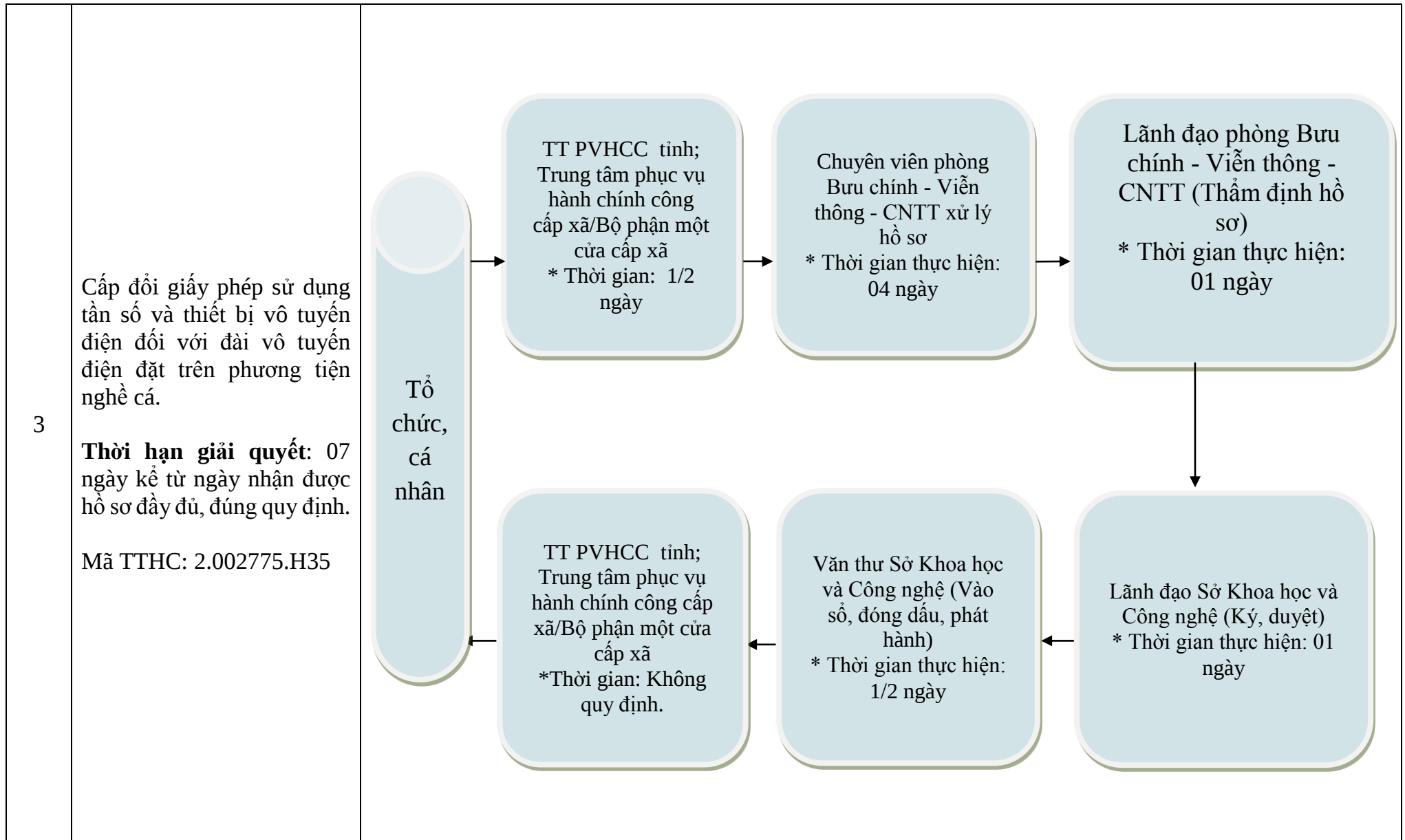






II	LĨNH VỰC TÀN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN (14 TTHC)		
1	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá. Thời gian thực hiện: 11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định. Mã TTHC: 2.002777.H35	Tổ chức, cá nhân TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: 1/2 ngày Chuyên viên phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT xử lý hồ sơ * Thời gian thực hiện: 07 ngày Lãnh đạo phòng Bưu chính - Viễn thông - CNTT (Thẩm định hồ sơ) * Thời gian thực hiện: 02 ngày Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ (Ký, duyệt) * Thời gian thực hiện: 01 ngày Văn thư Sở Khoa học và Công nghệ (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian thực hiện: 1/2 ngày TT PVHCC tỉnh; Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã/Bộ phận một cửa cấp xã * Thời gian: Không quy định.	





4

Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.

- Thời gian thực hiện:

11 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, đúng quy định

Mã TTHC: 2.002779.H35

Tổ chức,
cá nhân

TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ
hành chính công cấp
xã/Bộ phận một cửa
cấp xã
* Thời gian: 1/2
ngày

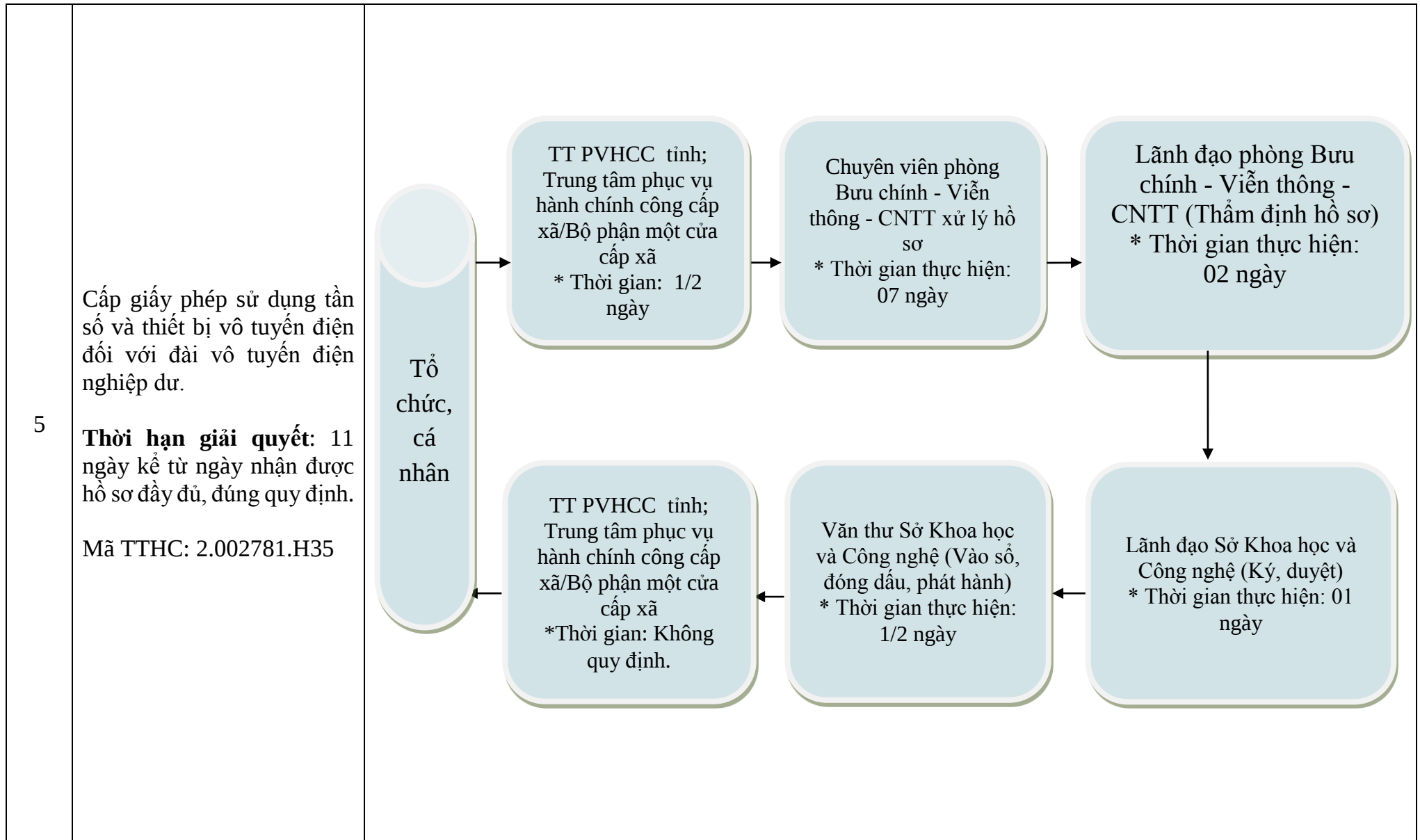
Chuyên viên phòng
Bưu chính - Viễn
thông - CNTT xử lý hồ
sơ
* Thời gian thực hiện:
07 ngày

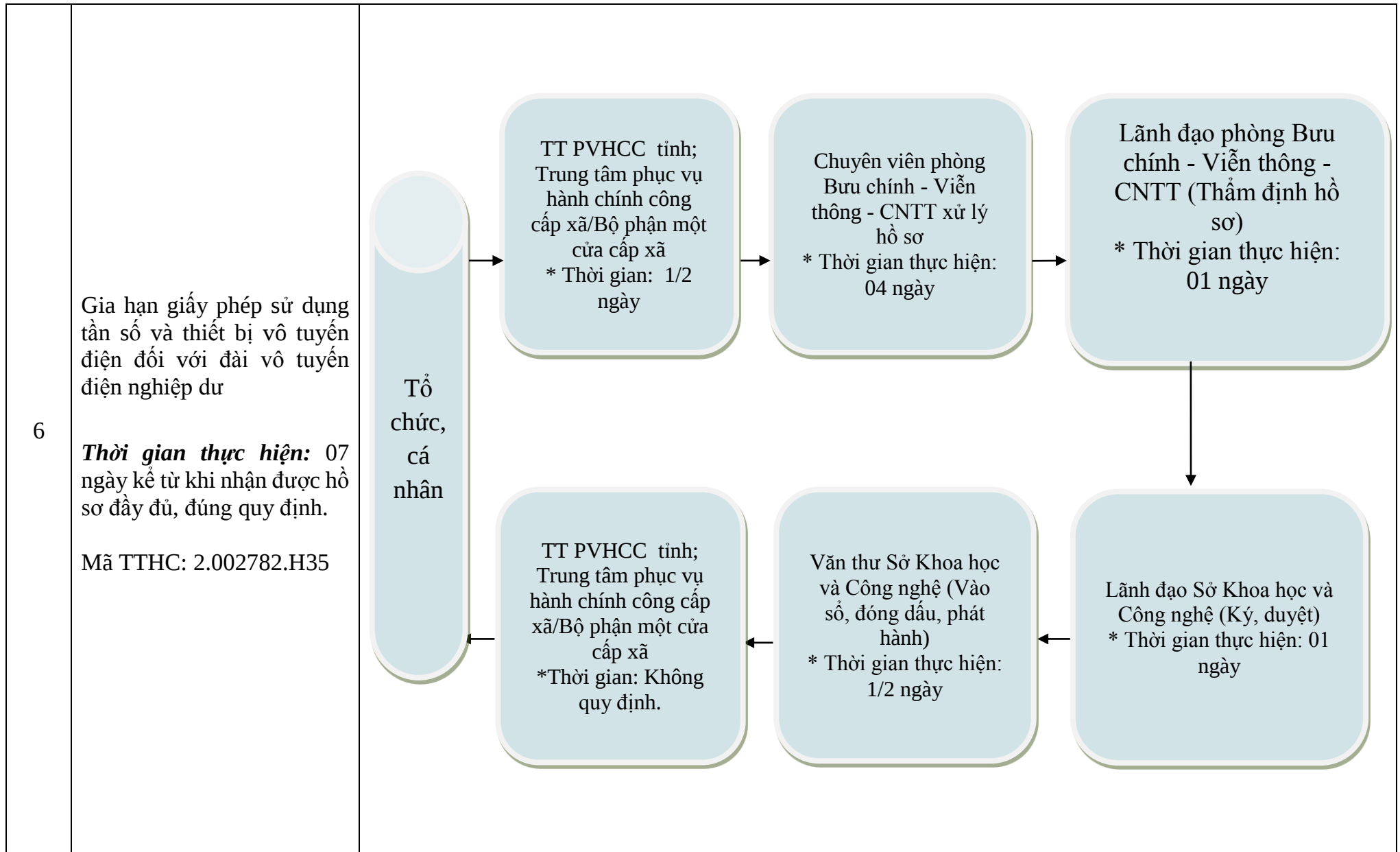
Lãnh đạo phòng Bưu
chính - Viễn thông -
CNTT (Thẩm định hồ sơ)
* Thời gian thực hiện:
02 ngày

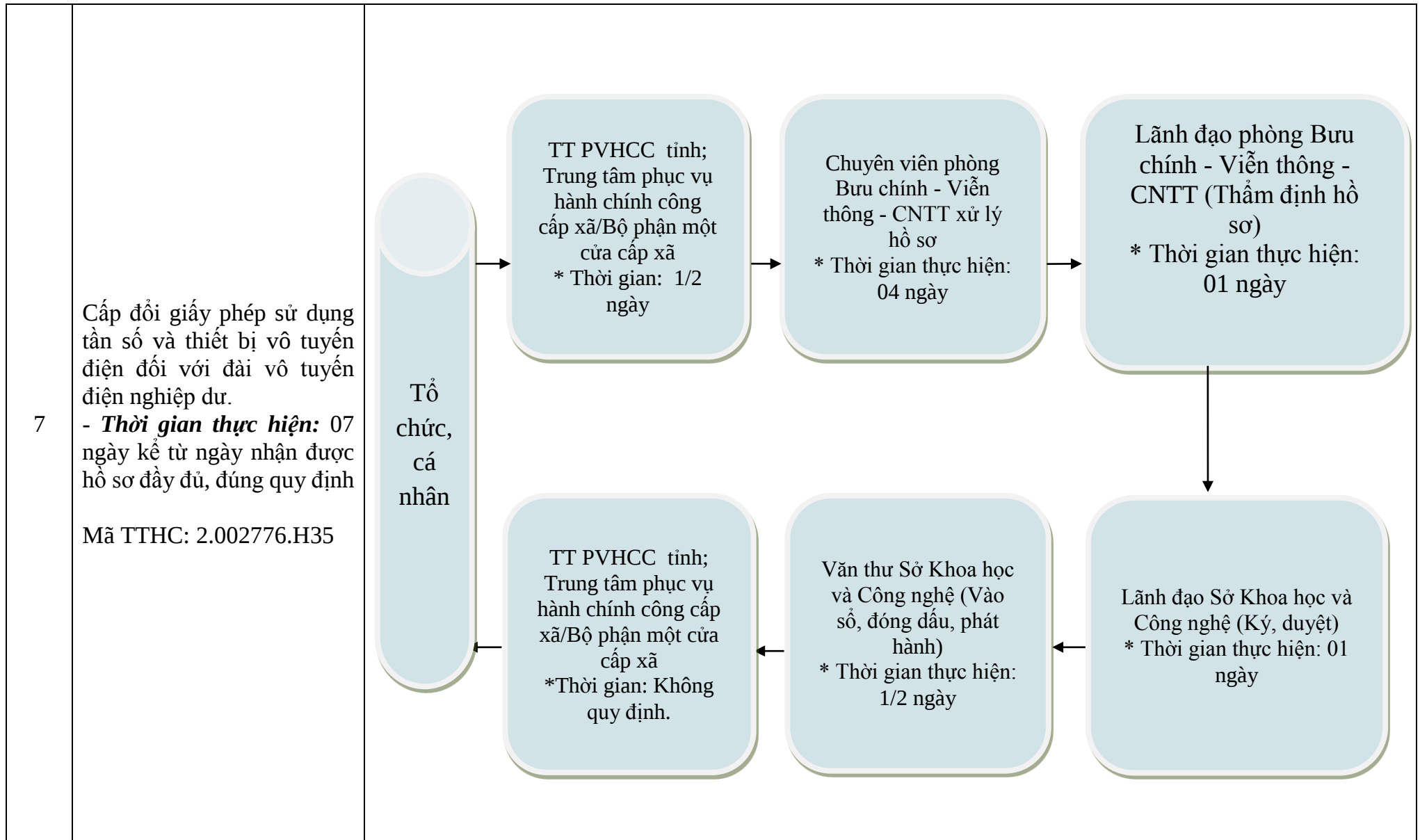
TT PVHCC tỉnh;
Trung tâm phục vụ
hành chính công cấp
xã/Bộ phận một cửa
cấp xã
* Thời gian: Không
quy định.

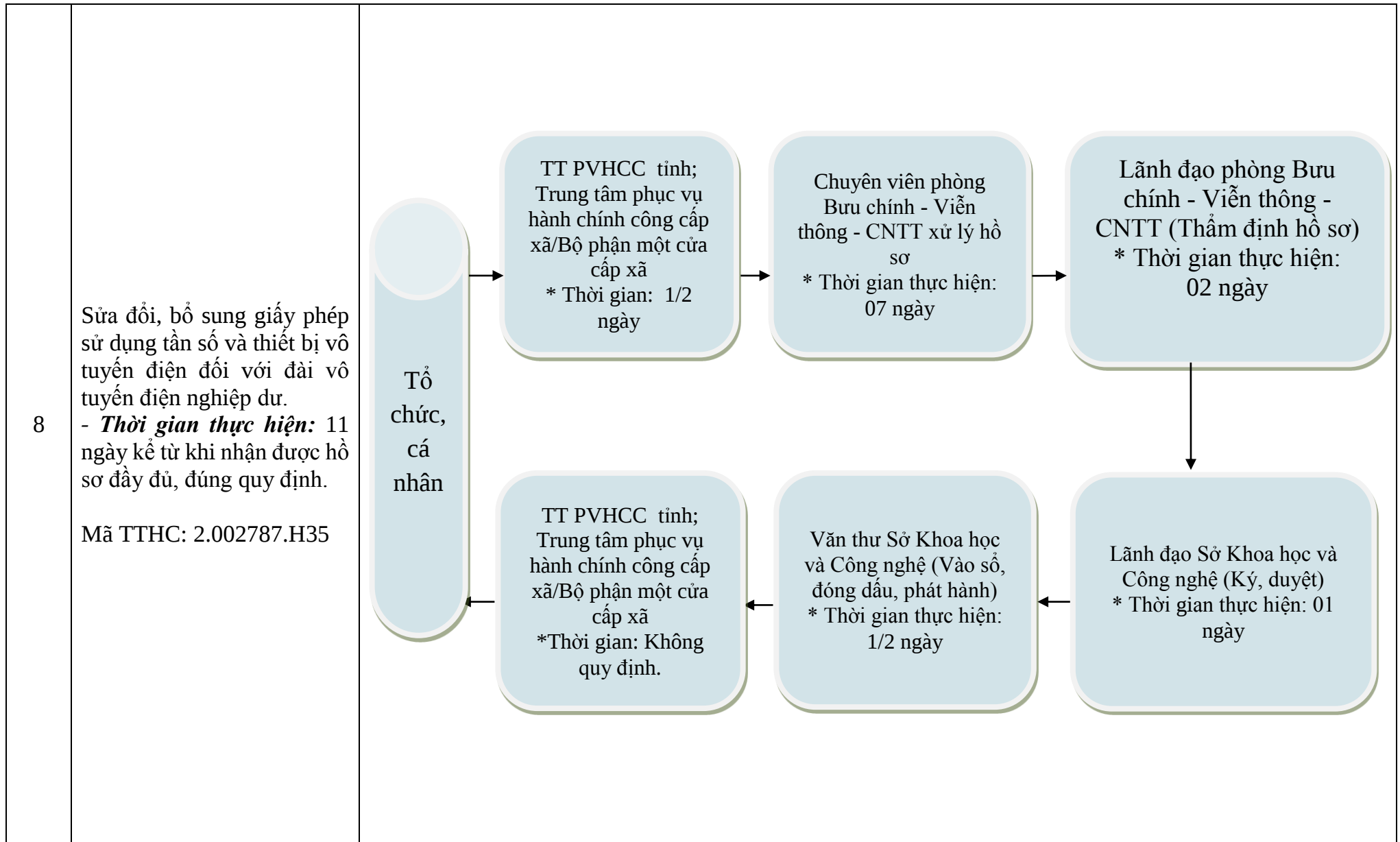
Văn thư Sở Khoa học
và Công nghệ (Vào sổ,
đóng dấu, phát hành)
* Thời gian thực hiện:
1/2 ngày

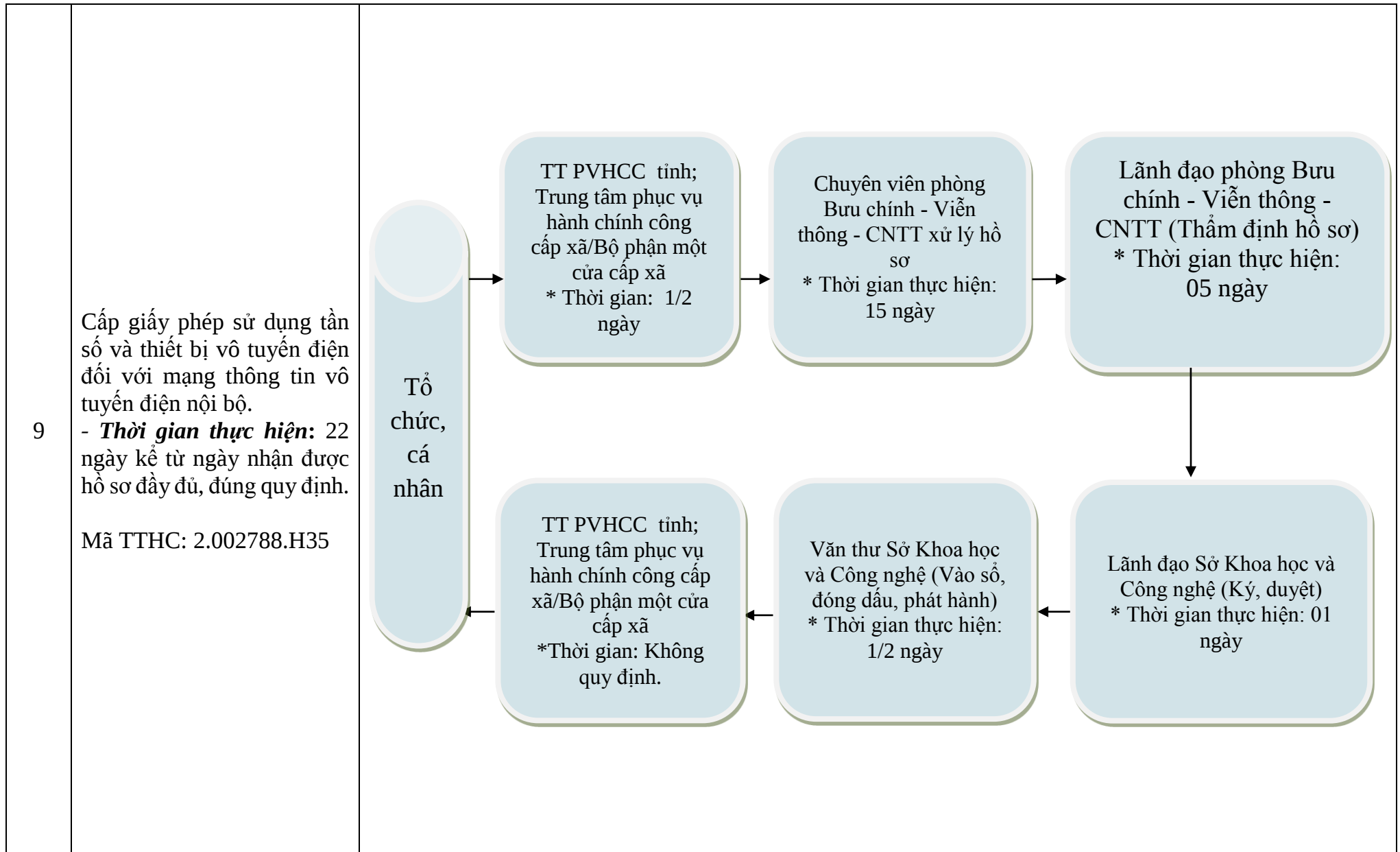
Lãnh đạo Sở Khoa học và
Công nghệ (Ký, duyệt)
* Thời gian thực hiện: 01
ngày

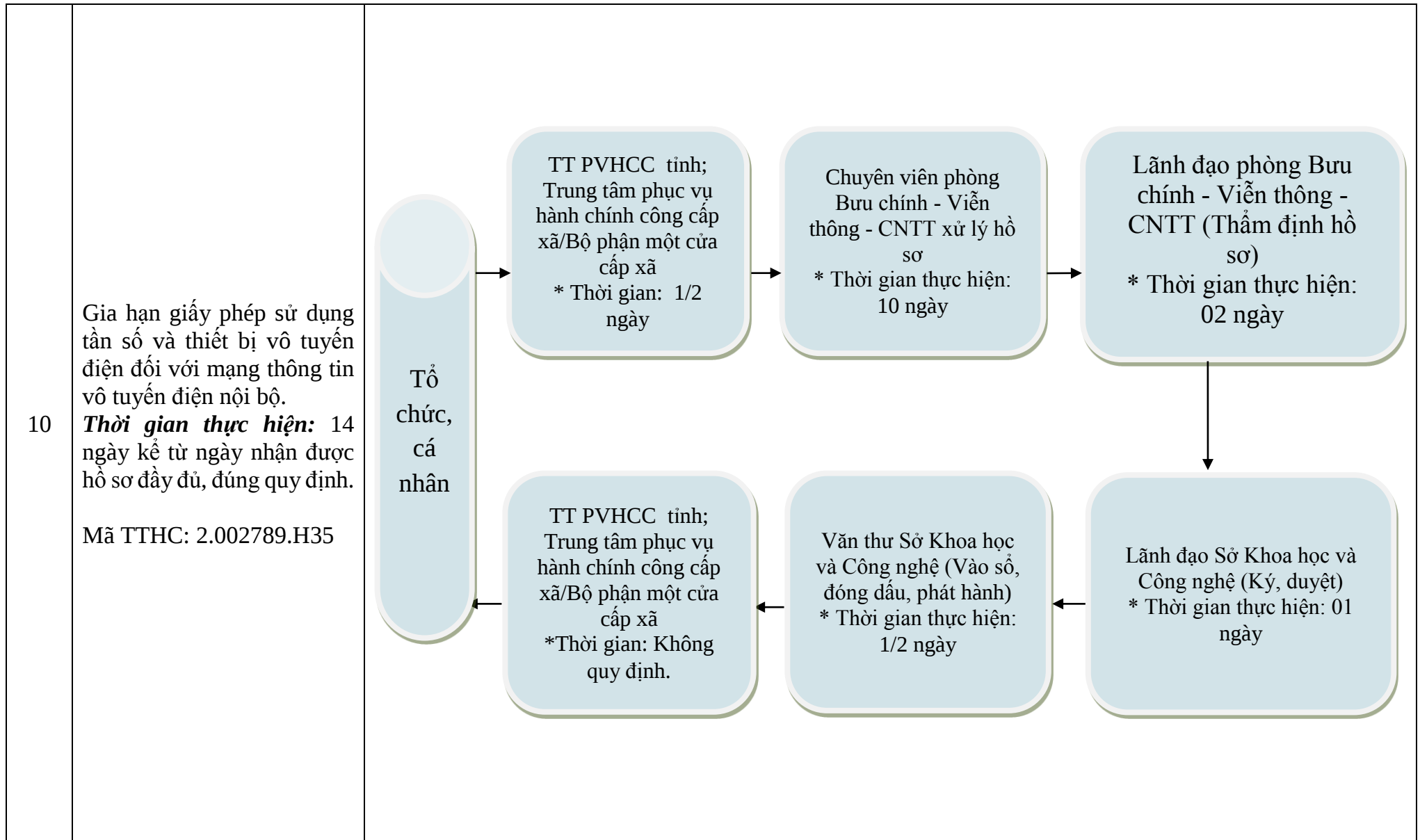


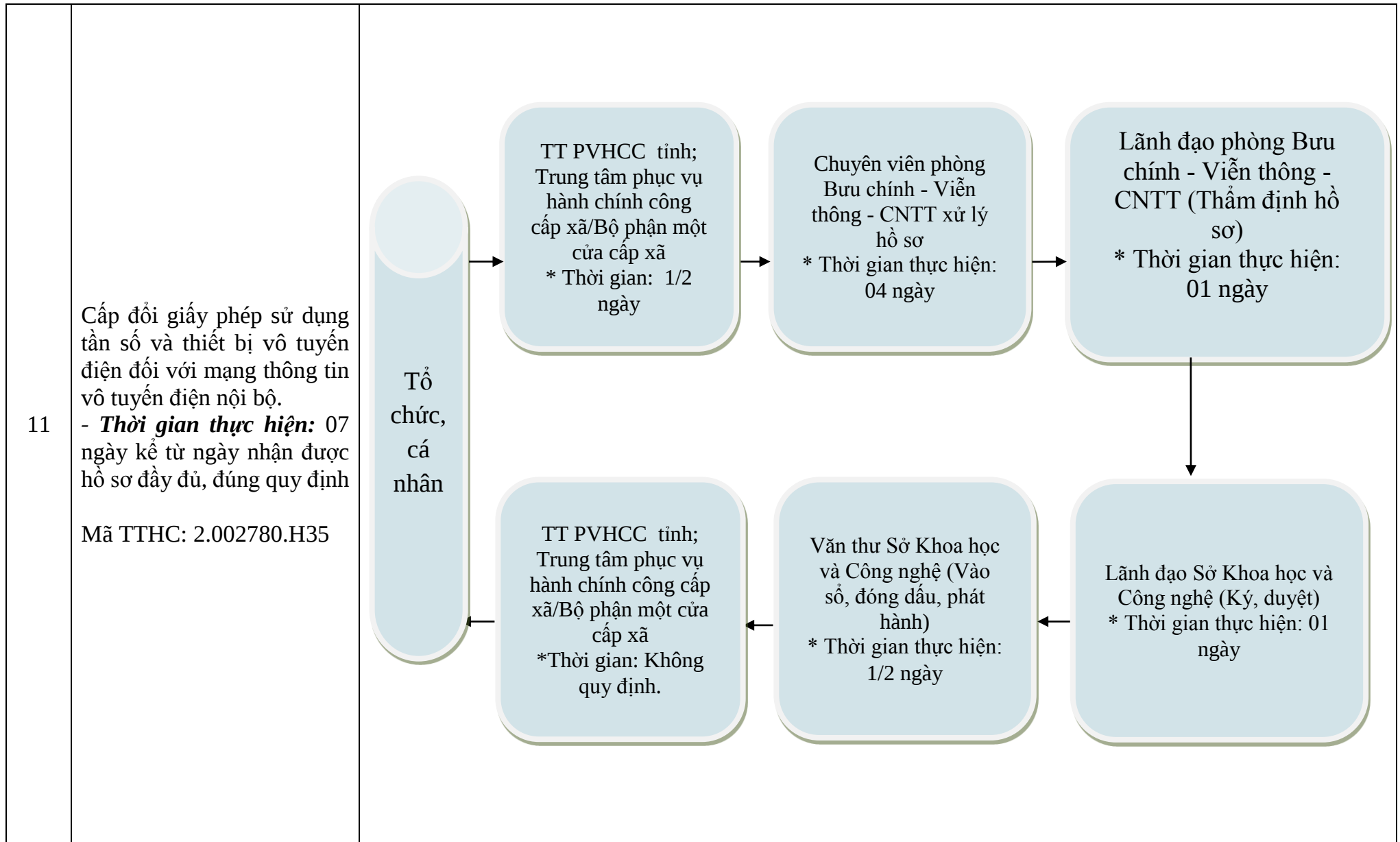


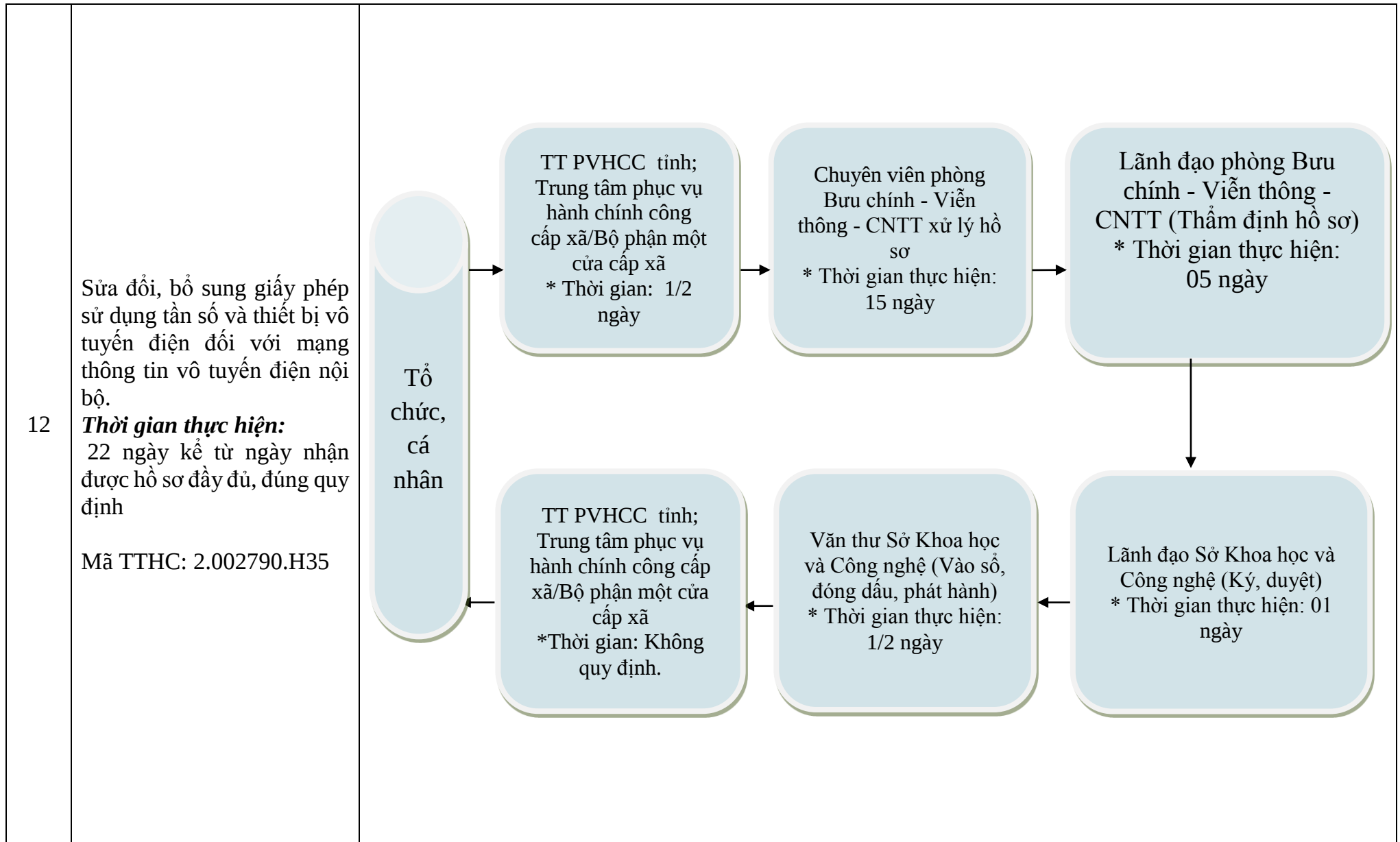


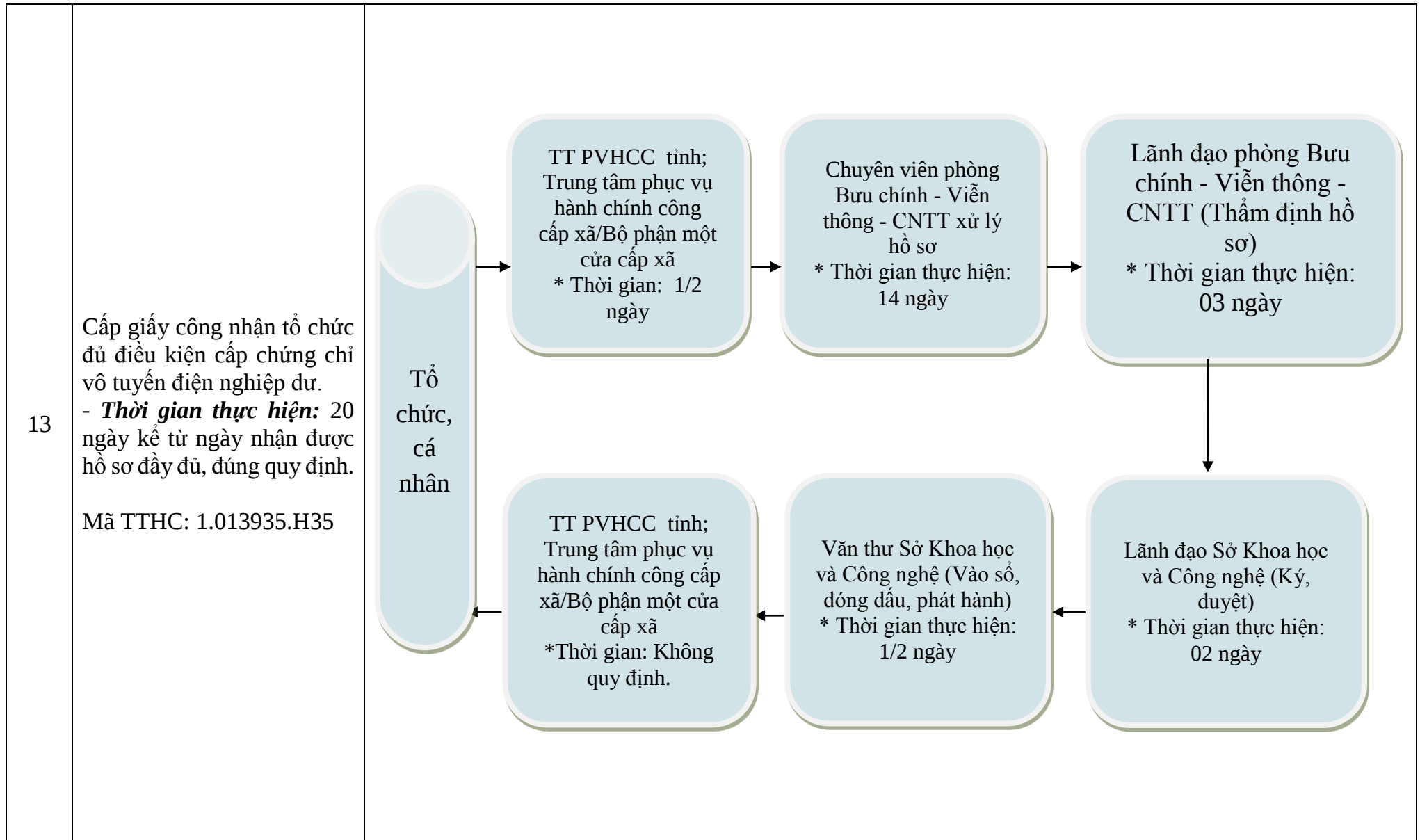


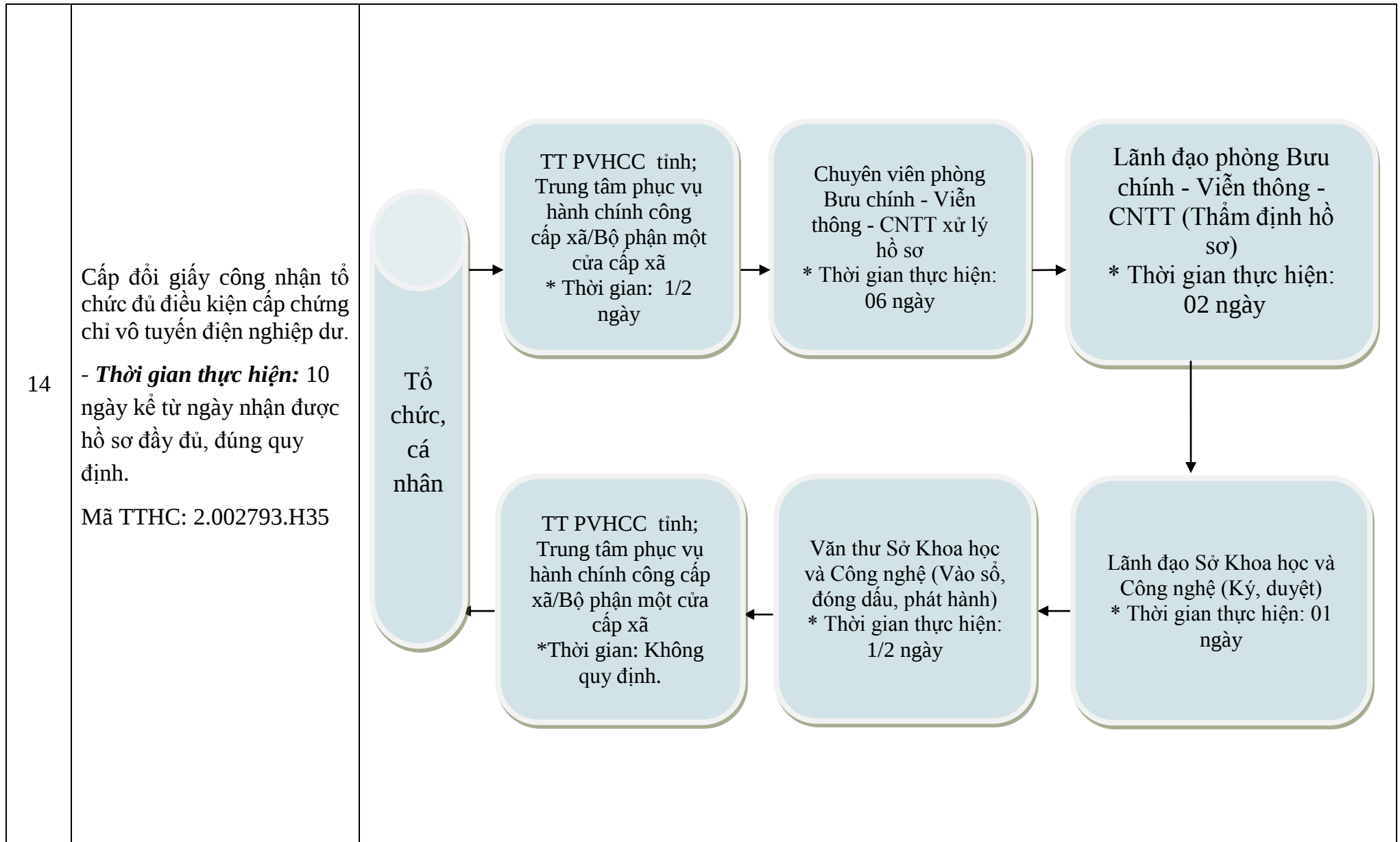


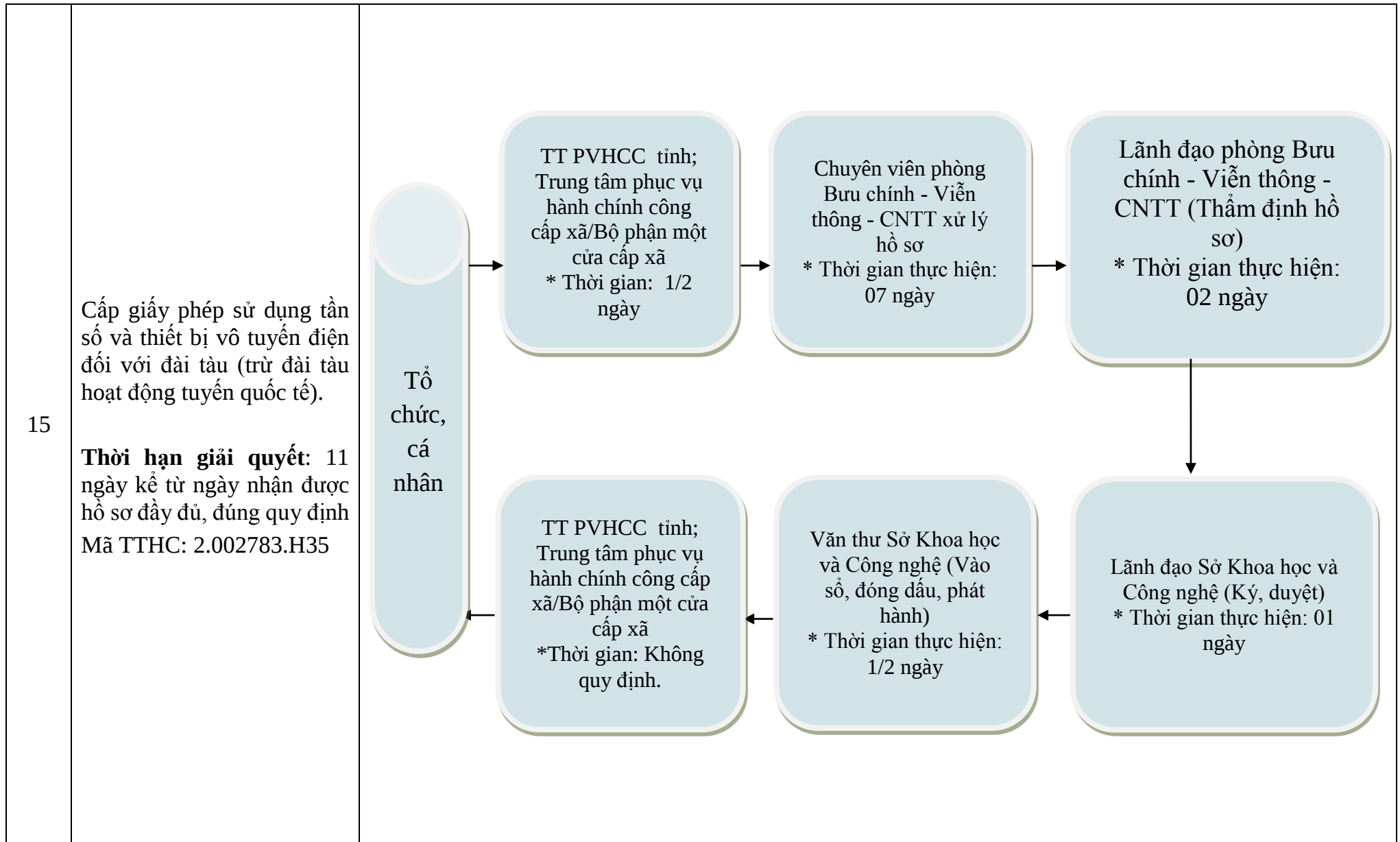


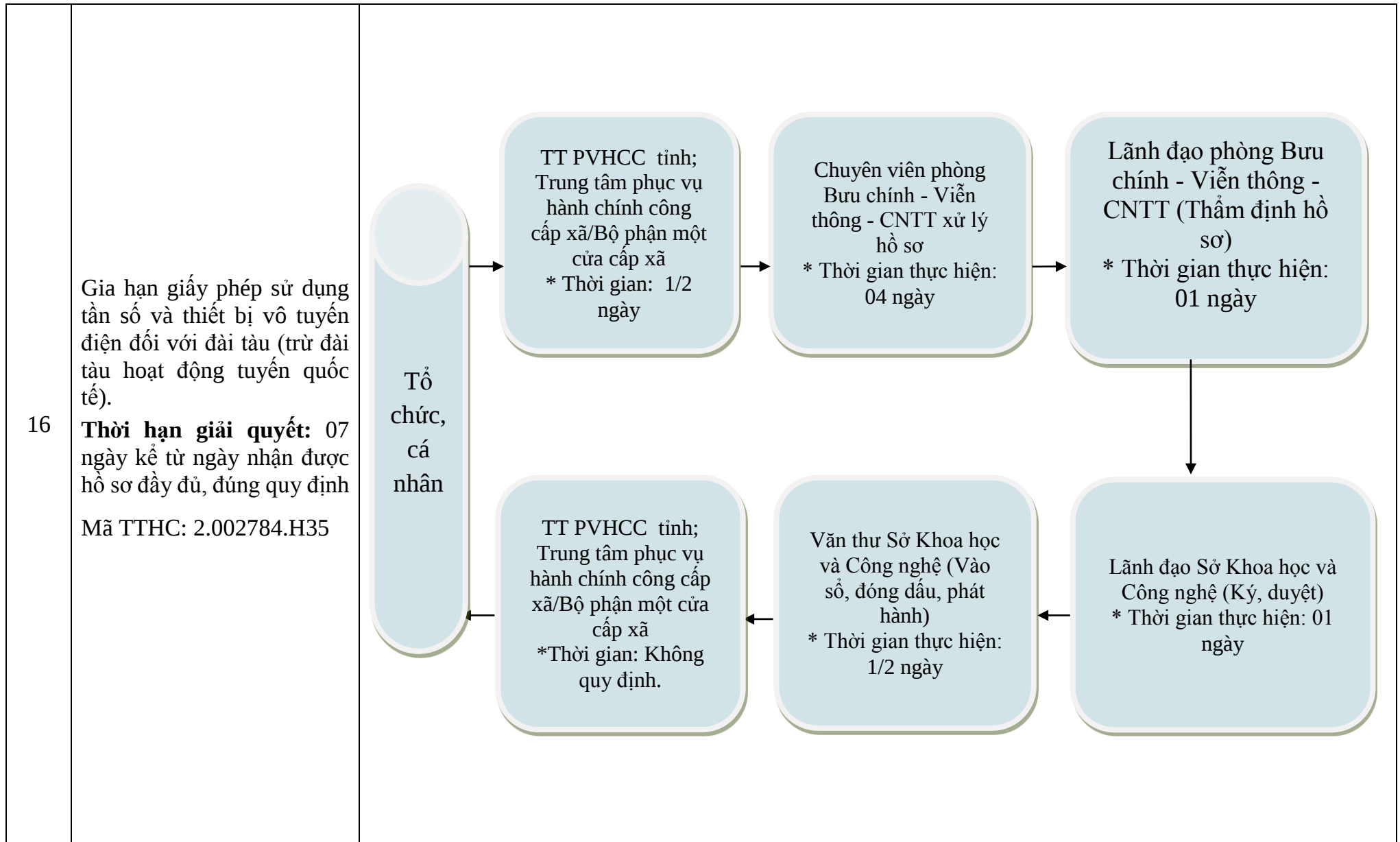


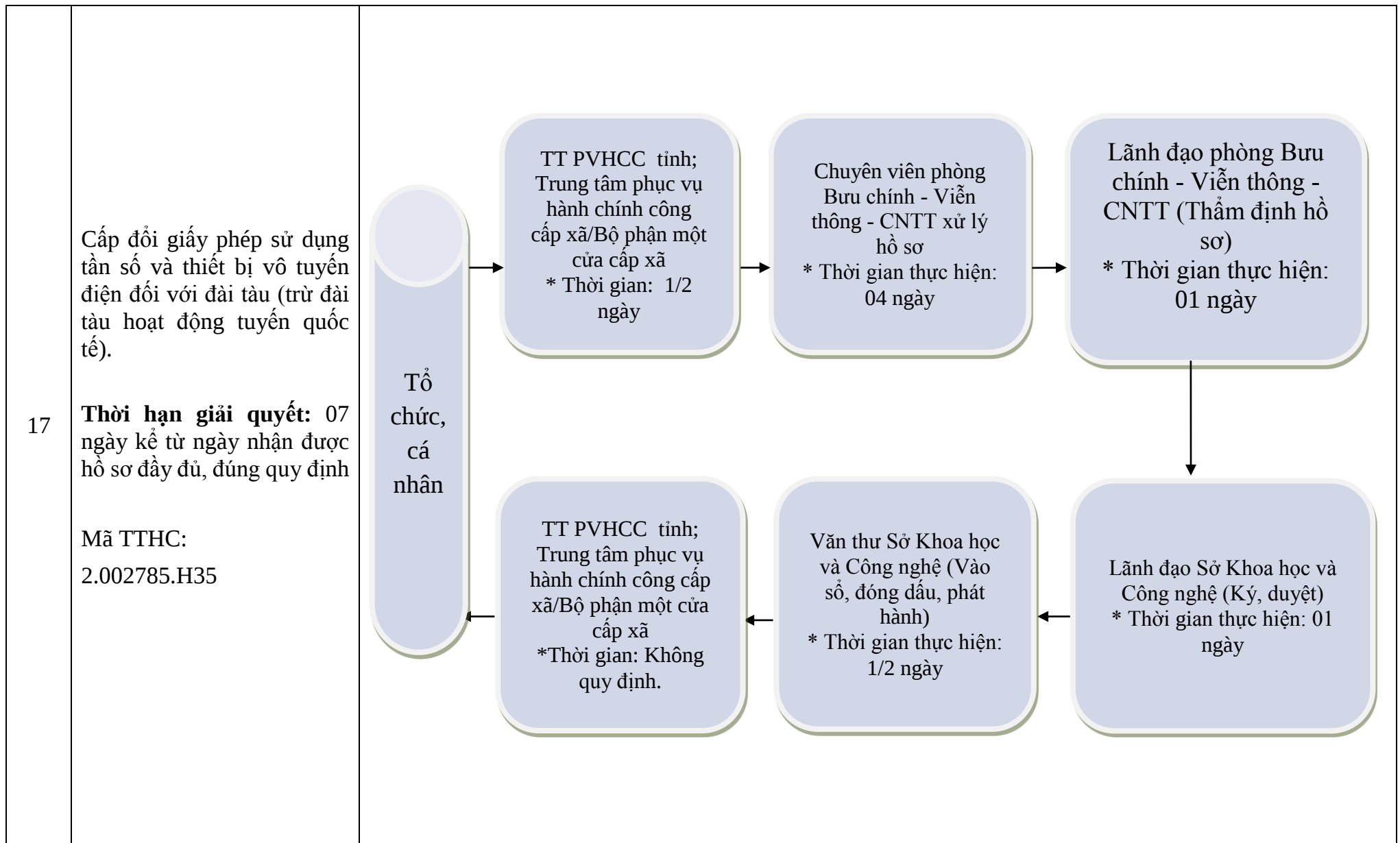


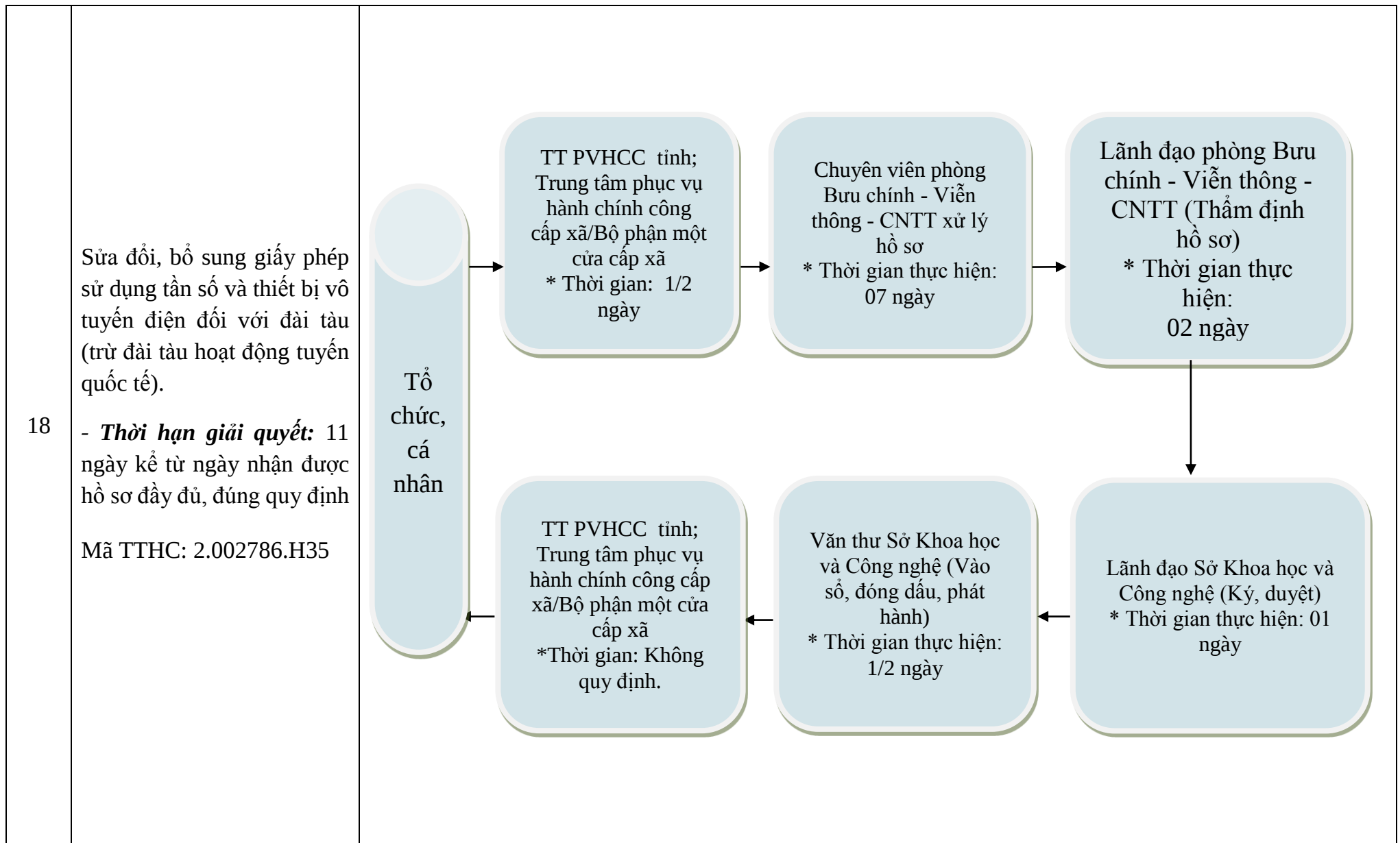


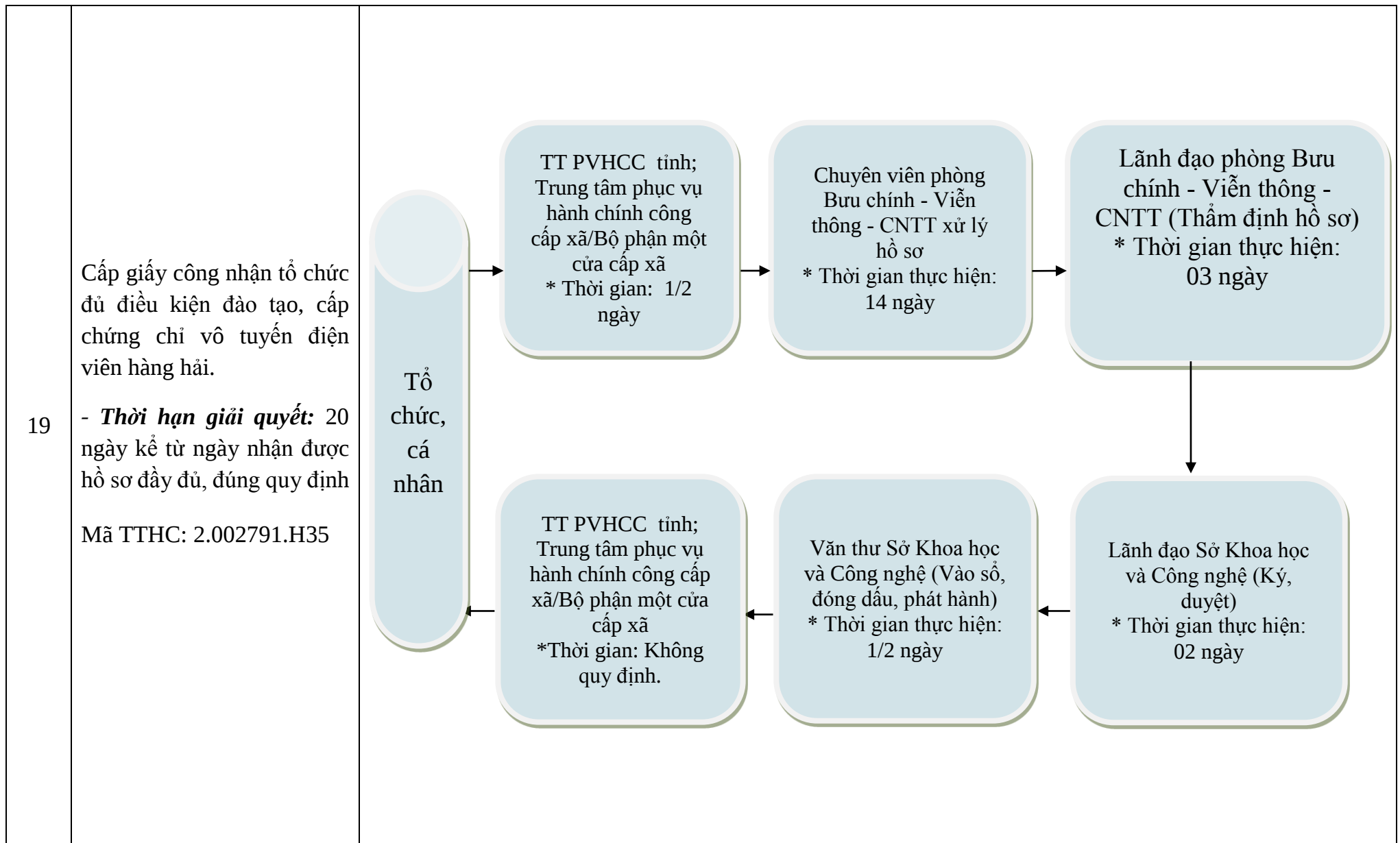


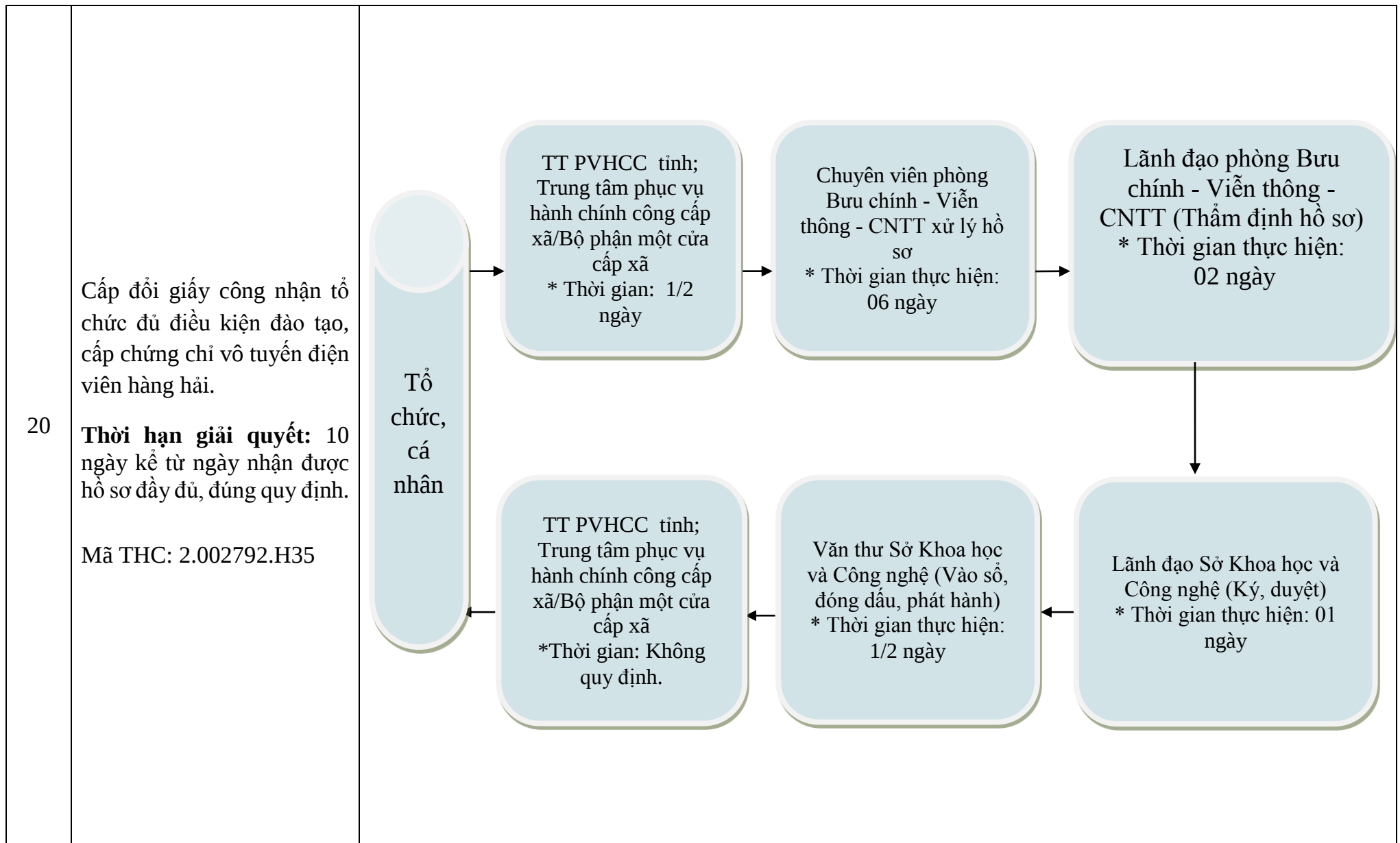




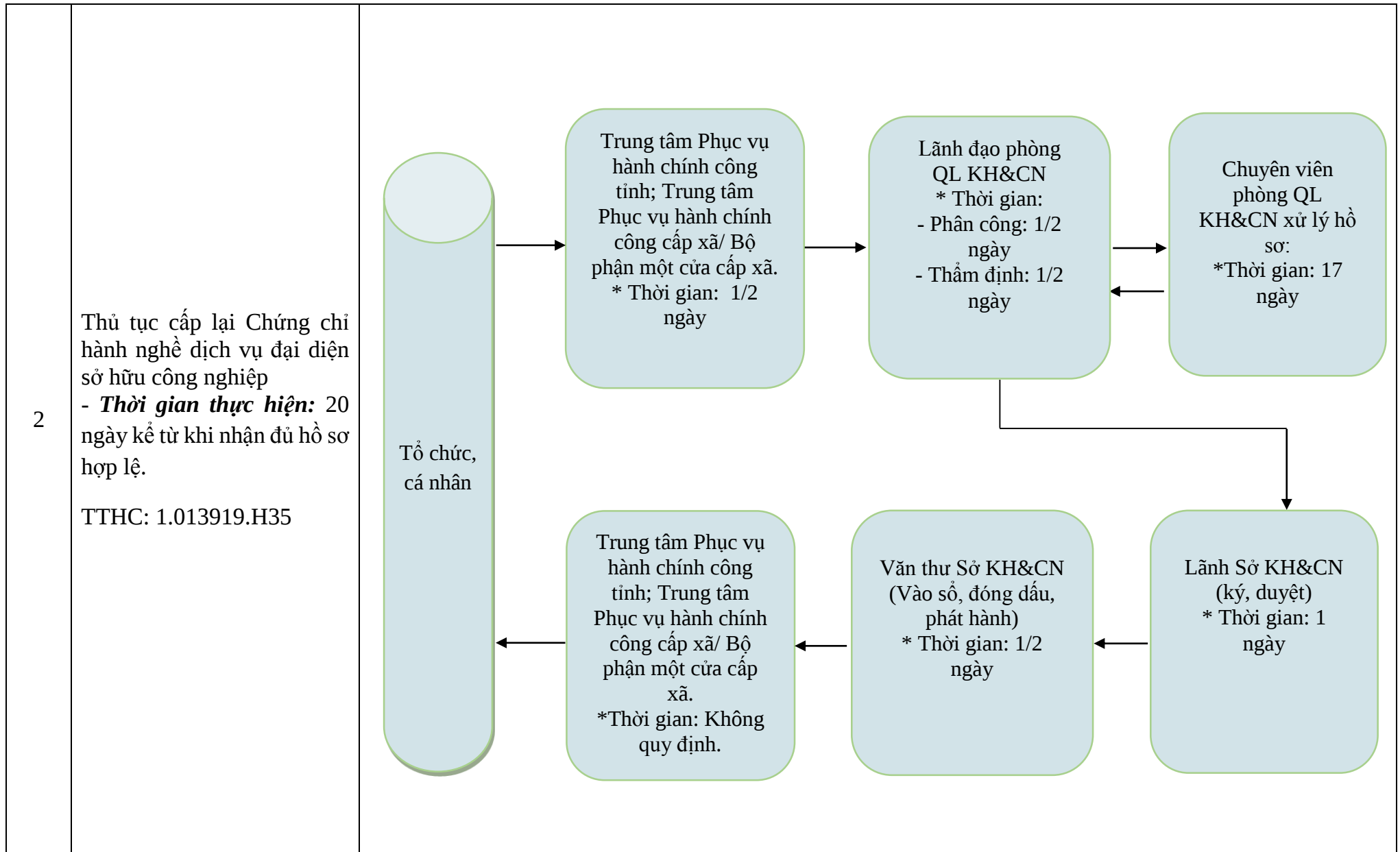




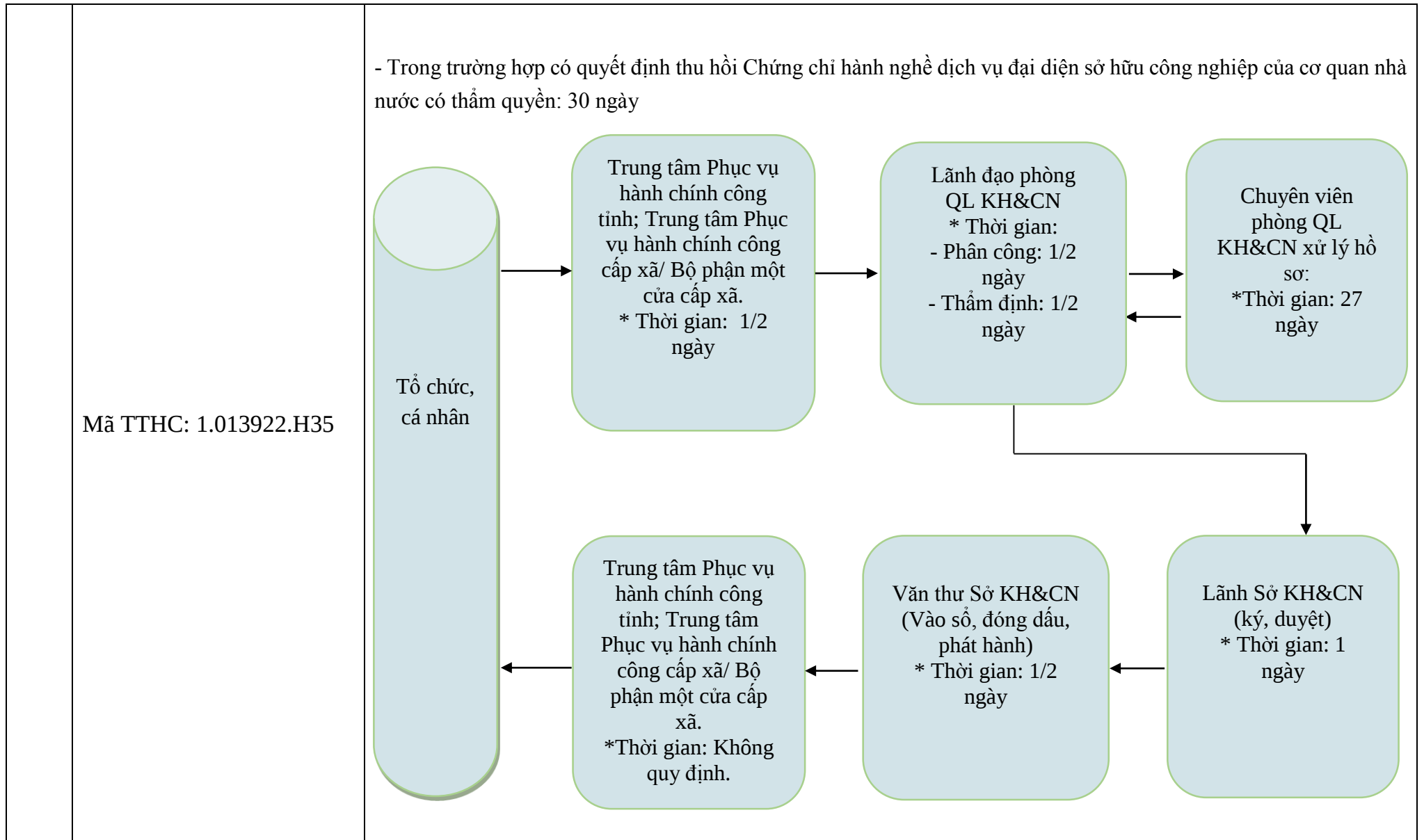




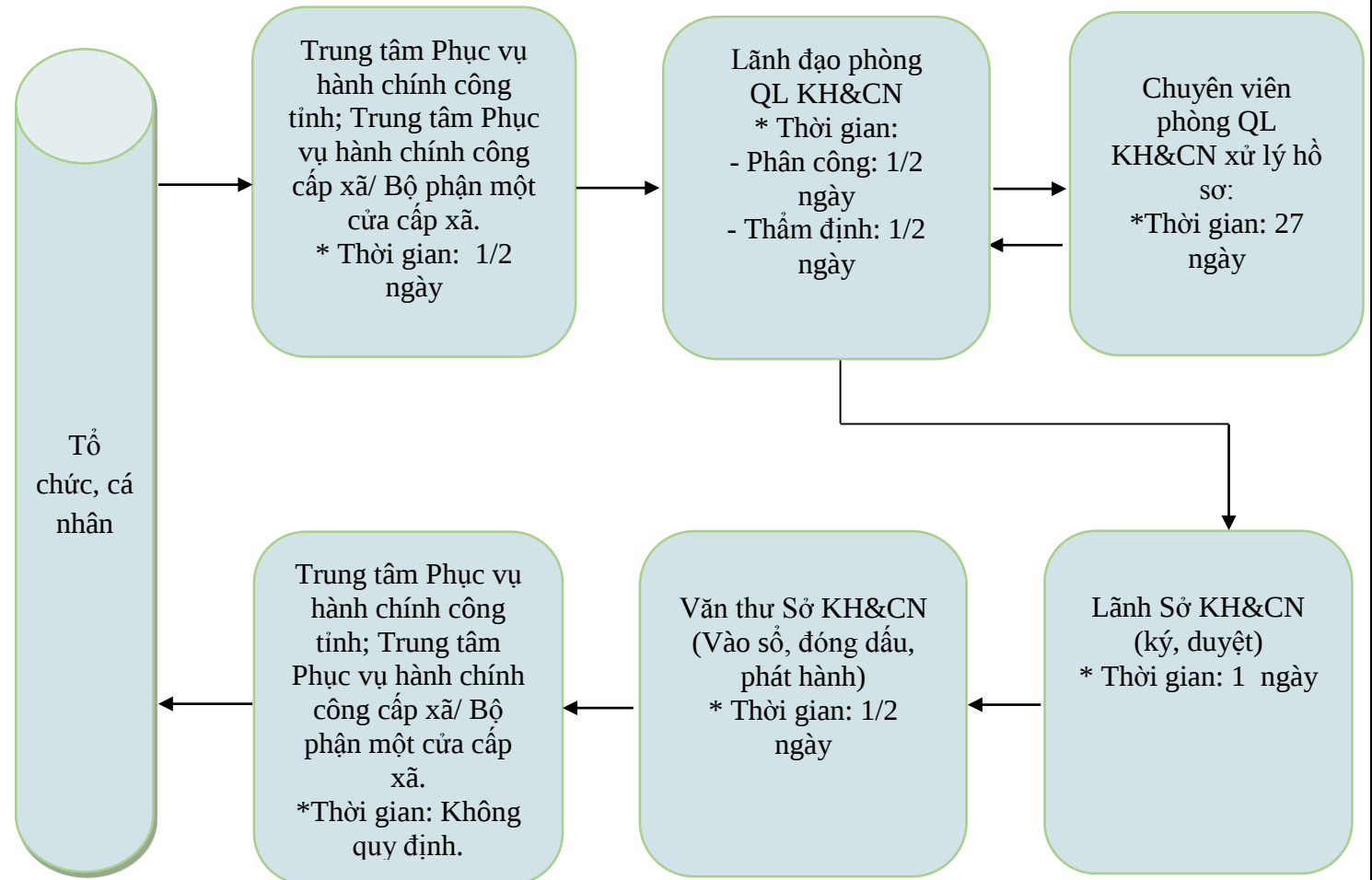
III	LĨNH VỰC SỞ HỮU TRÍ TUỆ (19 TTHC)	
1	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp - Thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Mã TTHC: 1.013916.H35	Tổ chức, cá nhân Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày Lãnh đạo phòng QL KH&CN * Thời gian: - Phân công: 1/2 ngày - Thẩm định: 1/2 ngày Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ: * Thời gian: 17 ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: Không quy định. Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 1/2 ngày Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 1 ngày

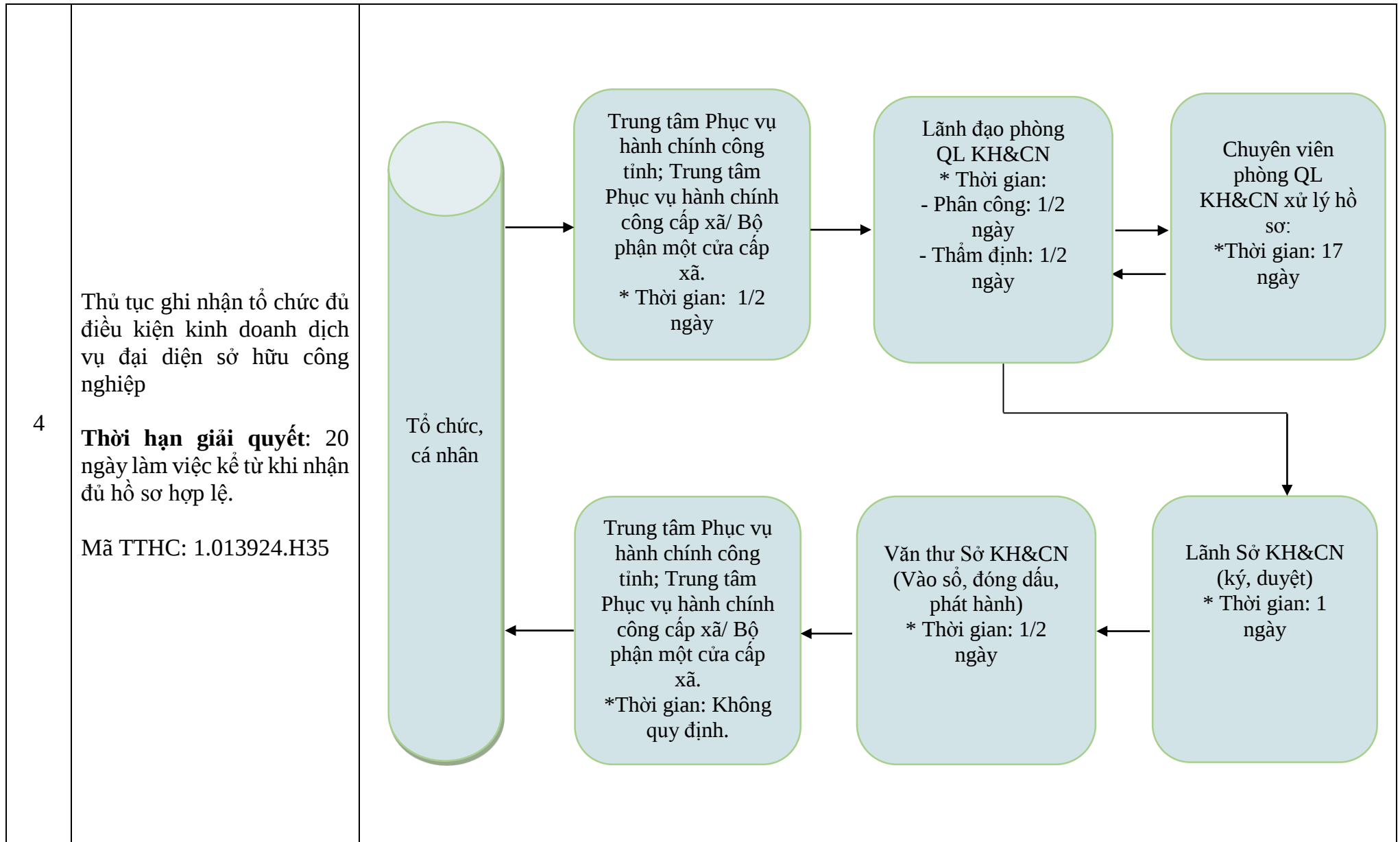


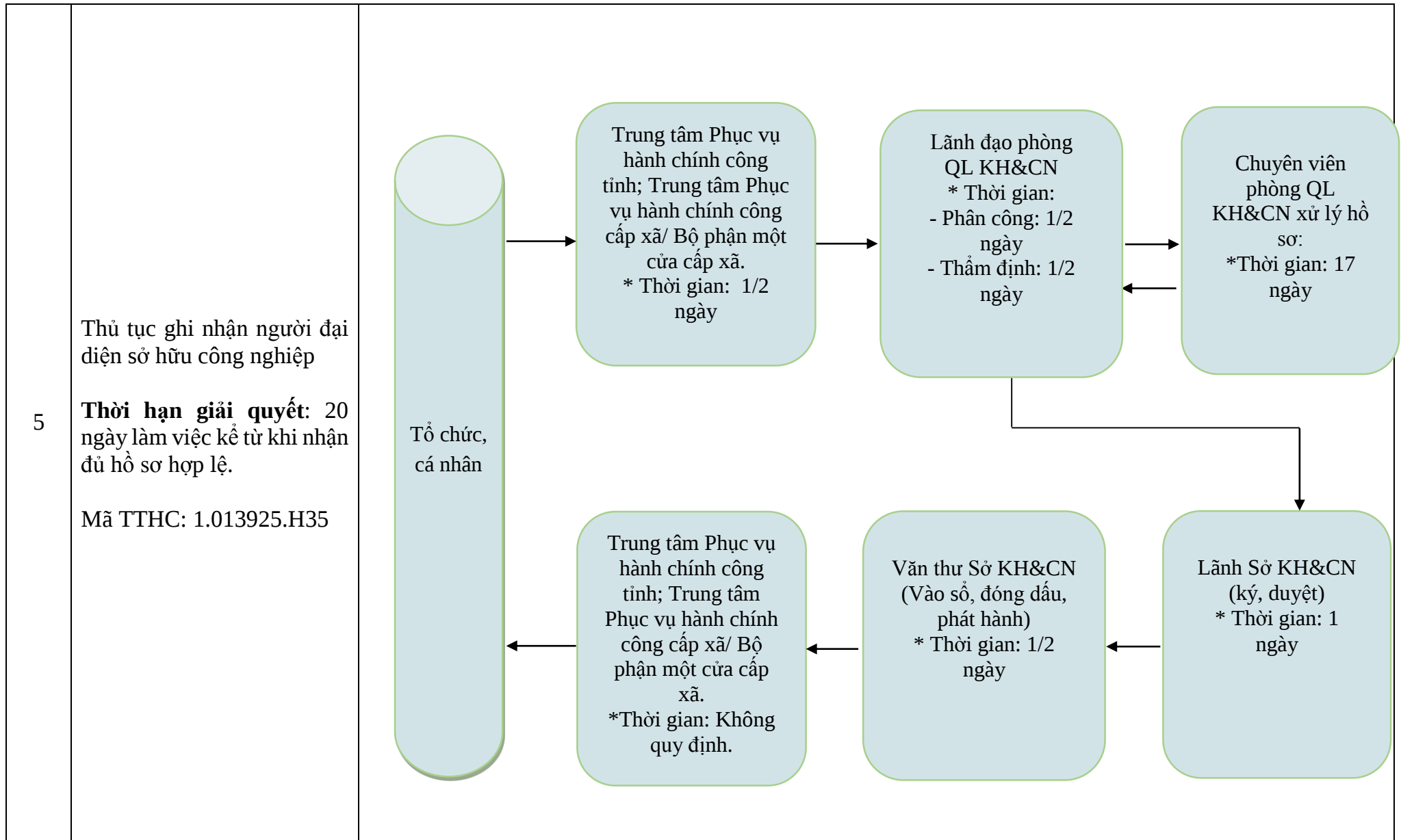
3	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp Thời gian thực hiện - 30 ngày (Trong trường hợp có quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) - 30 ngày (Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề) - 60 ngày (Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp)	- Trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp: 60 ngày <pre> graph LR A[Tổ chức, cá nhân] --> B[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày] B --> C[Lãnh đạo phòng QL KH&CN * Thời gian: - Phân công: 1/2 ngày - Thẩm định: 1/2 ngày] C --> D[Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ: * Thời gian: 57 ngày] D --> E[Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 1 ngày] E --> F[Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 1/2 ngày] F --> G[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: Không quy định.] G --> A </pre>
---	--	---

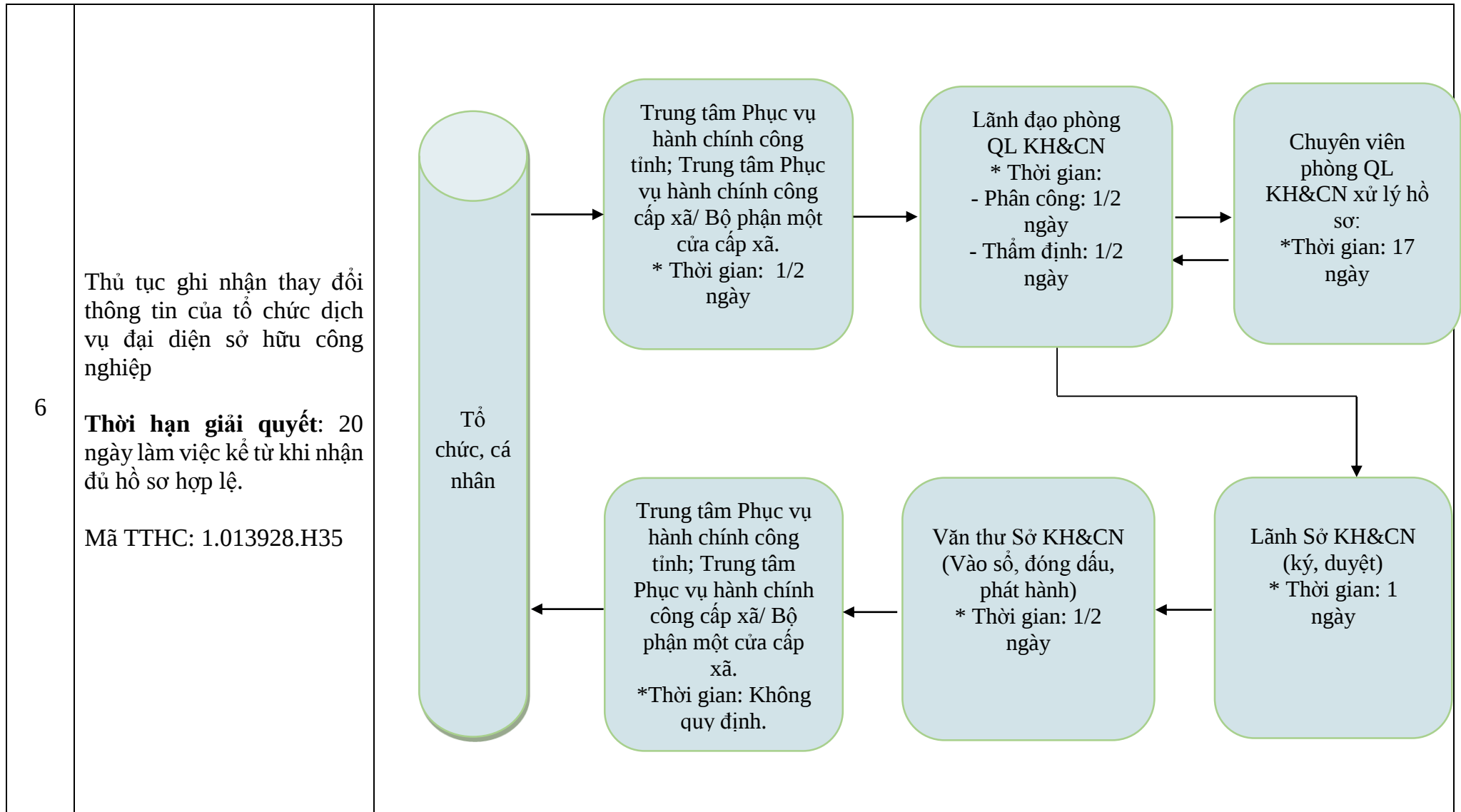


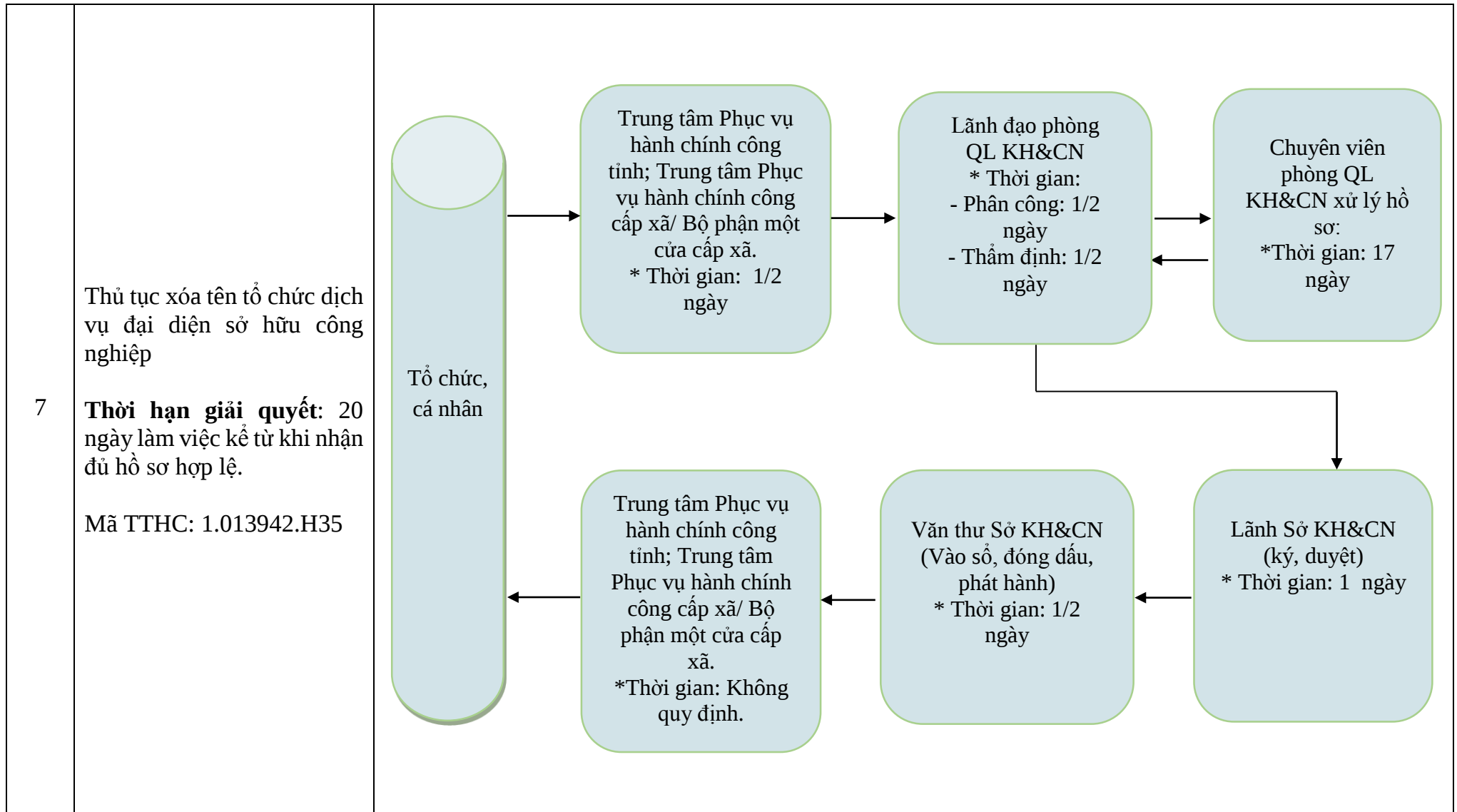
-Trong trường hợp có căn cứ khẳng định người được cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện hành nghề: 30 ngày

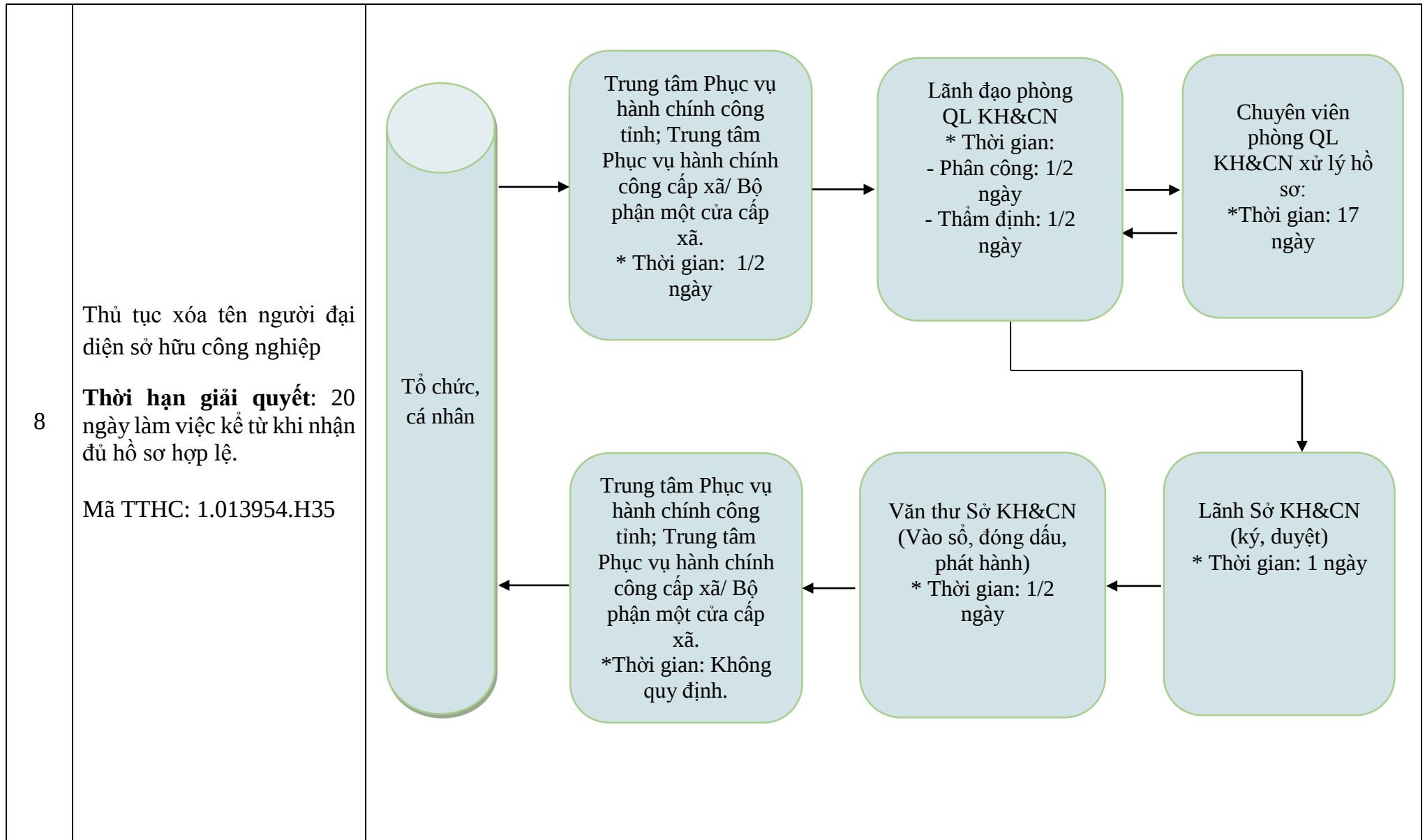


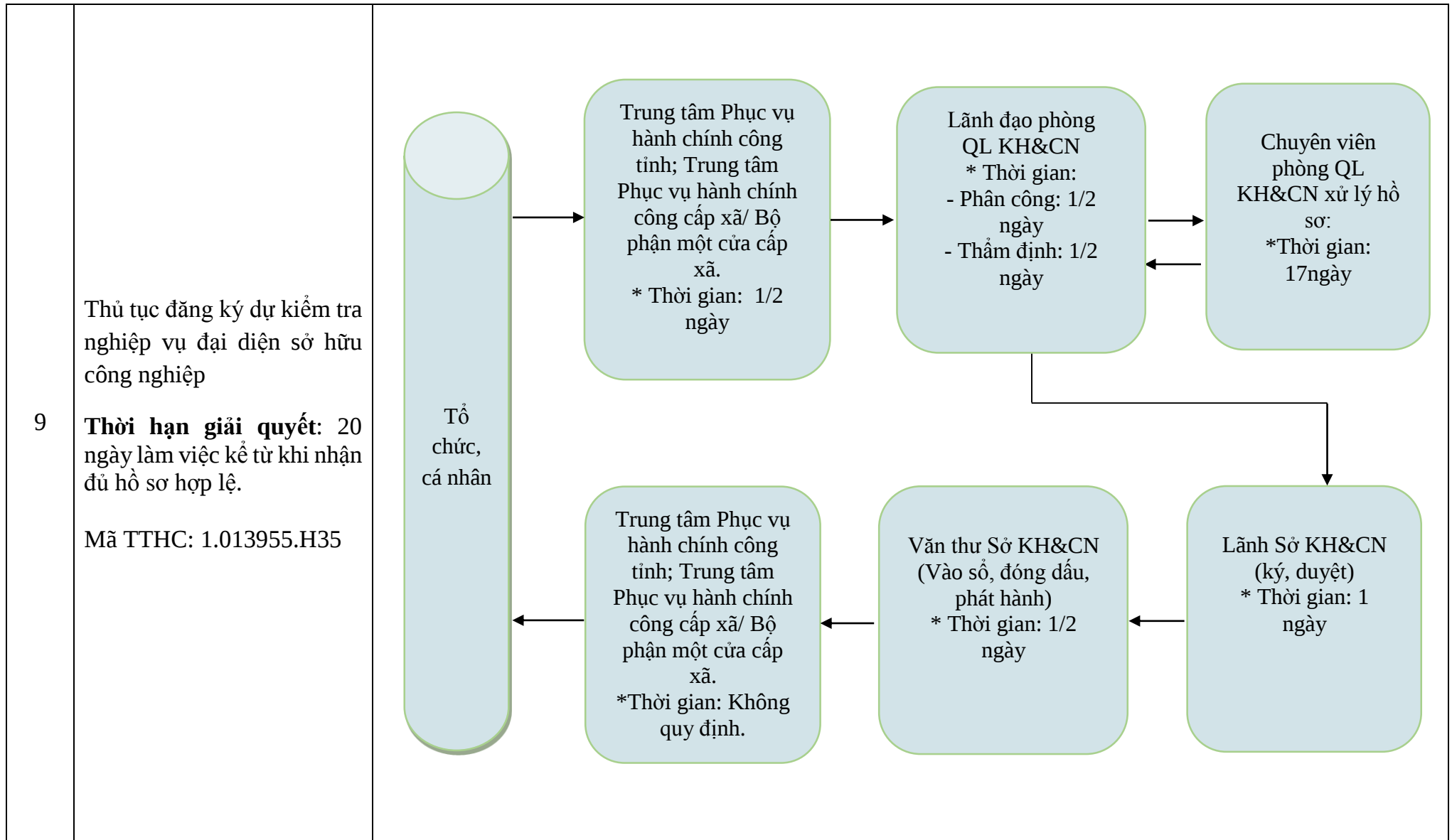


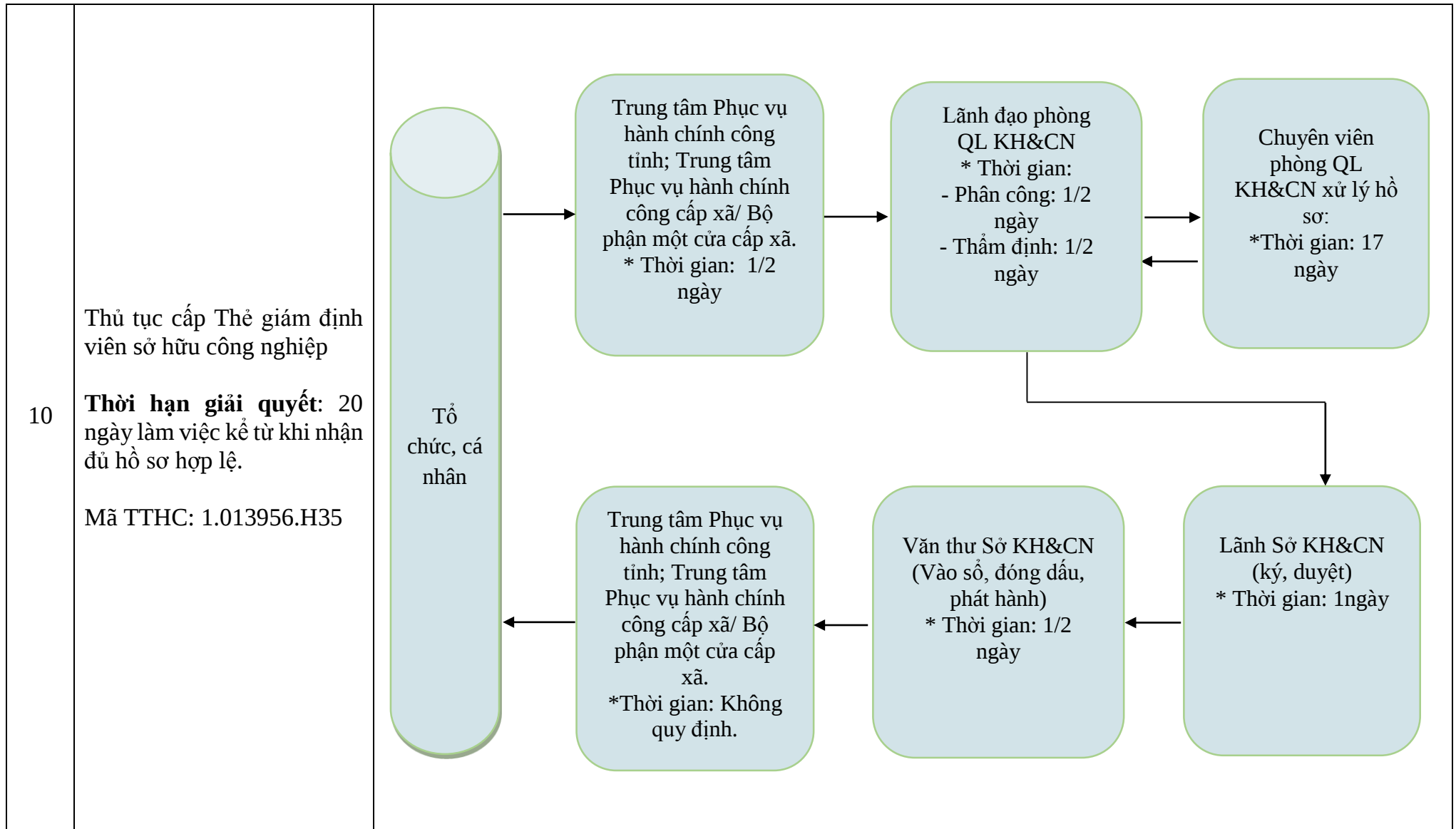


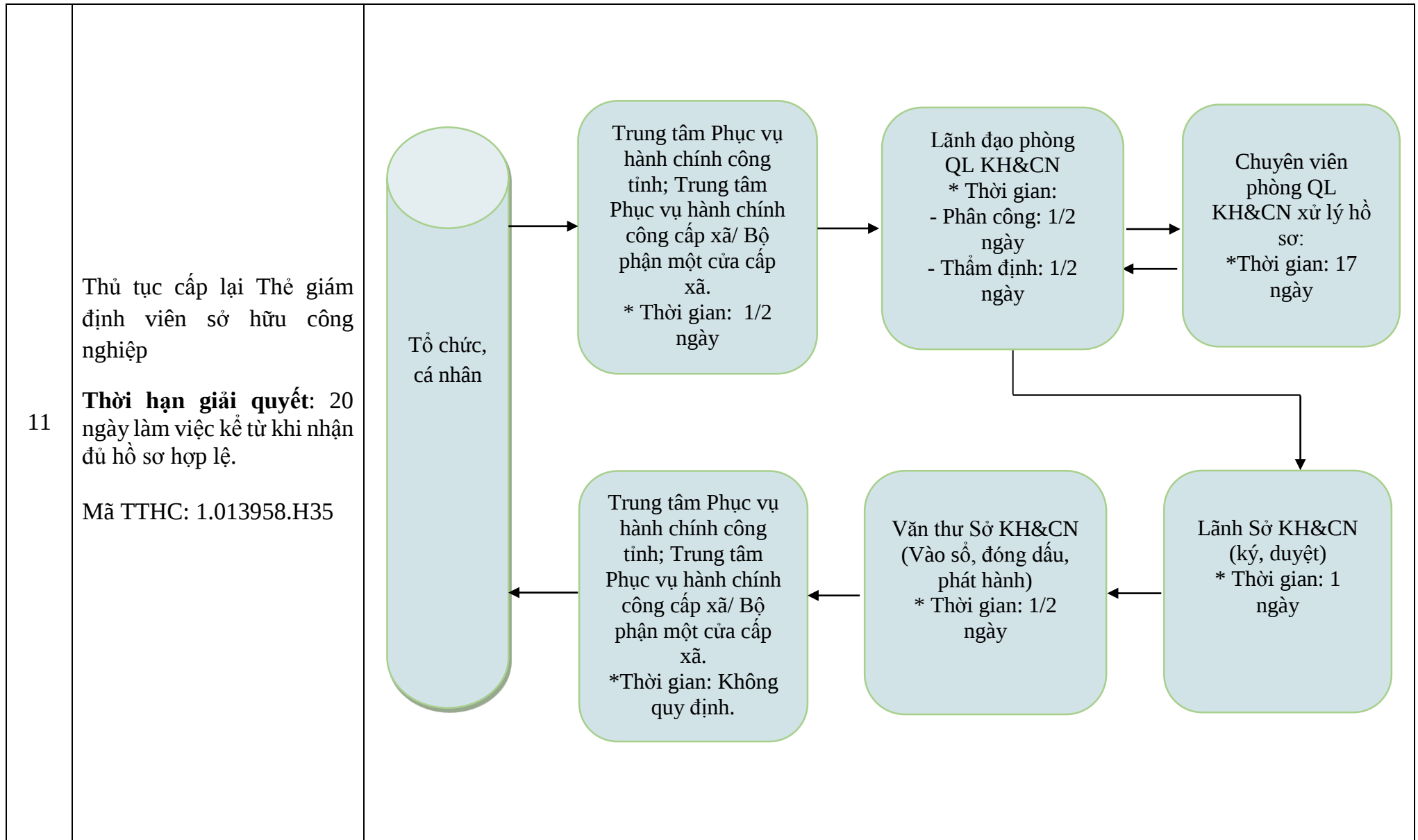


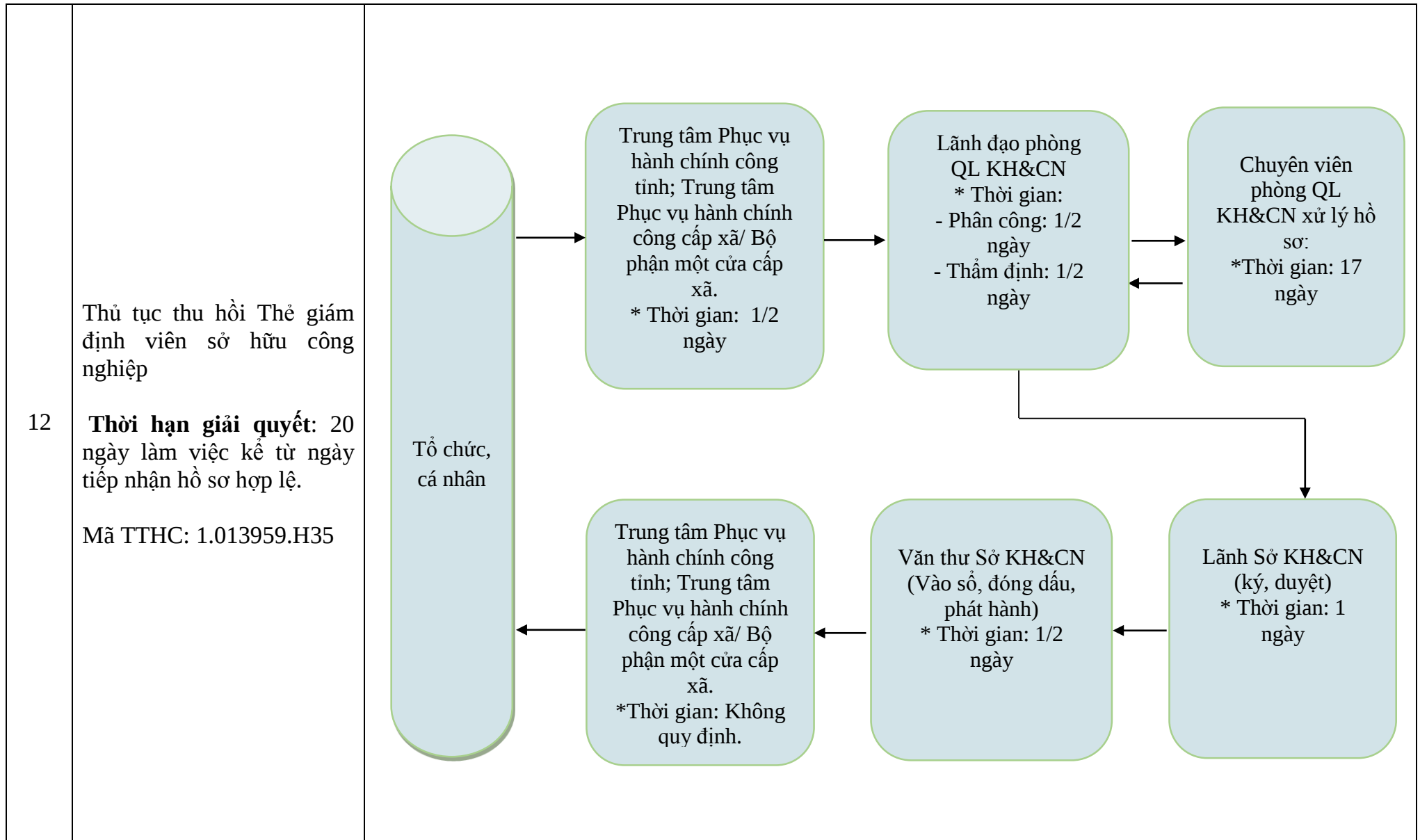


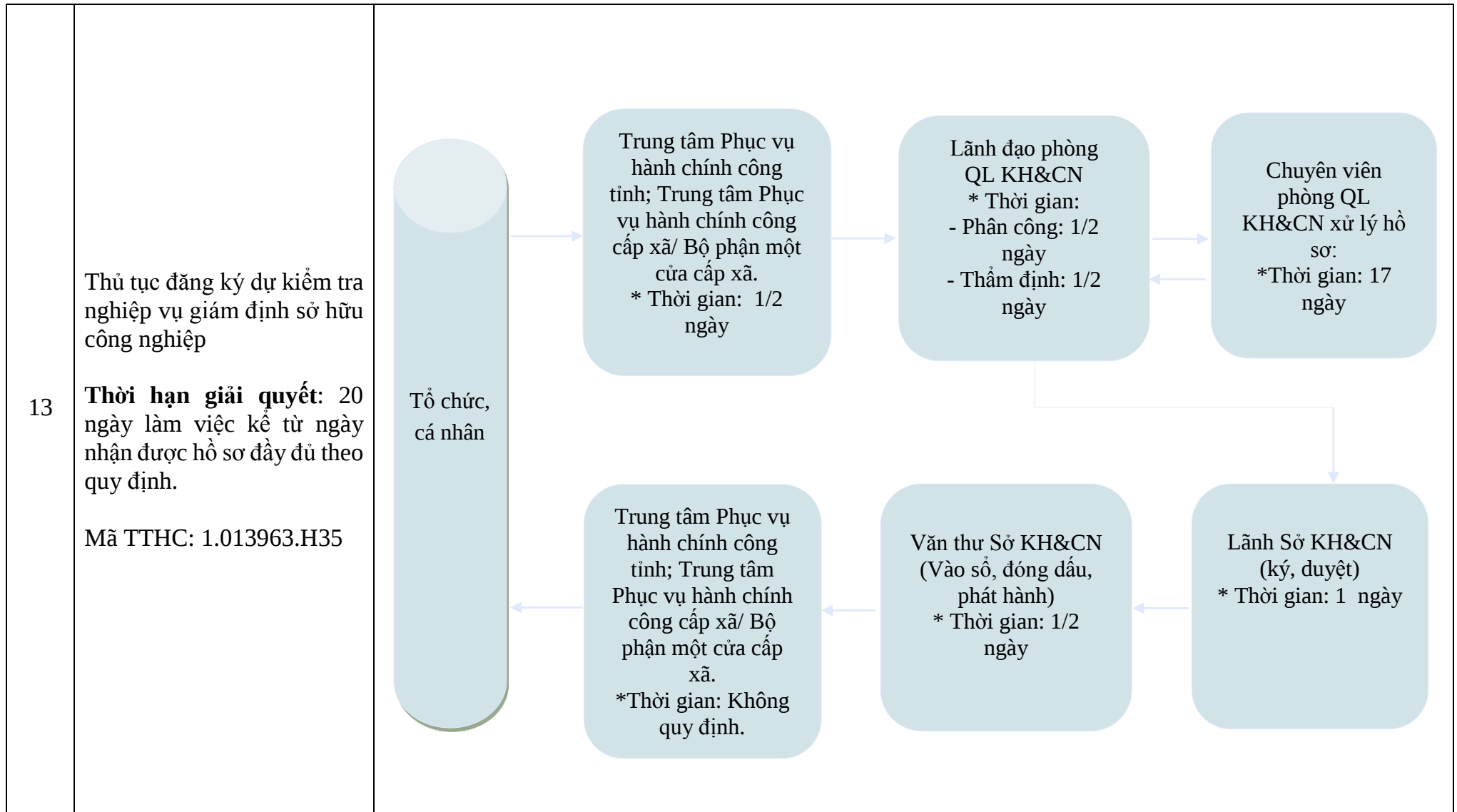


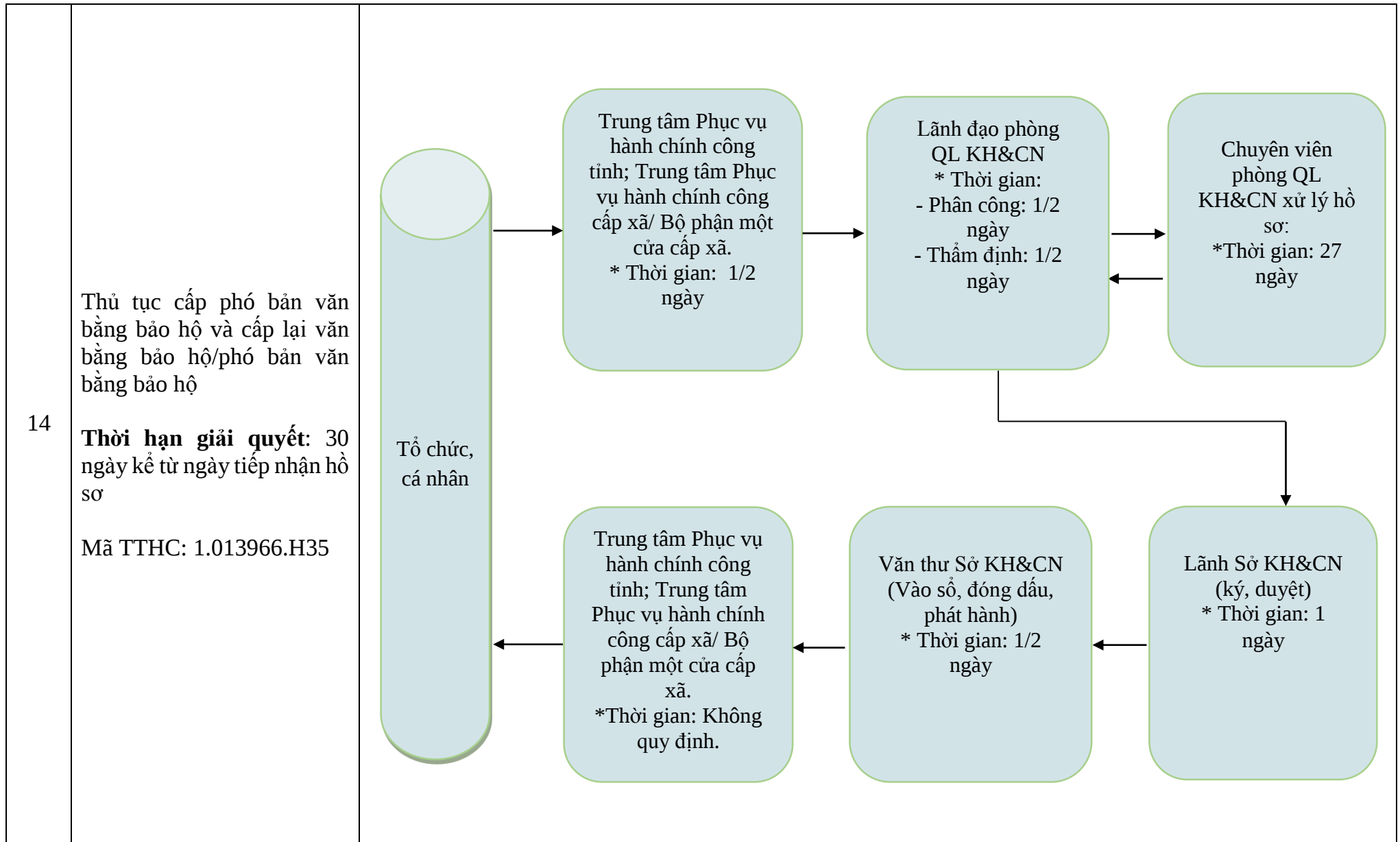


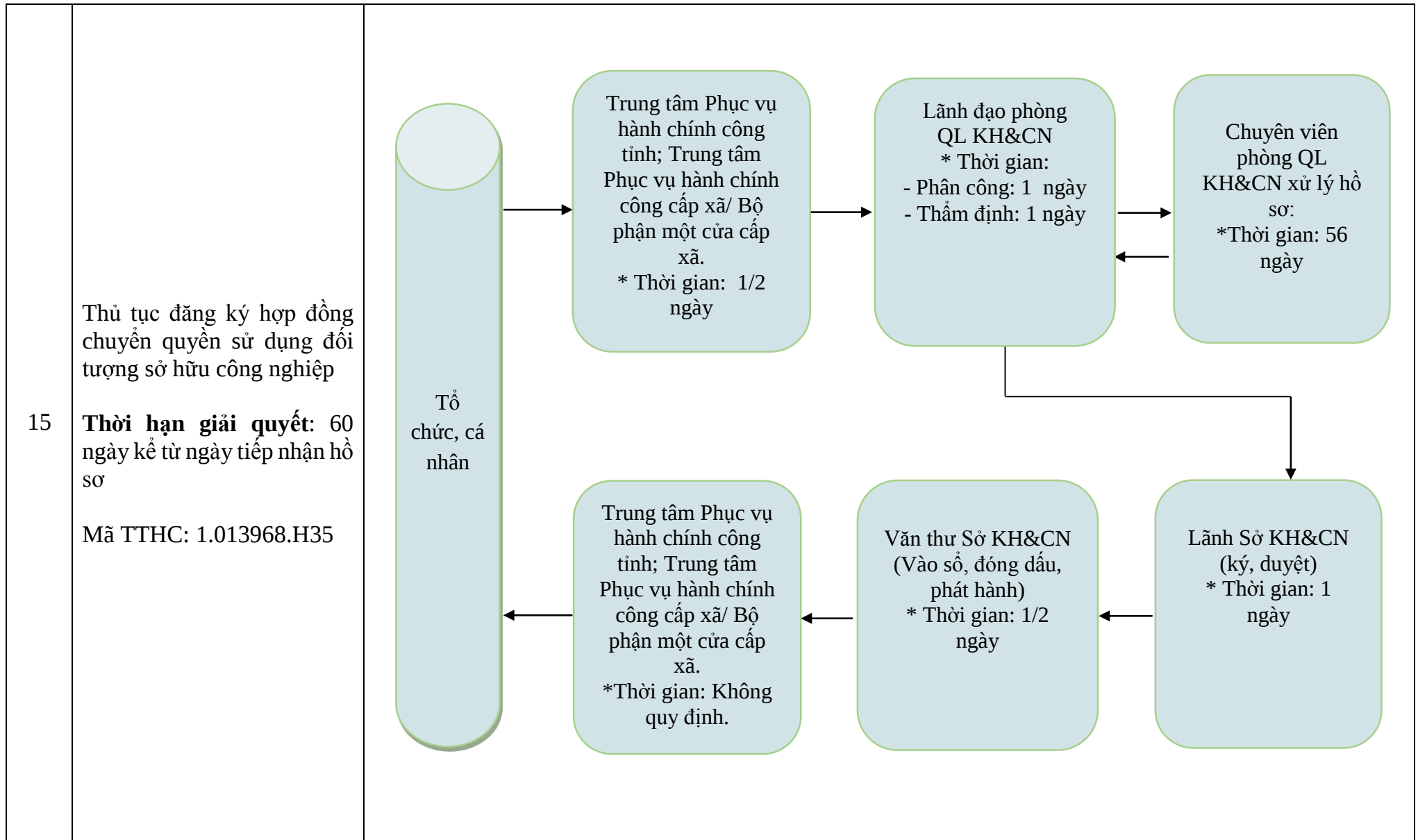


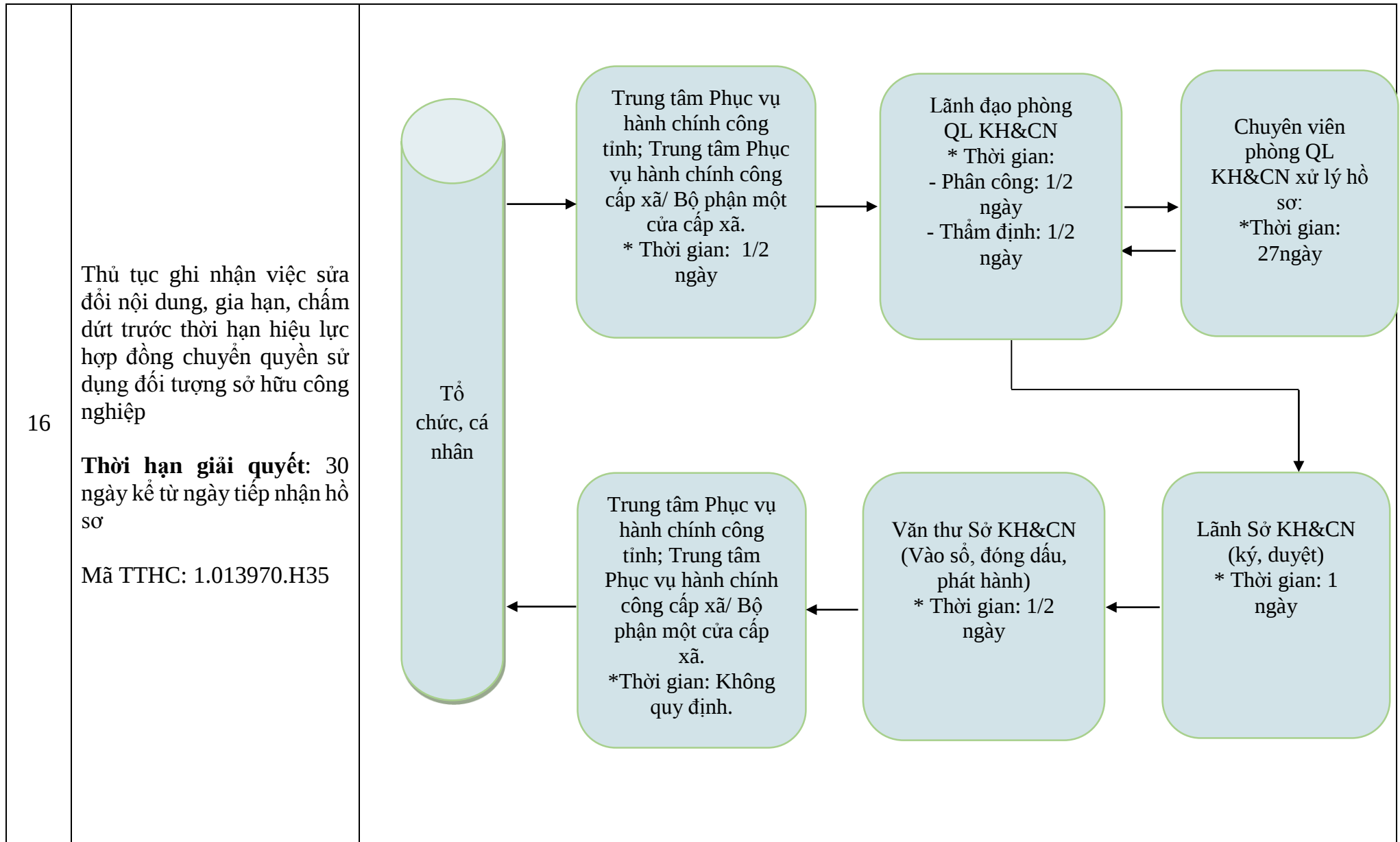


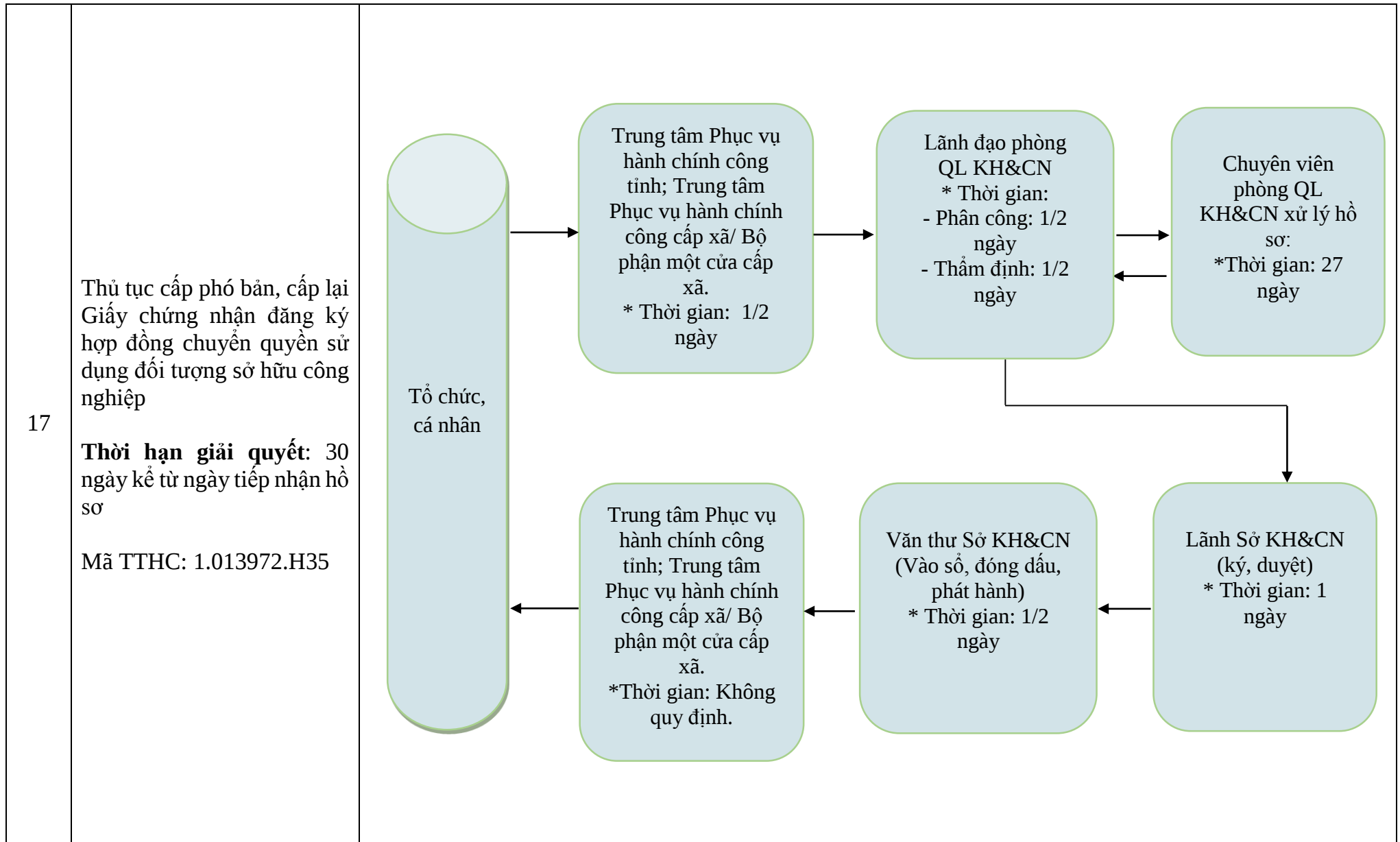


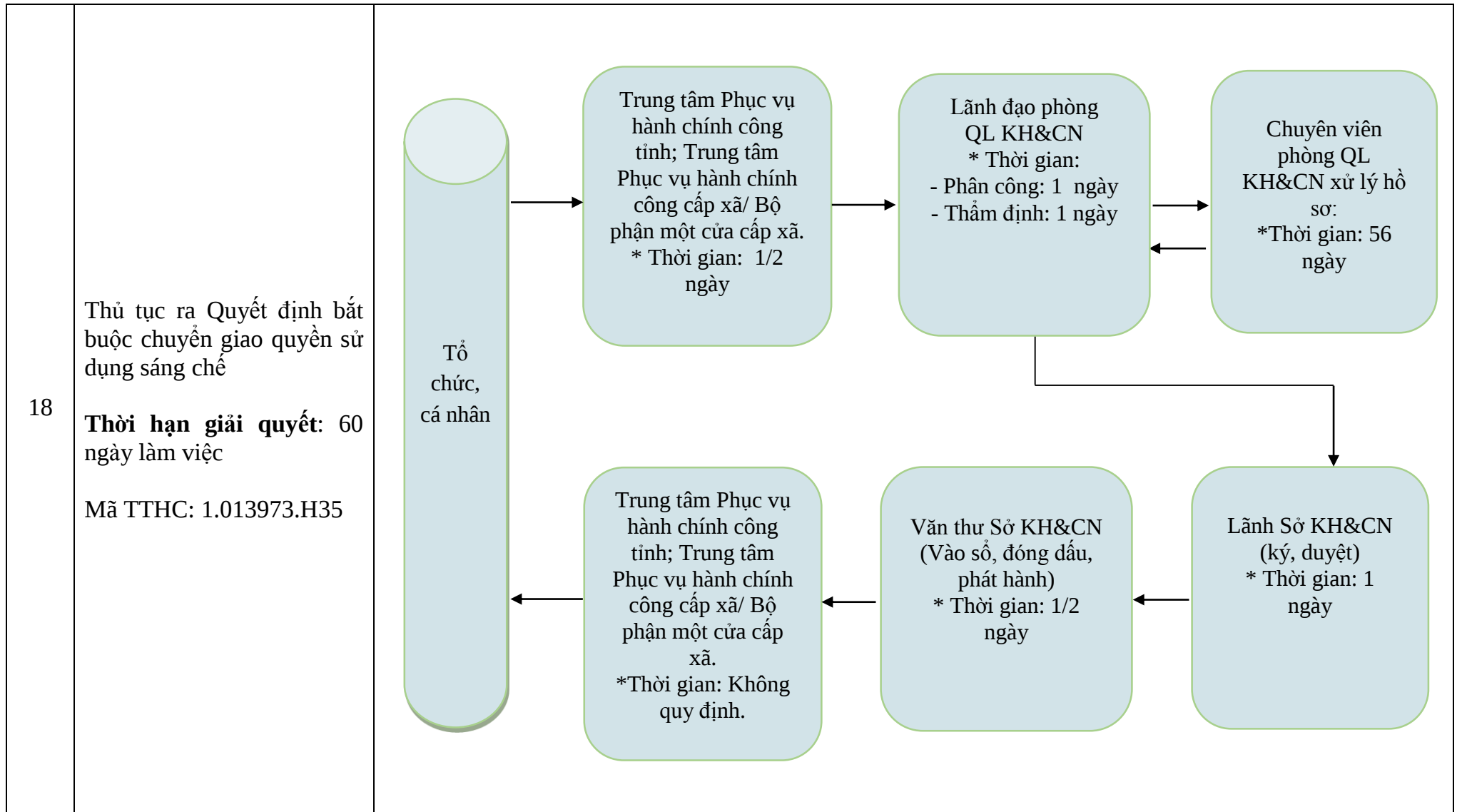


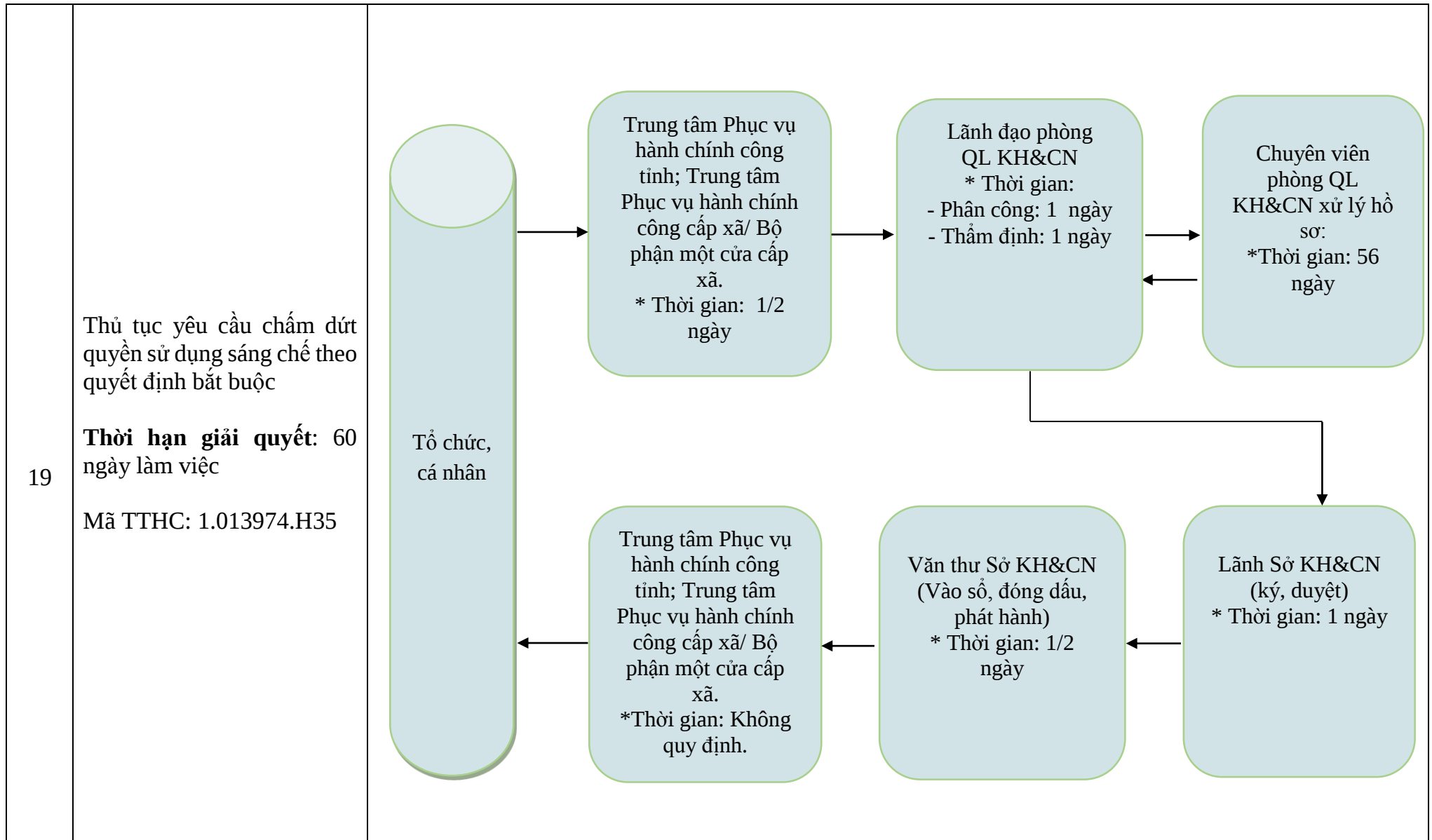


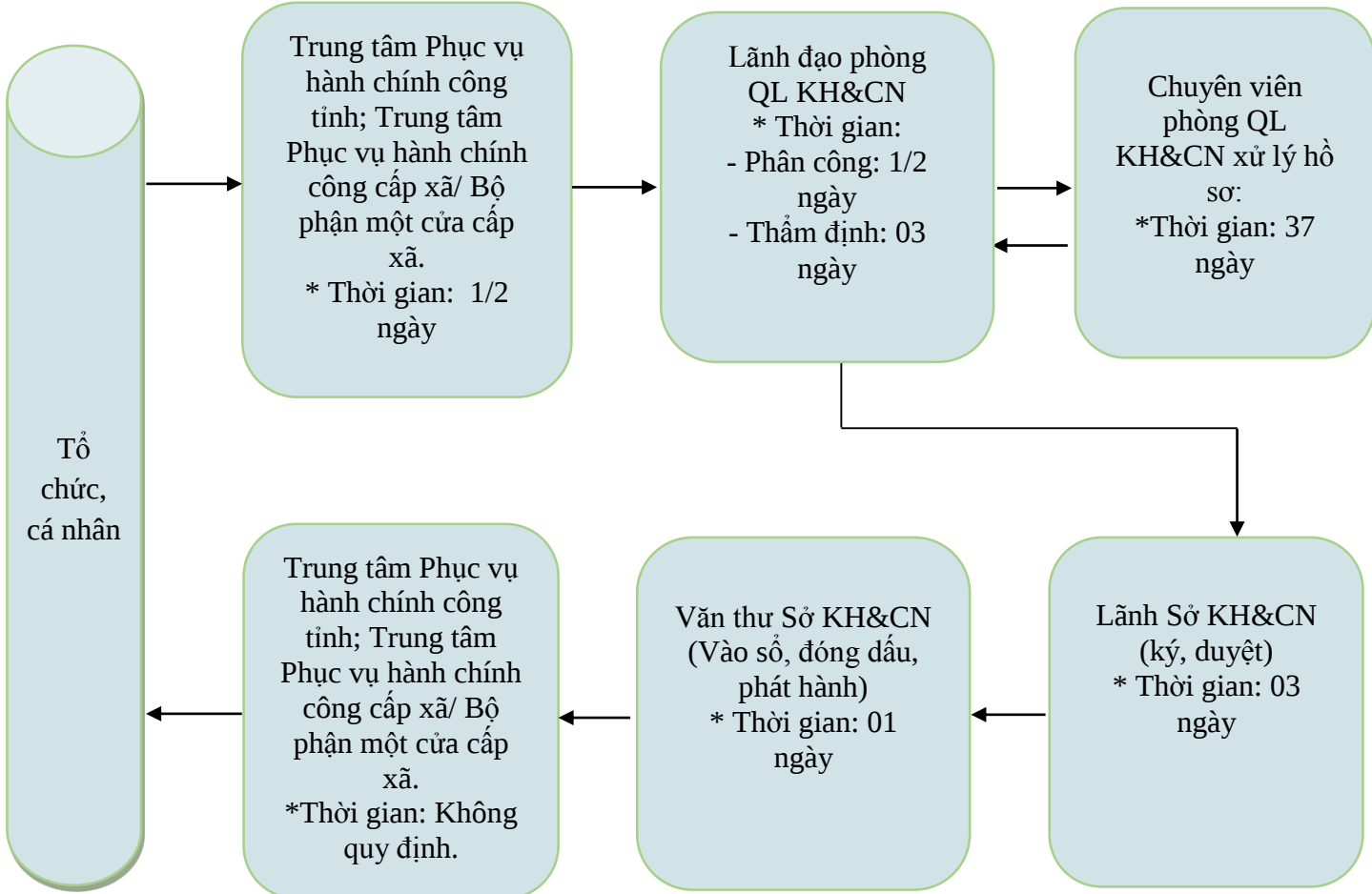


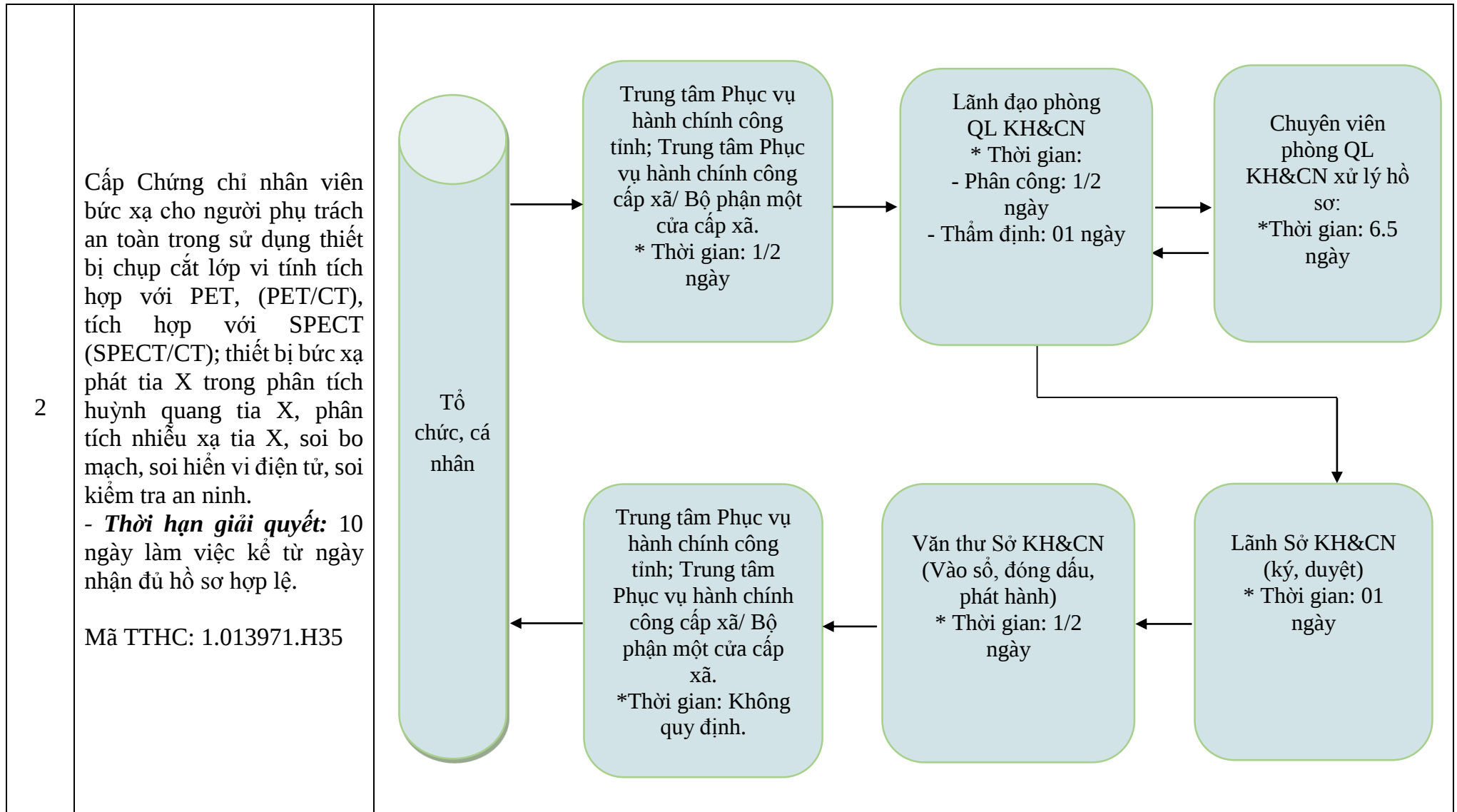








IV	LĨNH VỰC AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN (07 TTHC)		
1	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh. - Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ Mã TTHC: 1.013951.H35	 <pre> graph LR TC[Tổ chức, cá nhân] --> TT1[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày] TT1 --> LP[Lãnh đạo phòng QL KH&CN * Thời gian: - Phân công: 1/2 ngày - Thẩm định: 03 ngày] LP <--> CV[Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ: * Thời gian: 37 ngày] LP --> LS[Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 03 ngày] LS --> VTS[Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 01 ngày] VTS --> TT2[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: Không quy định.] TT2 --> TC </pre> The flowchart illustrates the administrative process for issuing a license. It begins with the applicant (Tổ chức, cá nhân) submitting the request to the Provincial Administrative Service Center (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) or the District-level Administrative Service Center (Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã), which takes 1/2 day. The request then moves to the Provincial Quality Management and Control Department (Lãnh đạo phòng QL KH&CN), which takes 1/2 day for assignment and 3 days for review. The Provincial Quality Management and Control Department then consults with the Provincial Quality Management and Control Specialist (Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ), who takes 37 days to process the request. The Provincial Quality Management and Control Department then submits the request to the Provincial Quality Management and Control Department (Lãnh Sở KH&CN) for signing and approval, which takes 3 days. The Provincial Quality Management and Control Department then issues the license (Văn thư Sở KH&CN) by recording, stamping, and issuing, which takes 1 day. Finally, the license is issued to the applicant by the Provincial Administrative Service Center or the District-level Administrative Service Center, which takes no fixed time.	

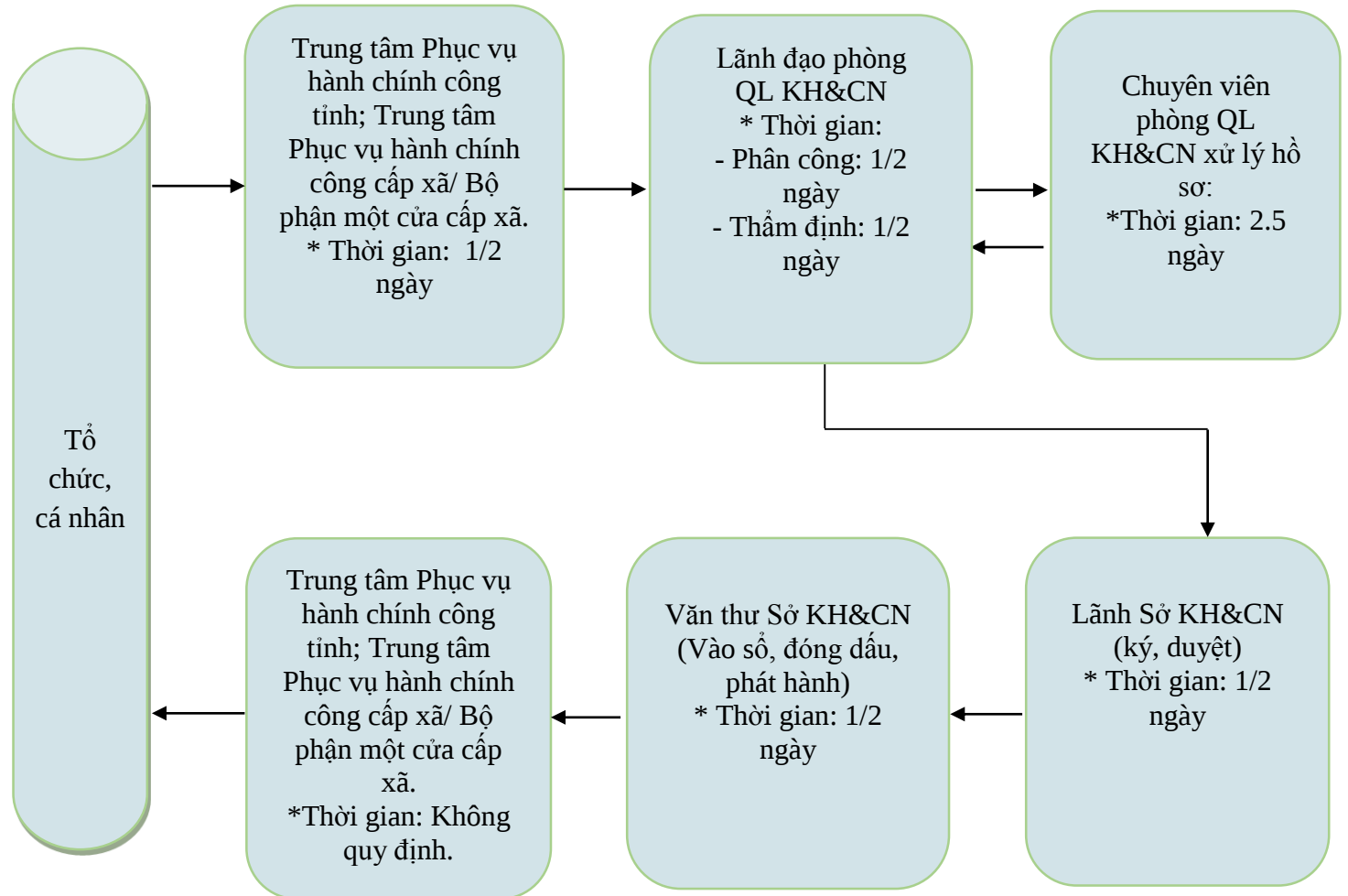


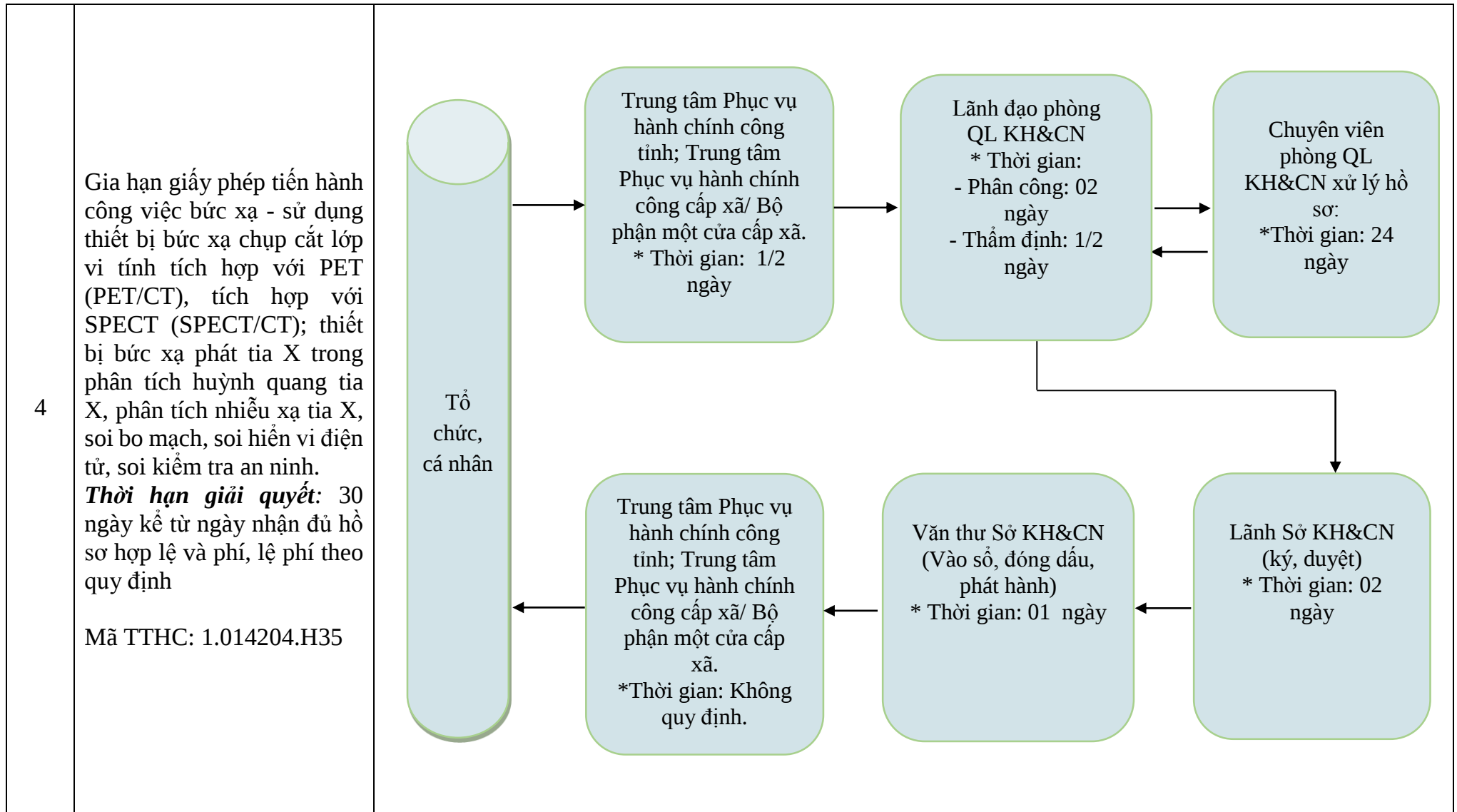
3

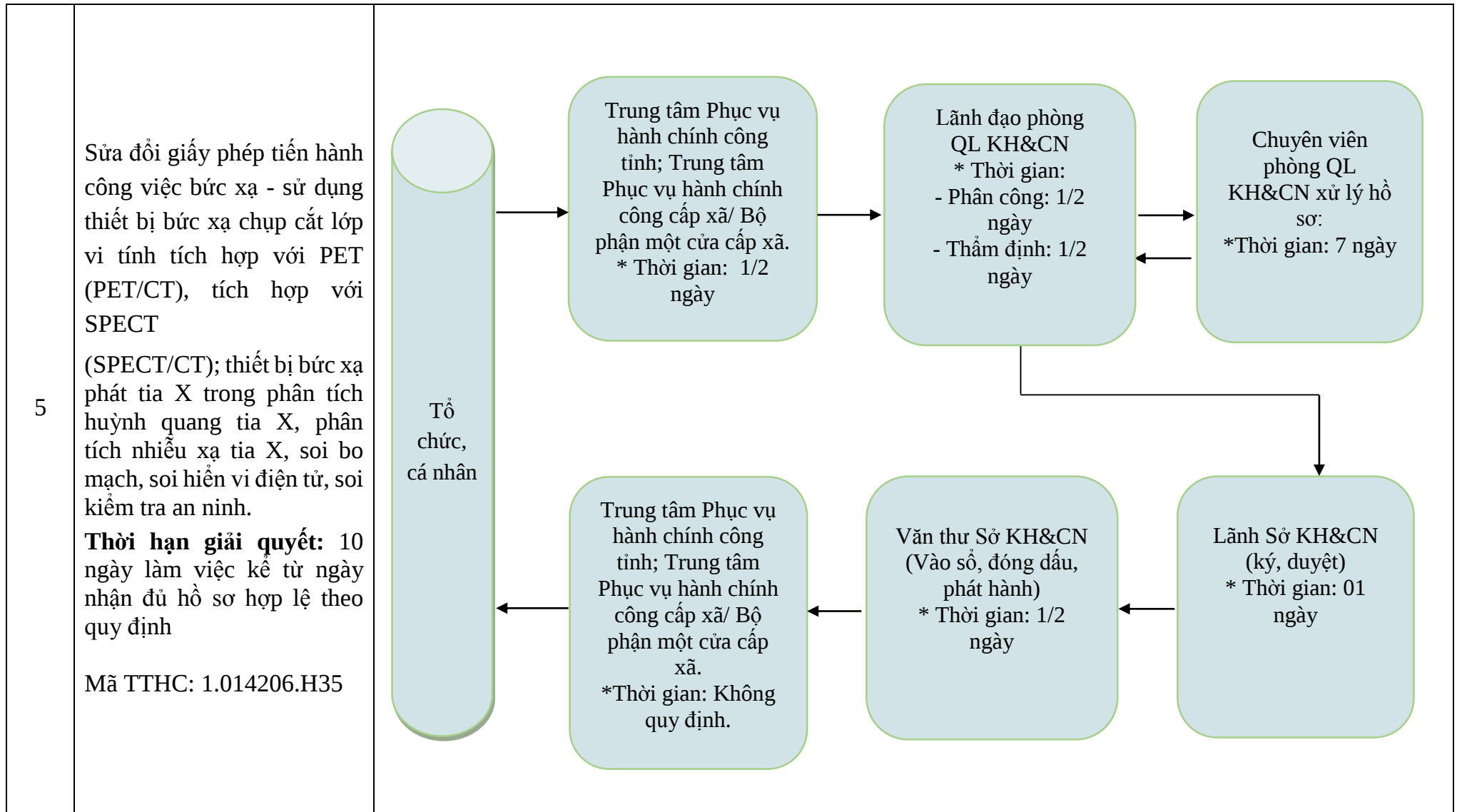
Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Mã TTHC: 1.013948.H35





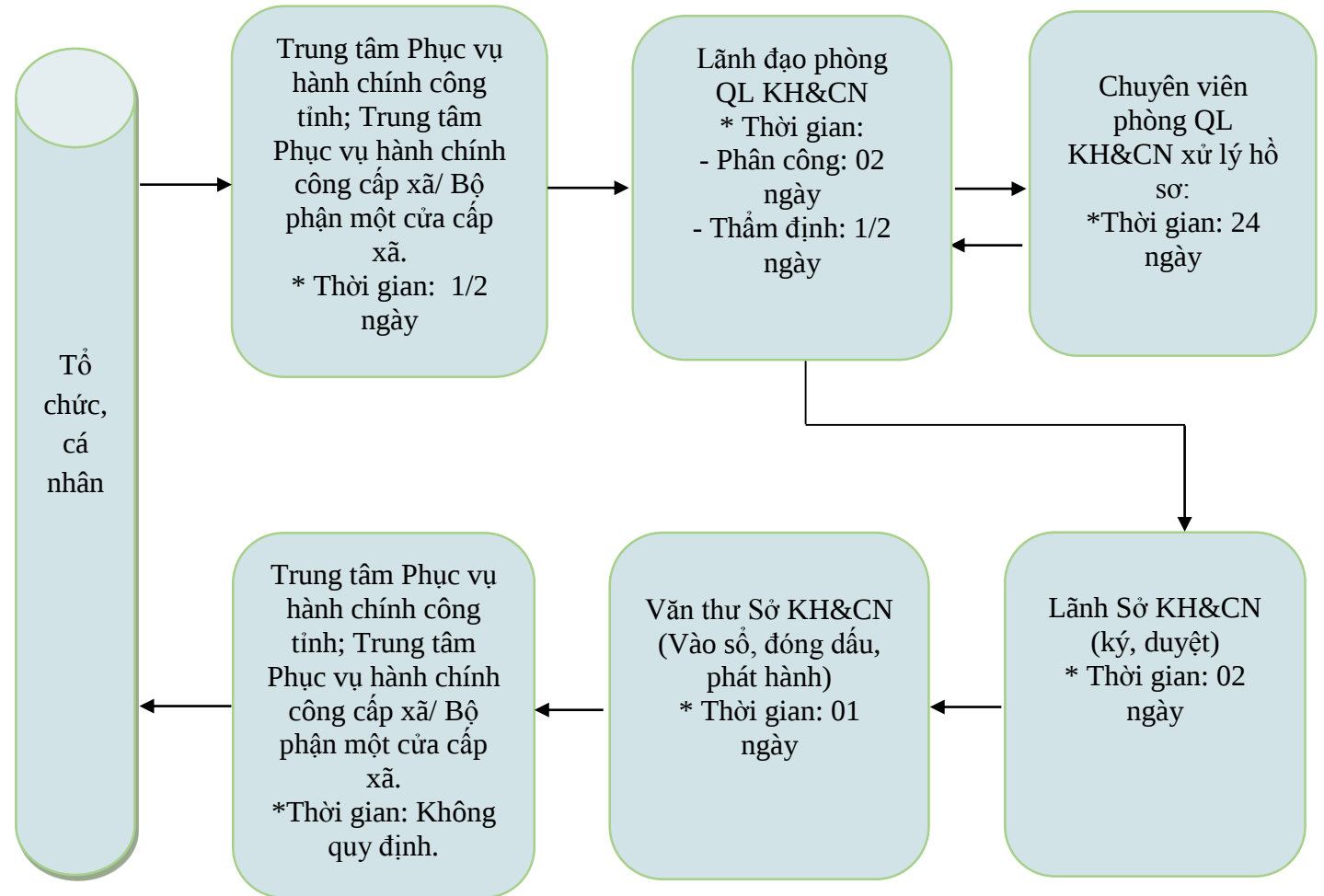


6

Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

- **Thời hạn giải quyết:** 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

Mã TTHC: 1.014207.H35

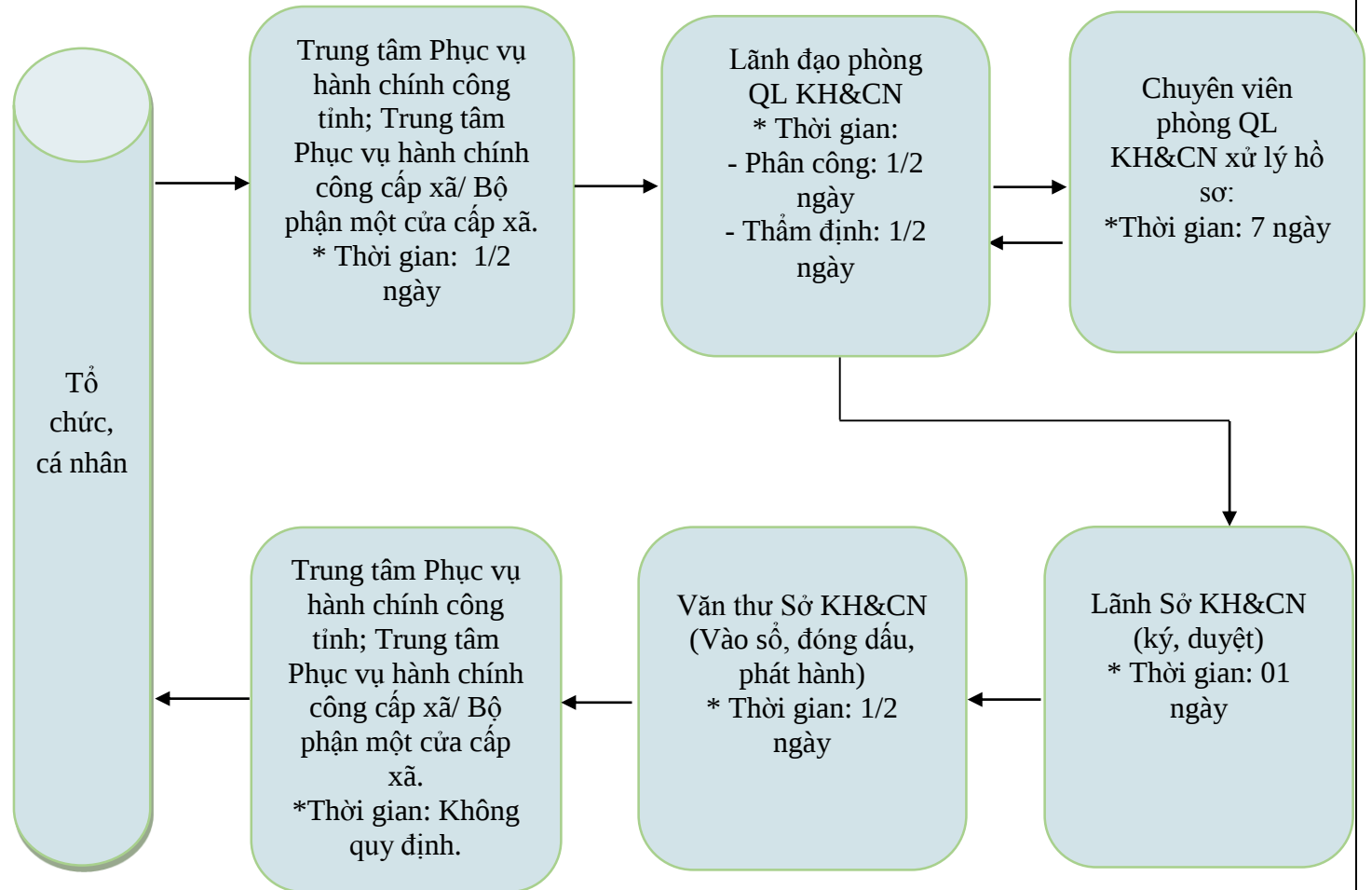


7

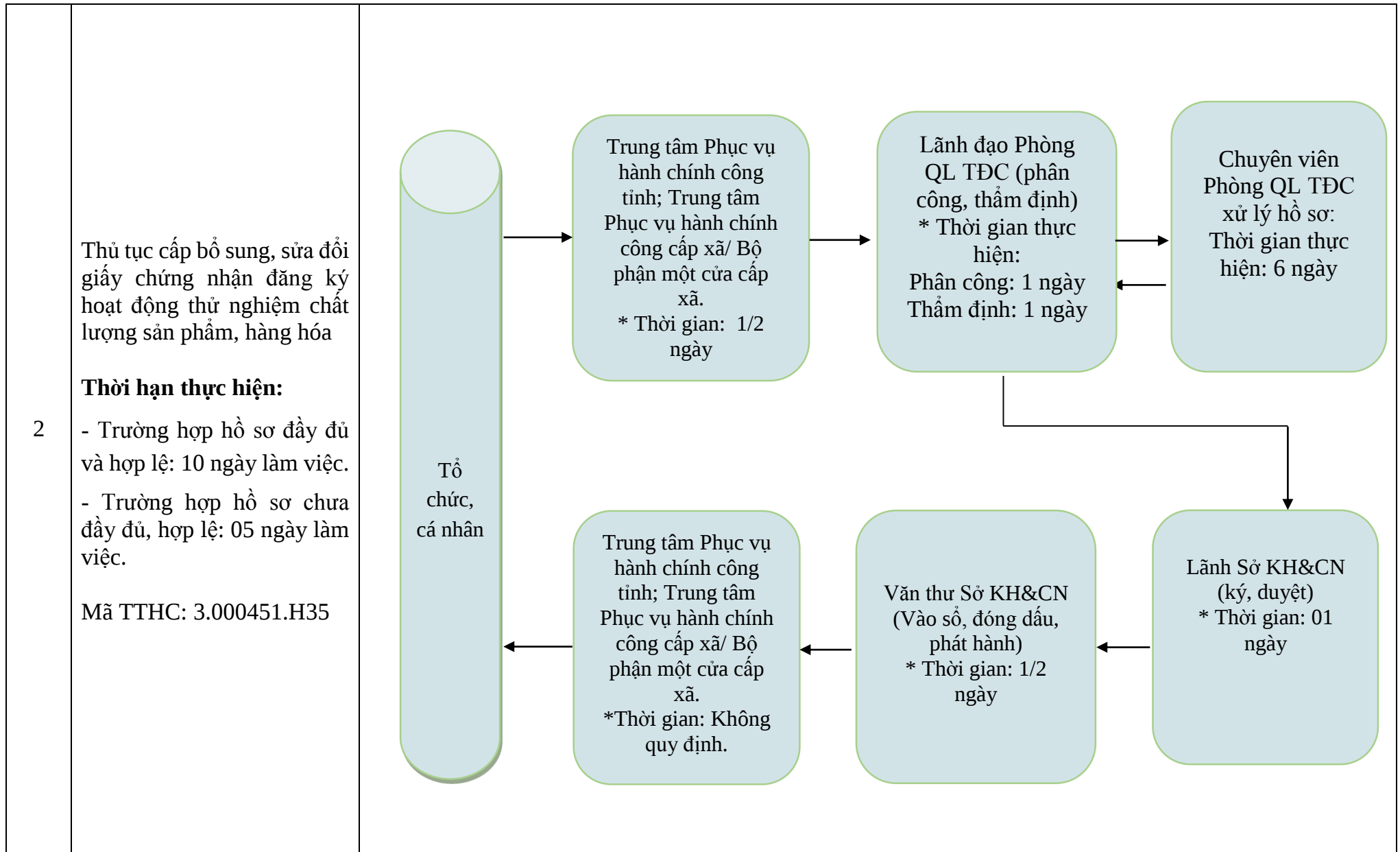
Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.

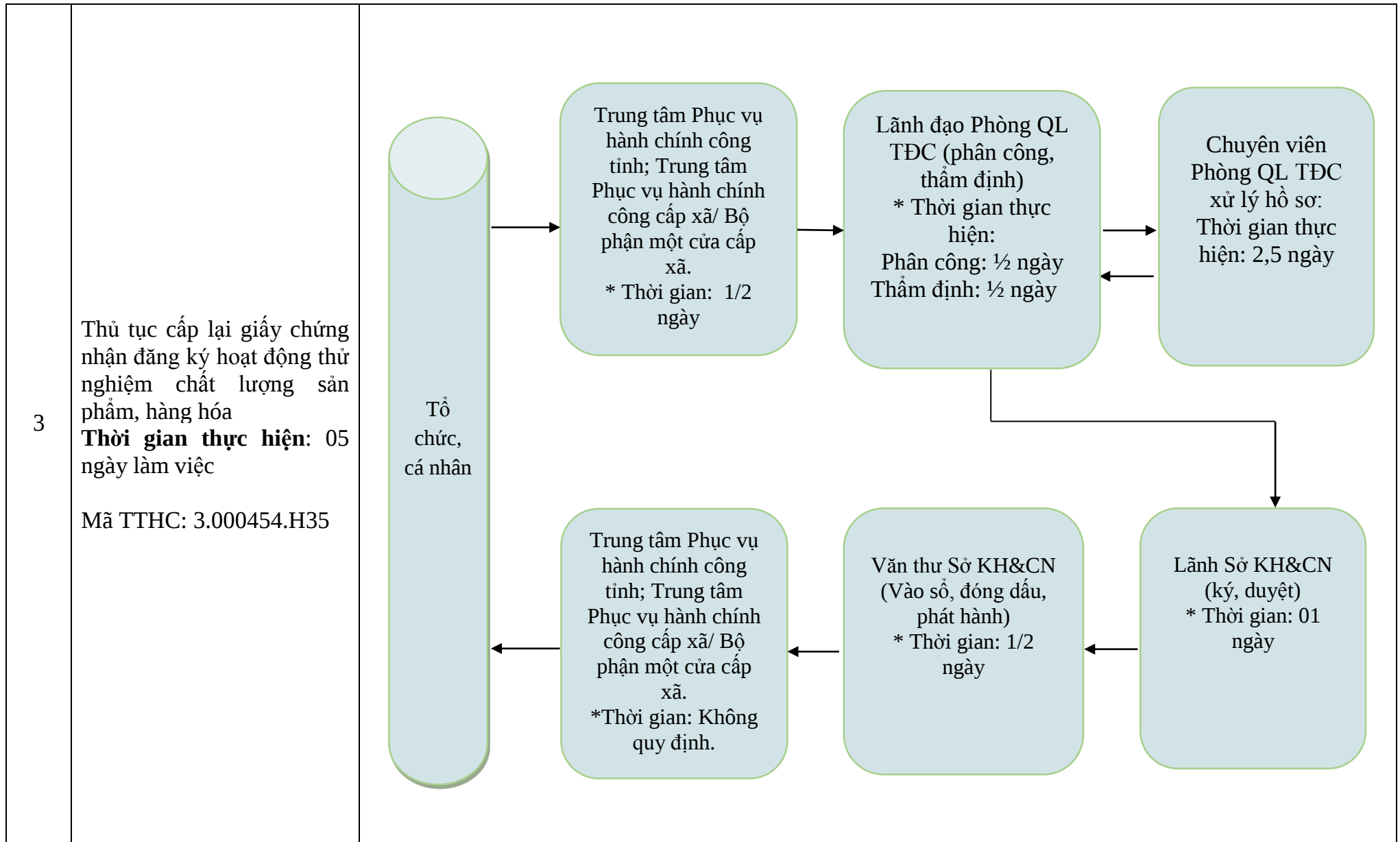
- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

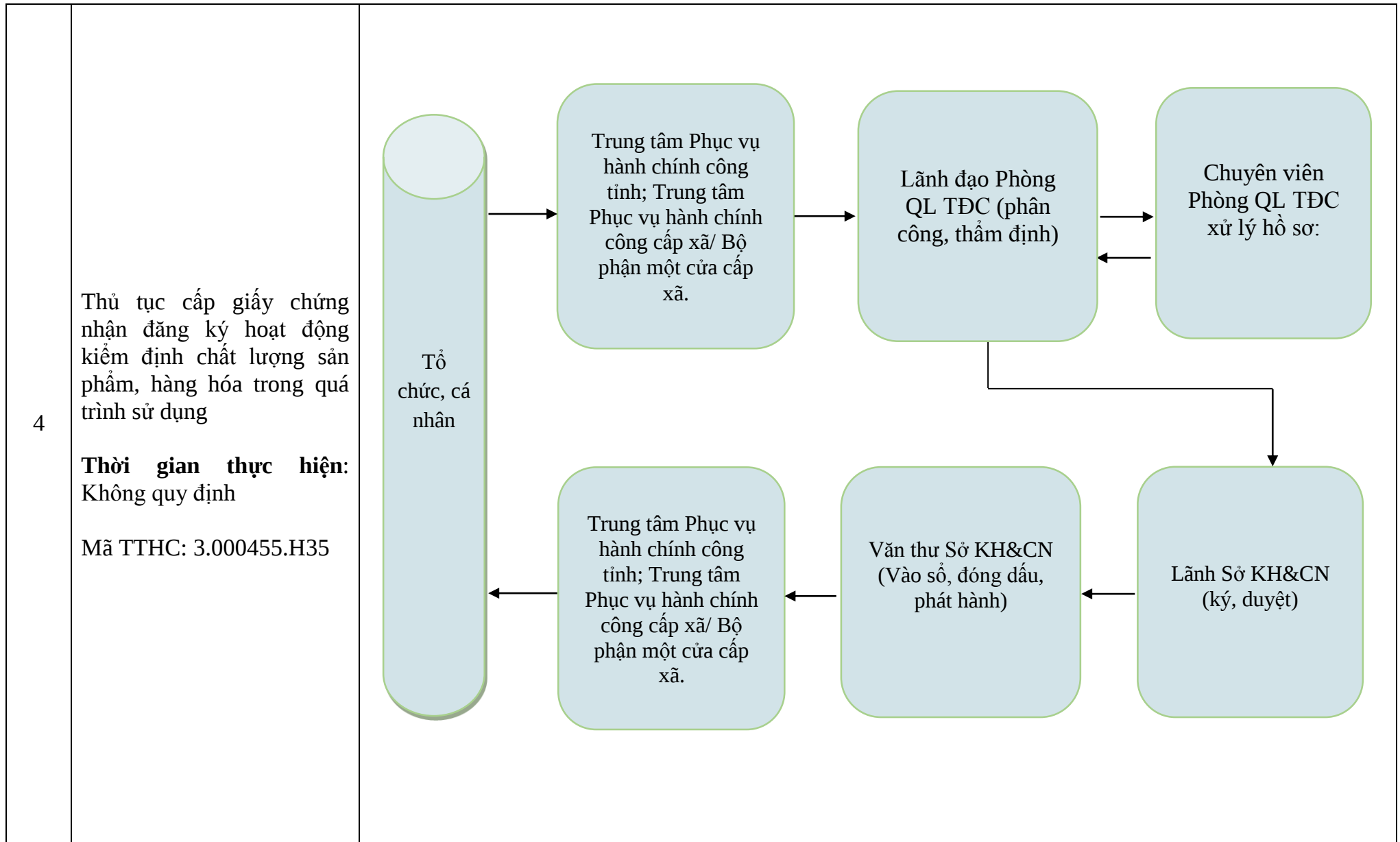
Mã TTHC: 1.014205.H35

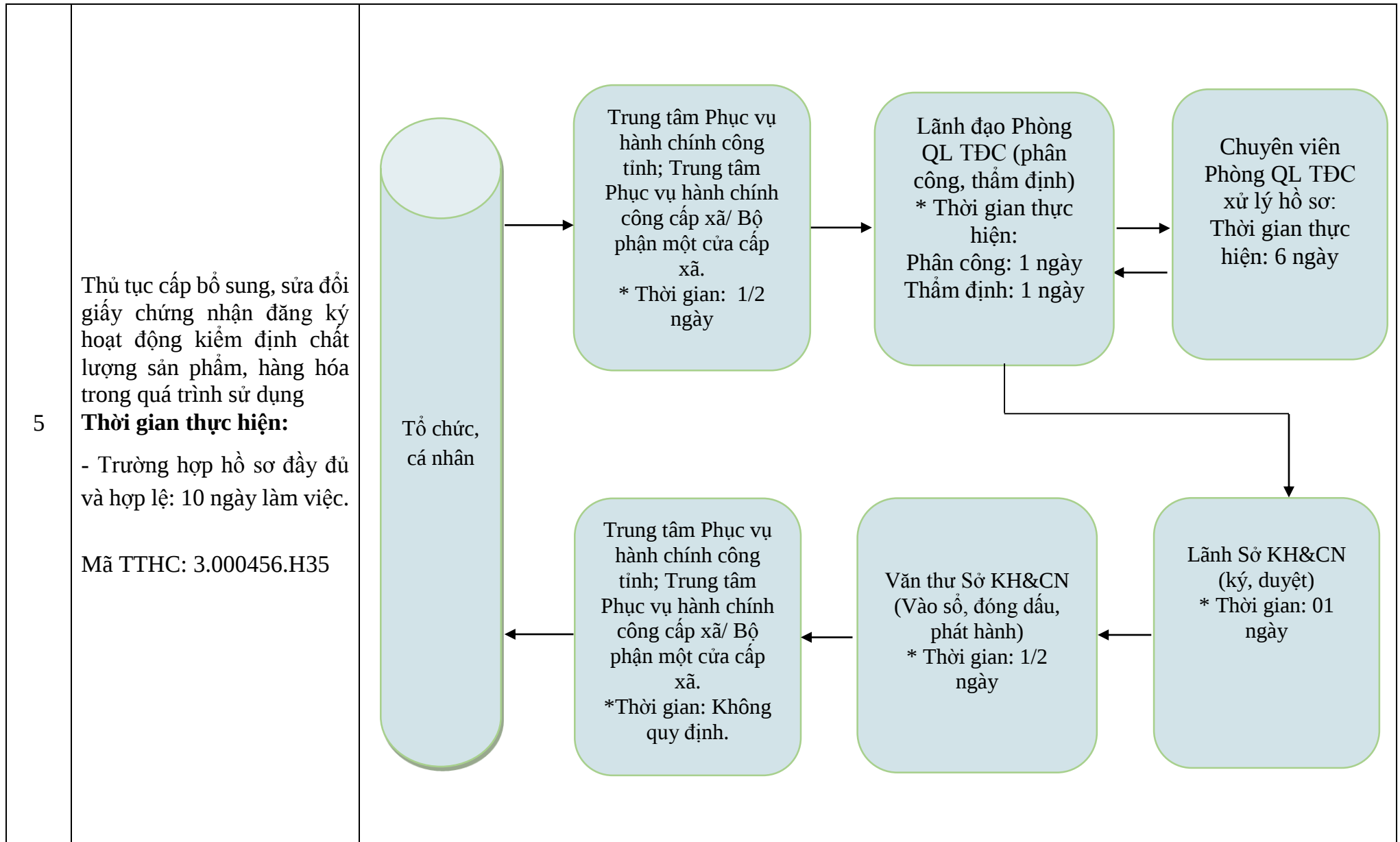


V	LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG (32 TTHC)	
1	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa - Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Mã TTHC: 3.000453.H35	Tổ chức, cá nhân Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày Lãnh đạo Phòng QL TĐC (phân công, thẩm định) * Thời gian thực hiện: Phân công: 1 ngày Thẩm định: 1 ngày Chuyên viên Phòng QL TĐC xử lý hồ sơ: Thời gian thực hiện: 6 ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. *Thời gian: Không quy định. Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 1/2 ngày Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 01 ngày





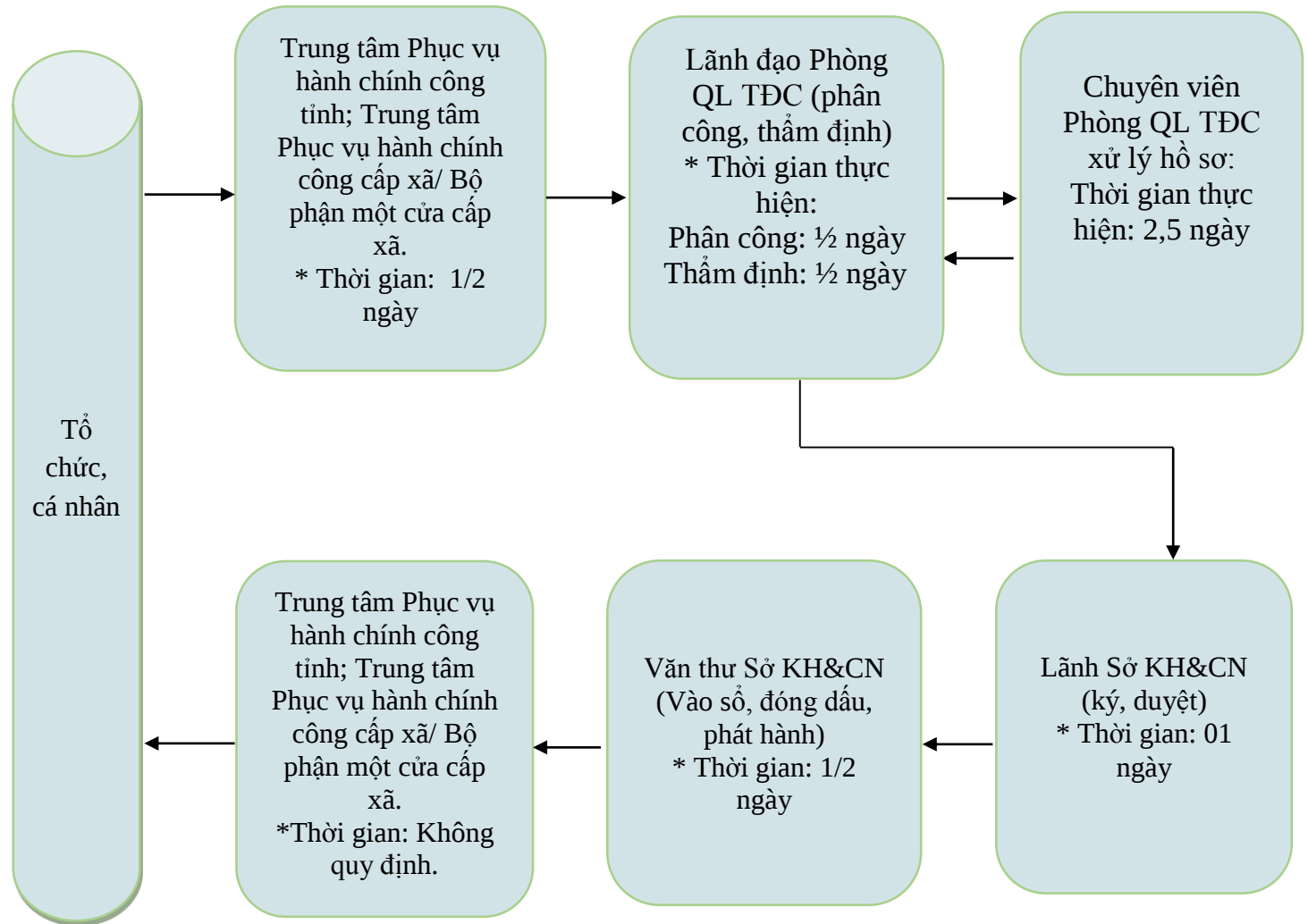


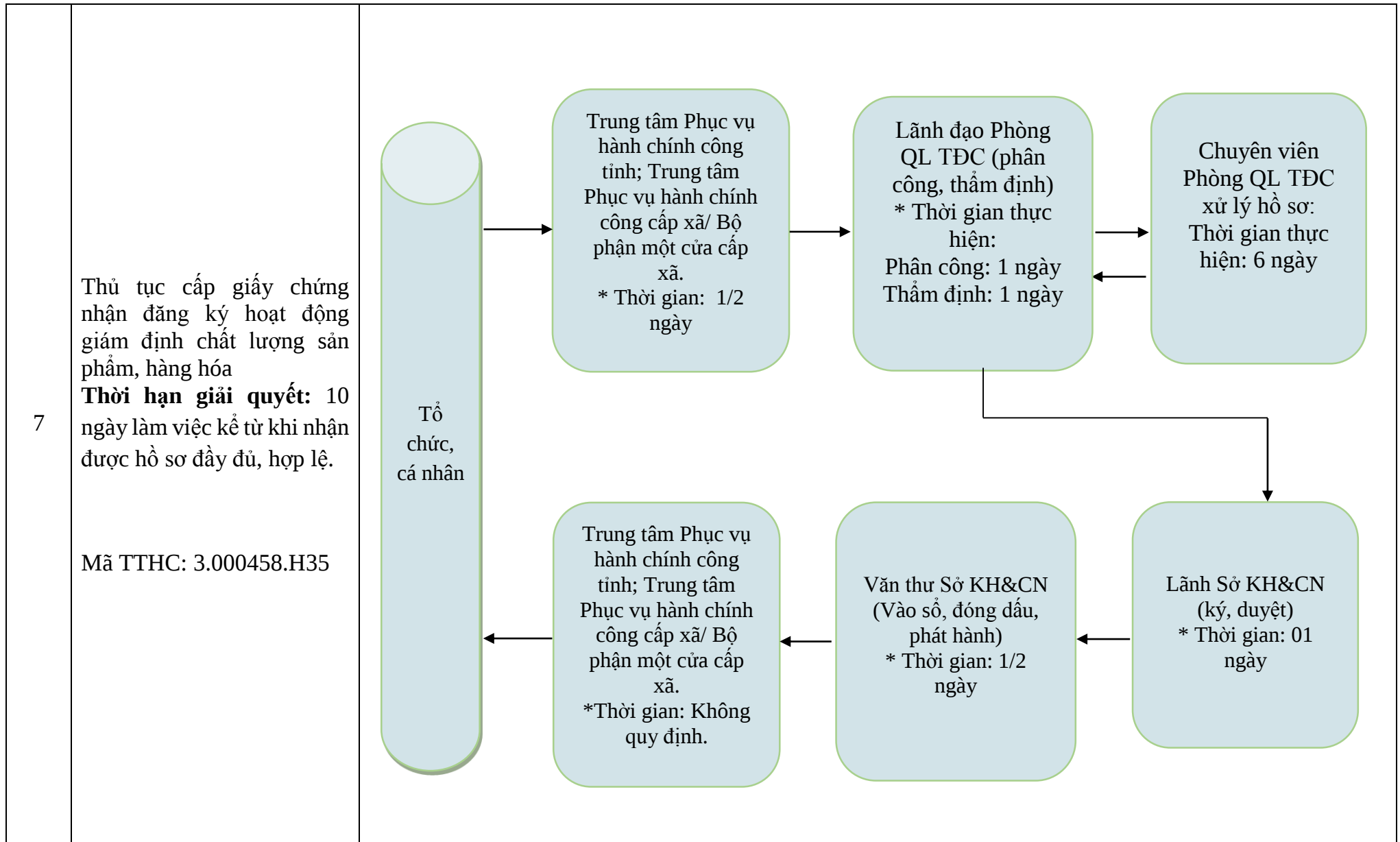


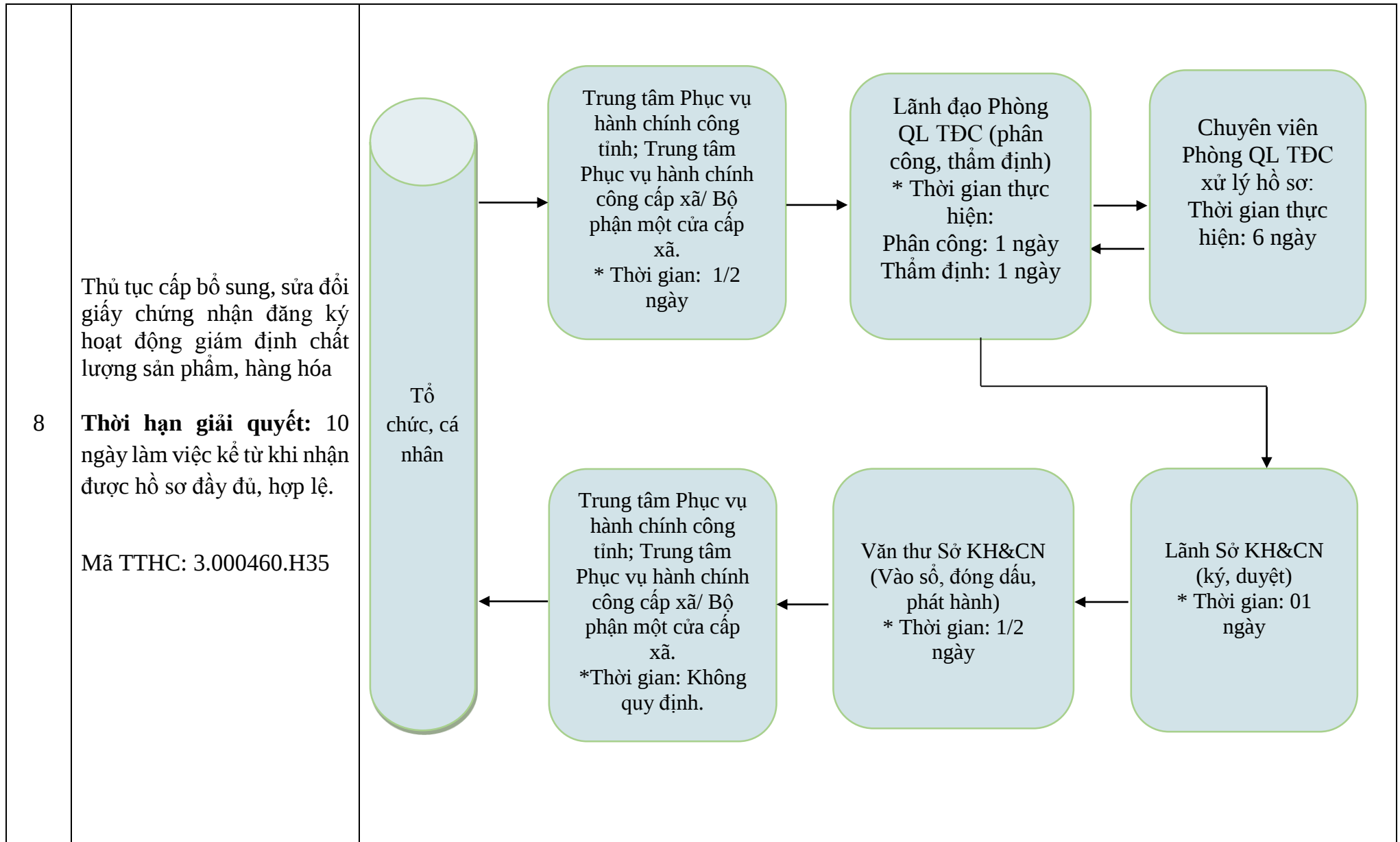
6

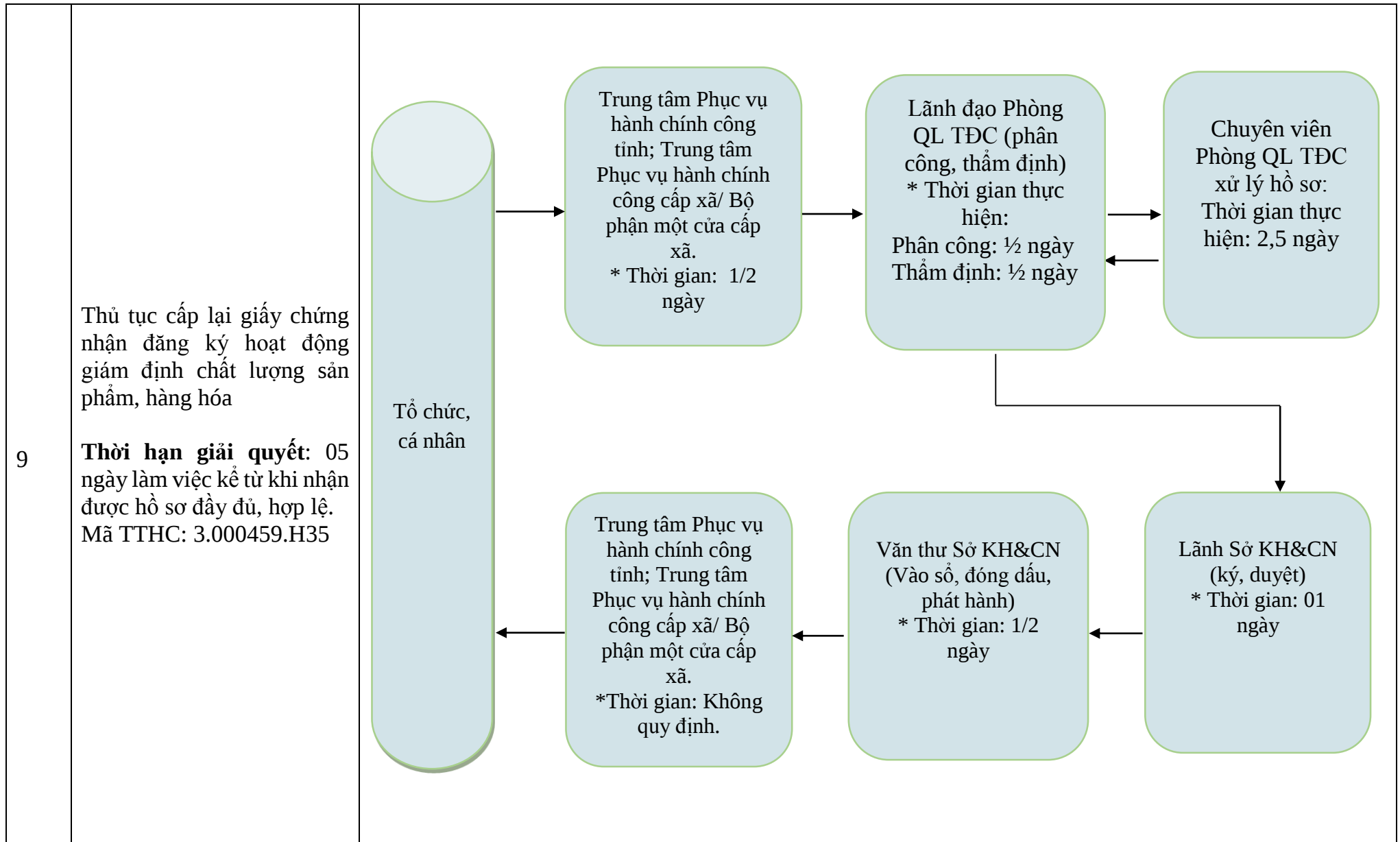
Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng
Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

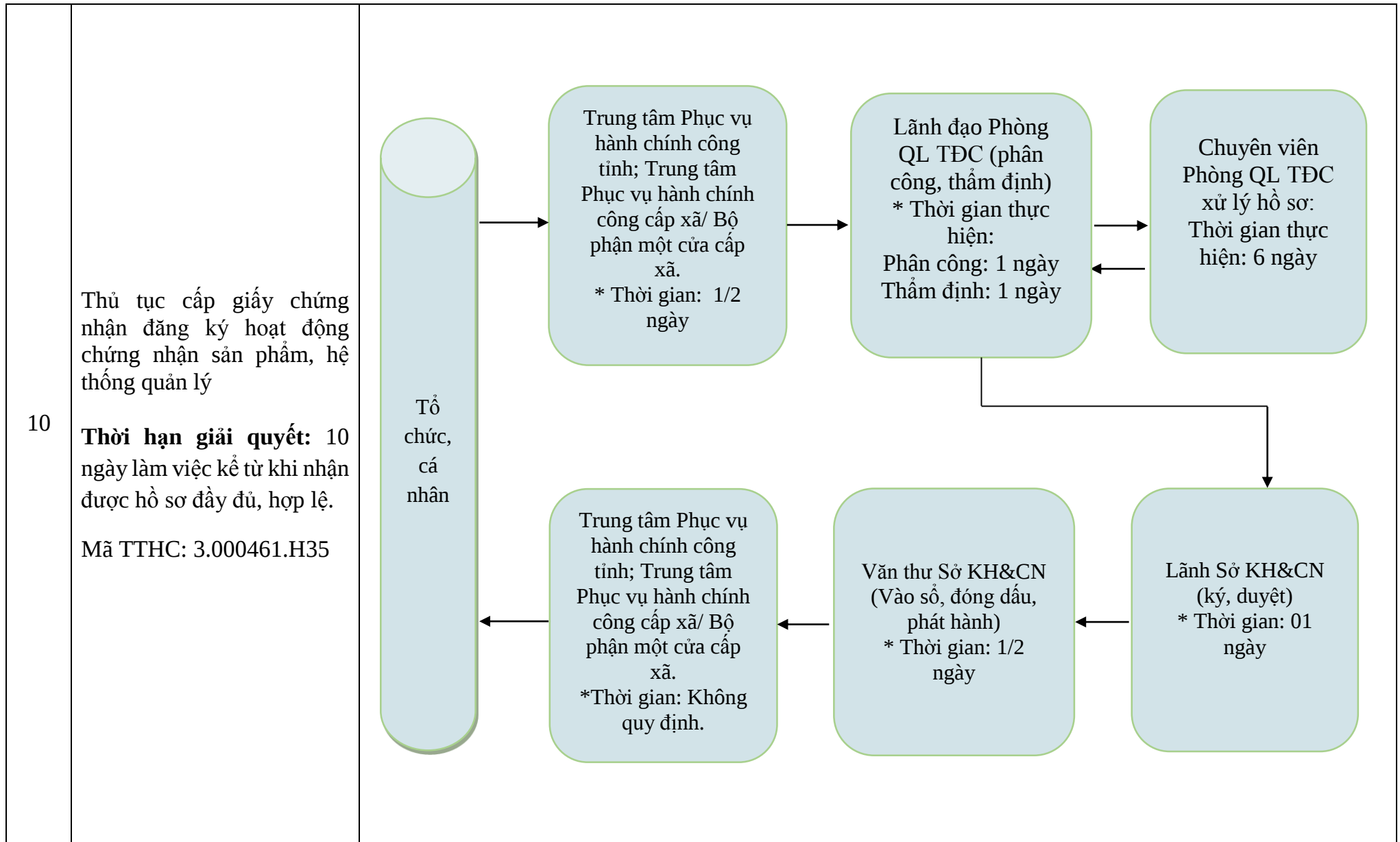
Mã TTHC: 3.000457.H35

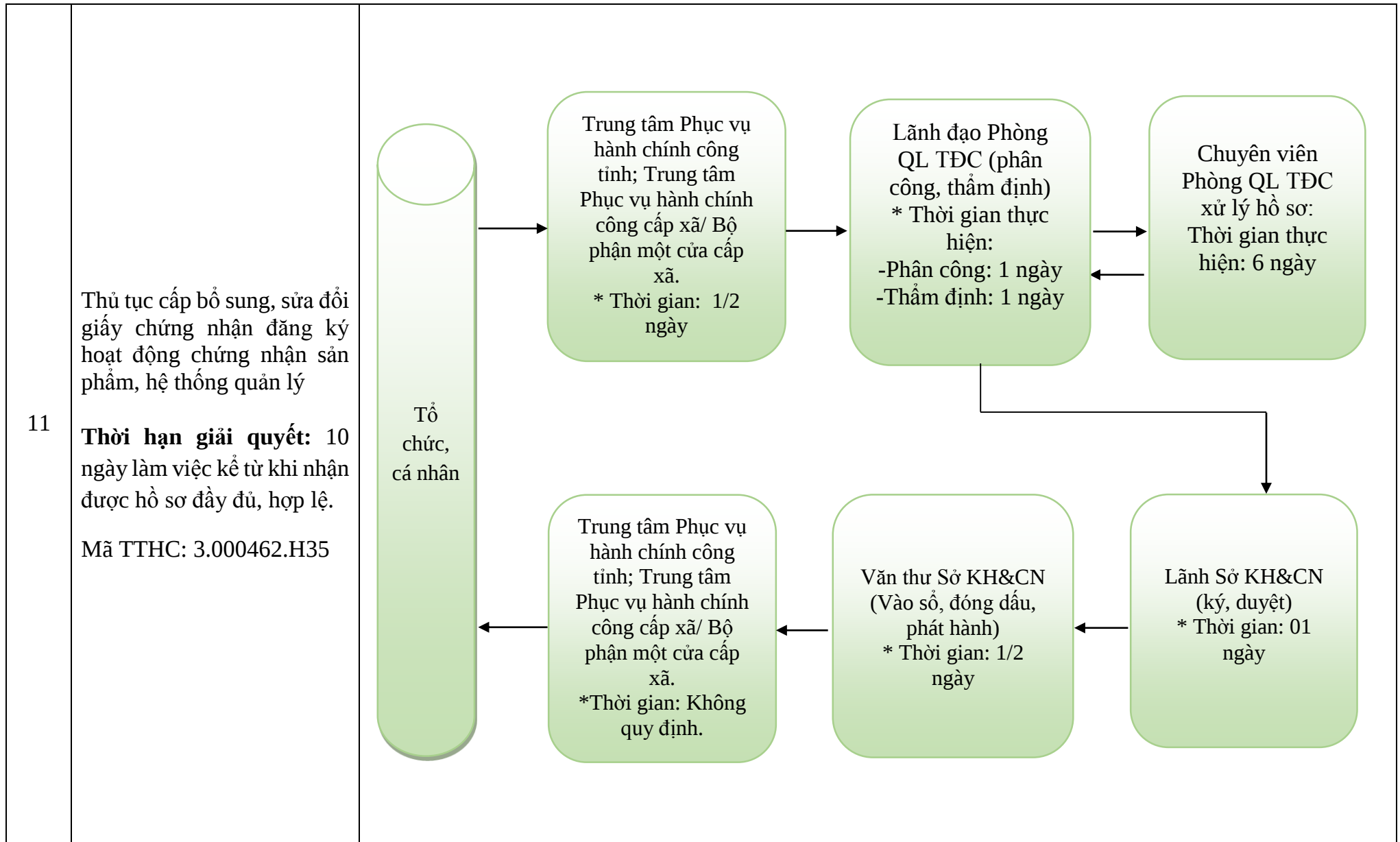


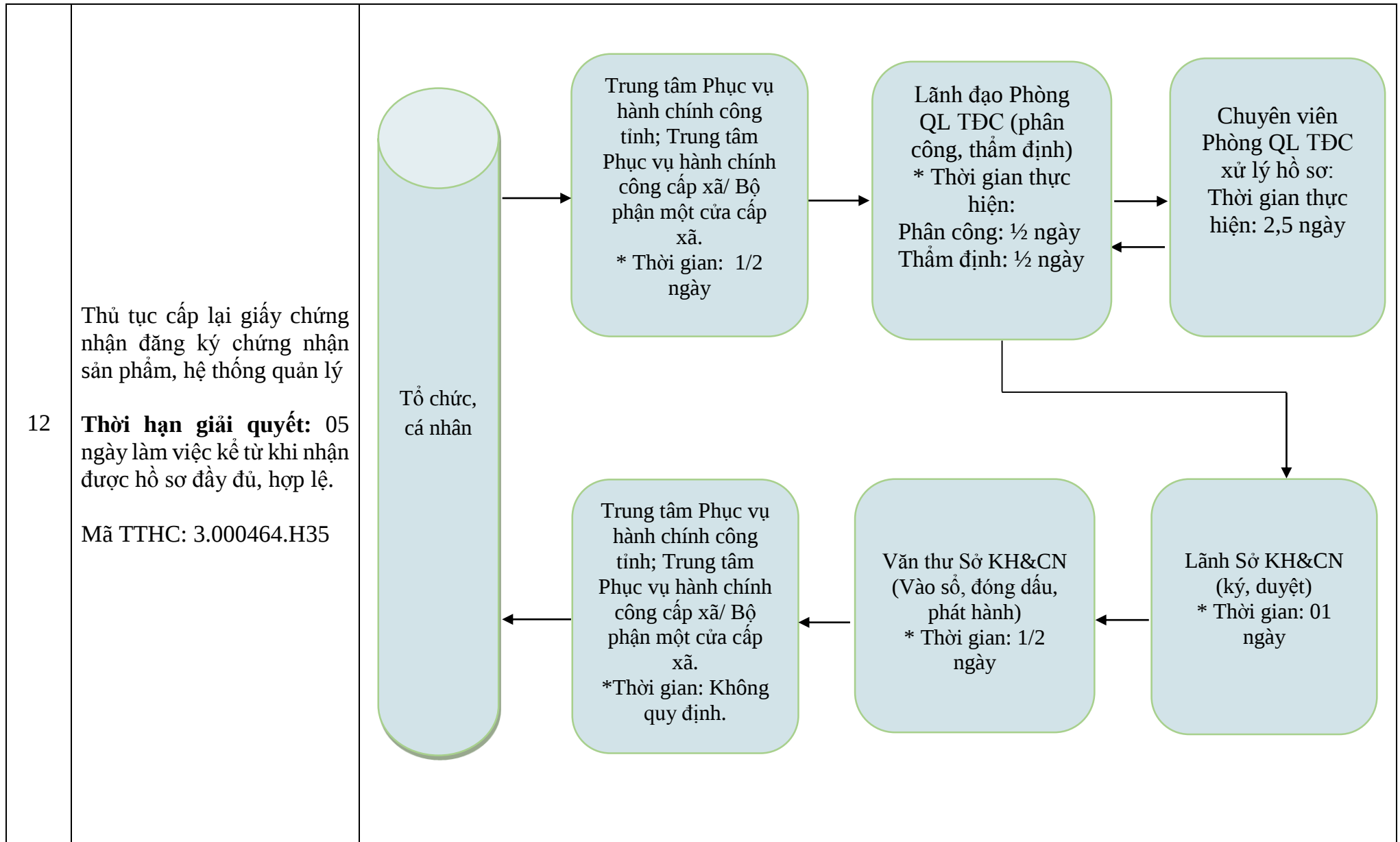


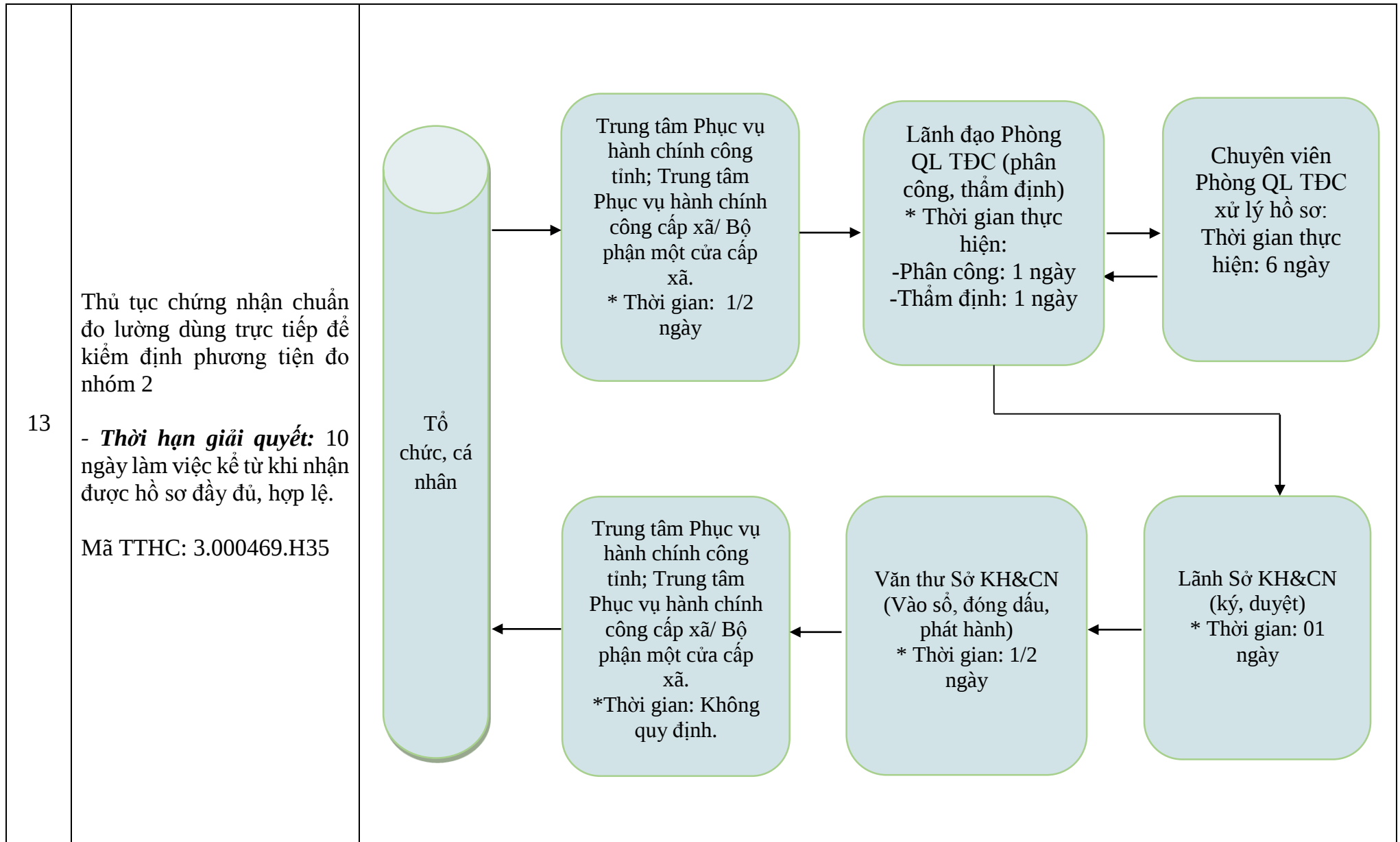


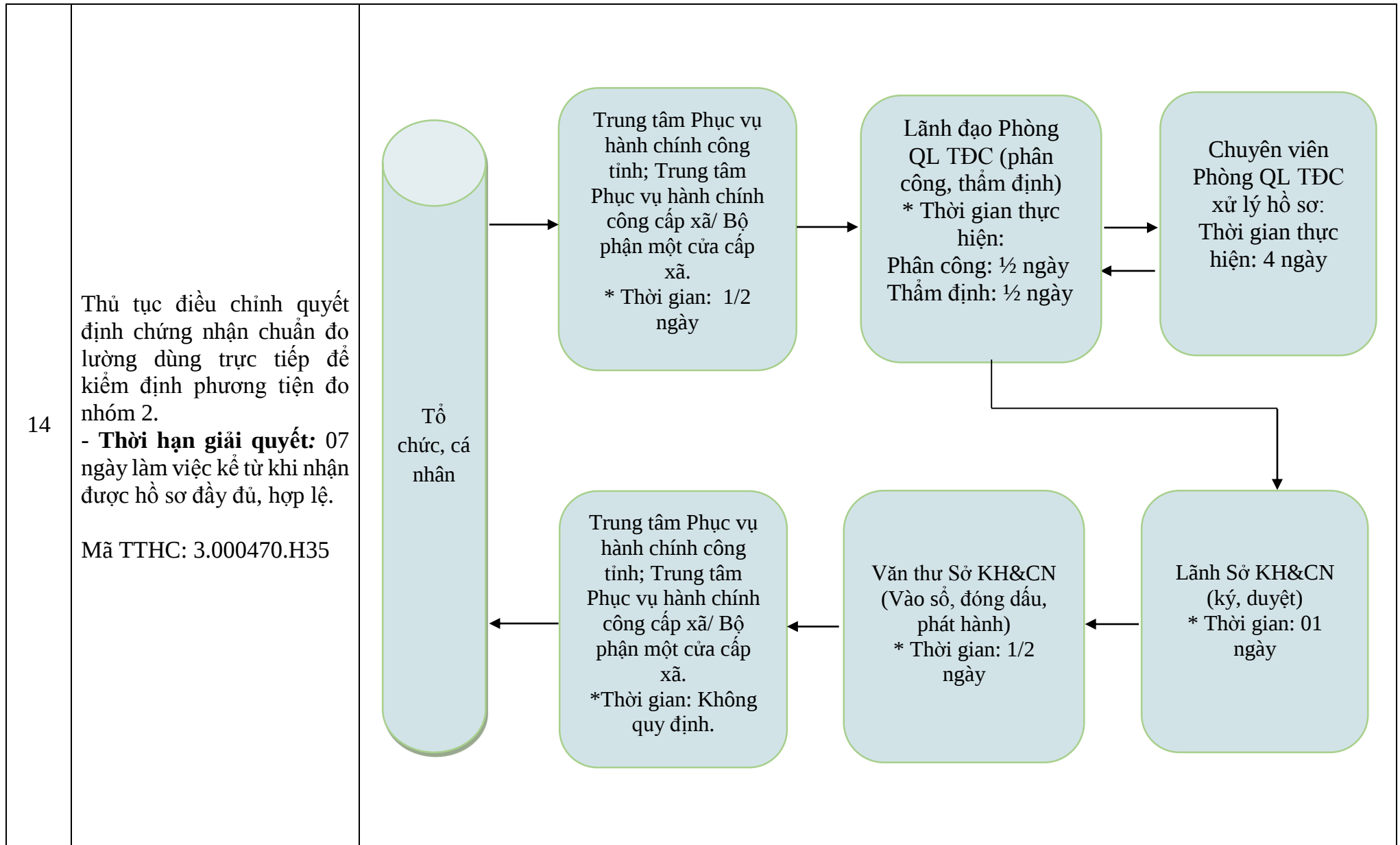


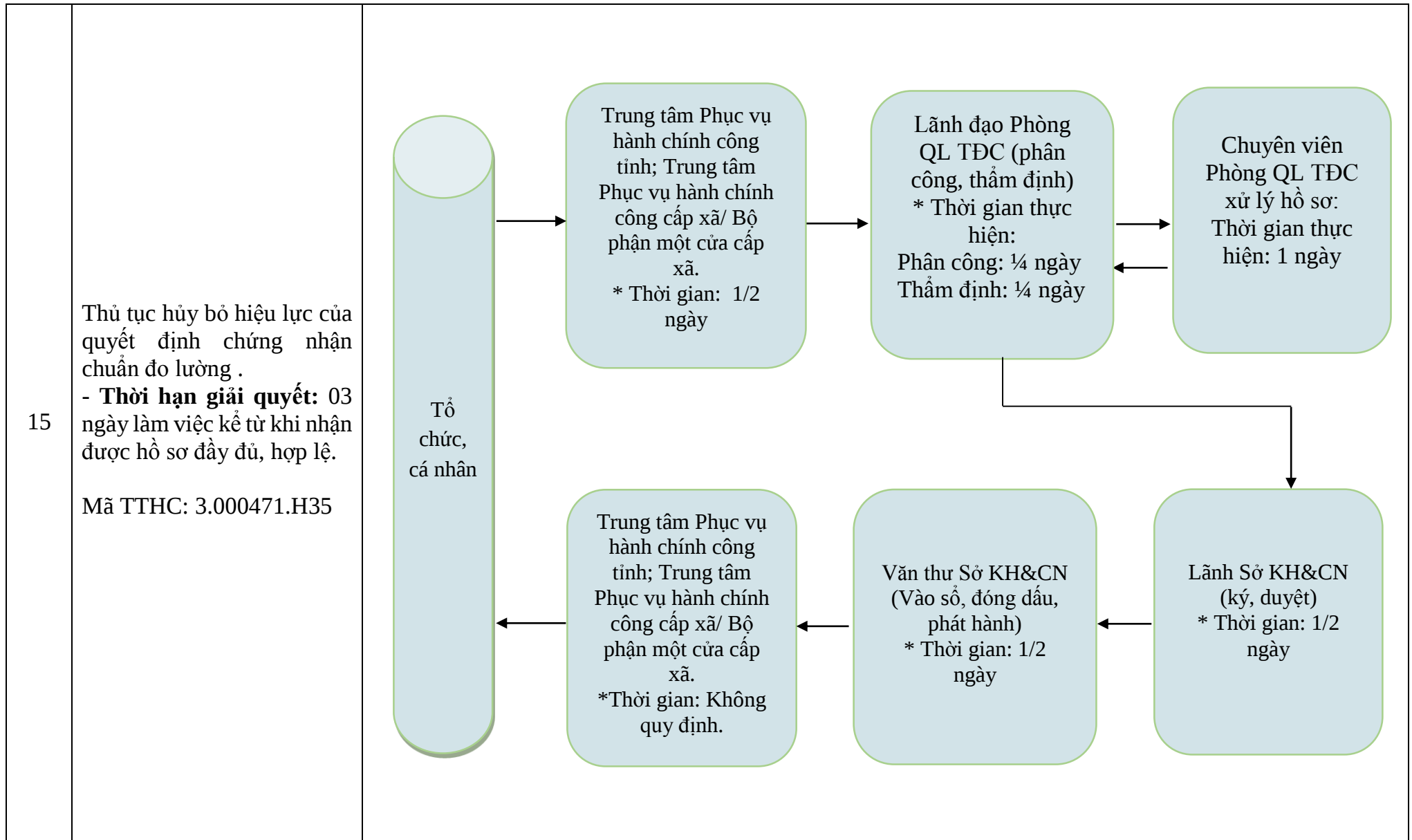


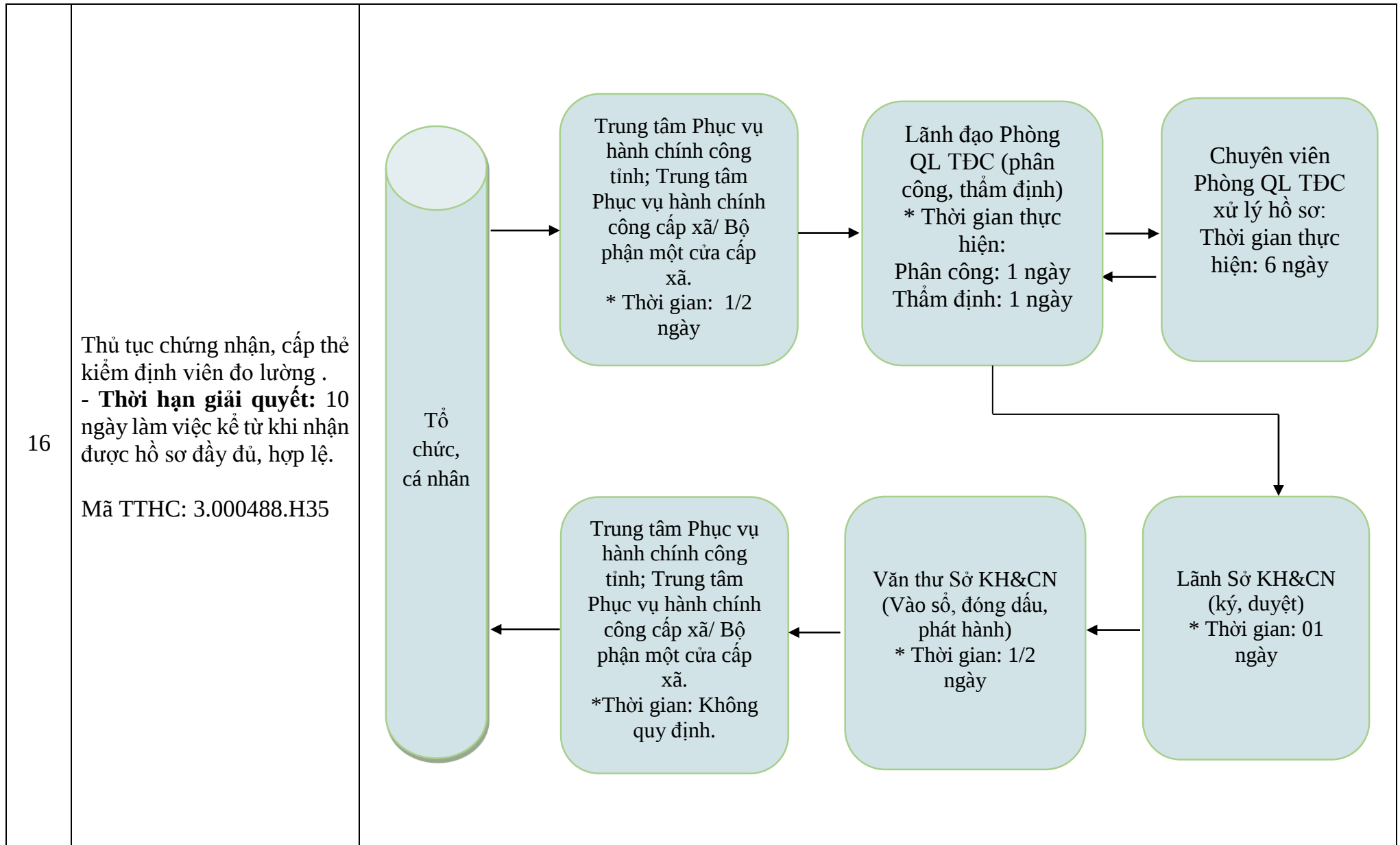


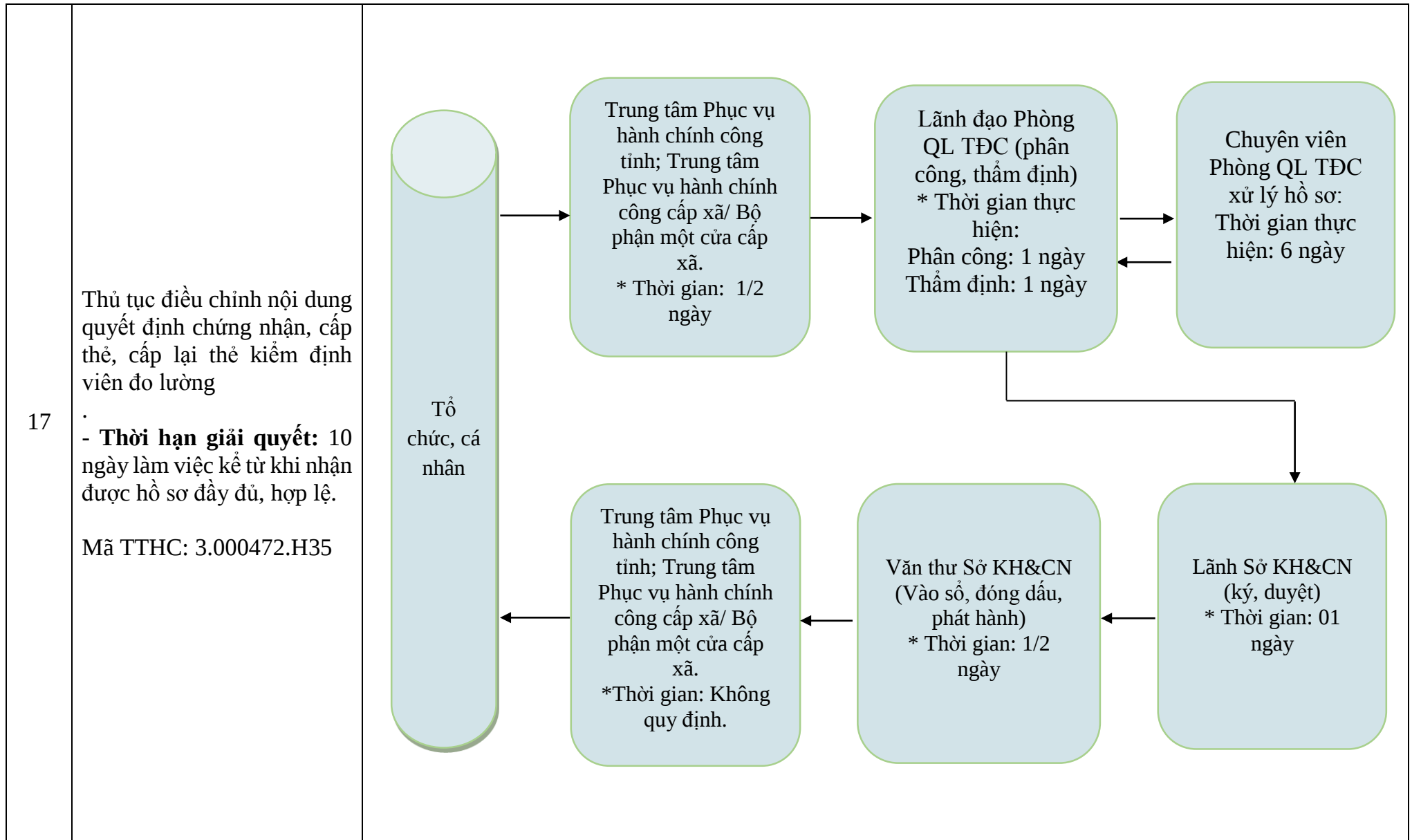


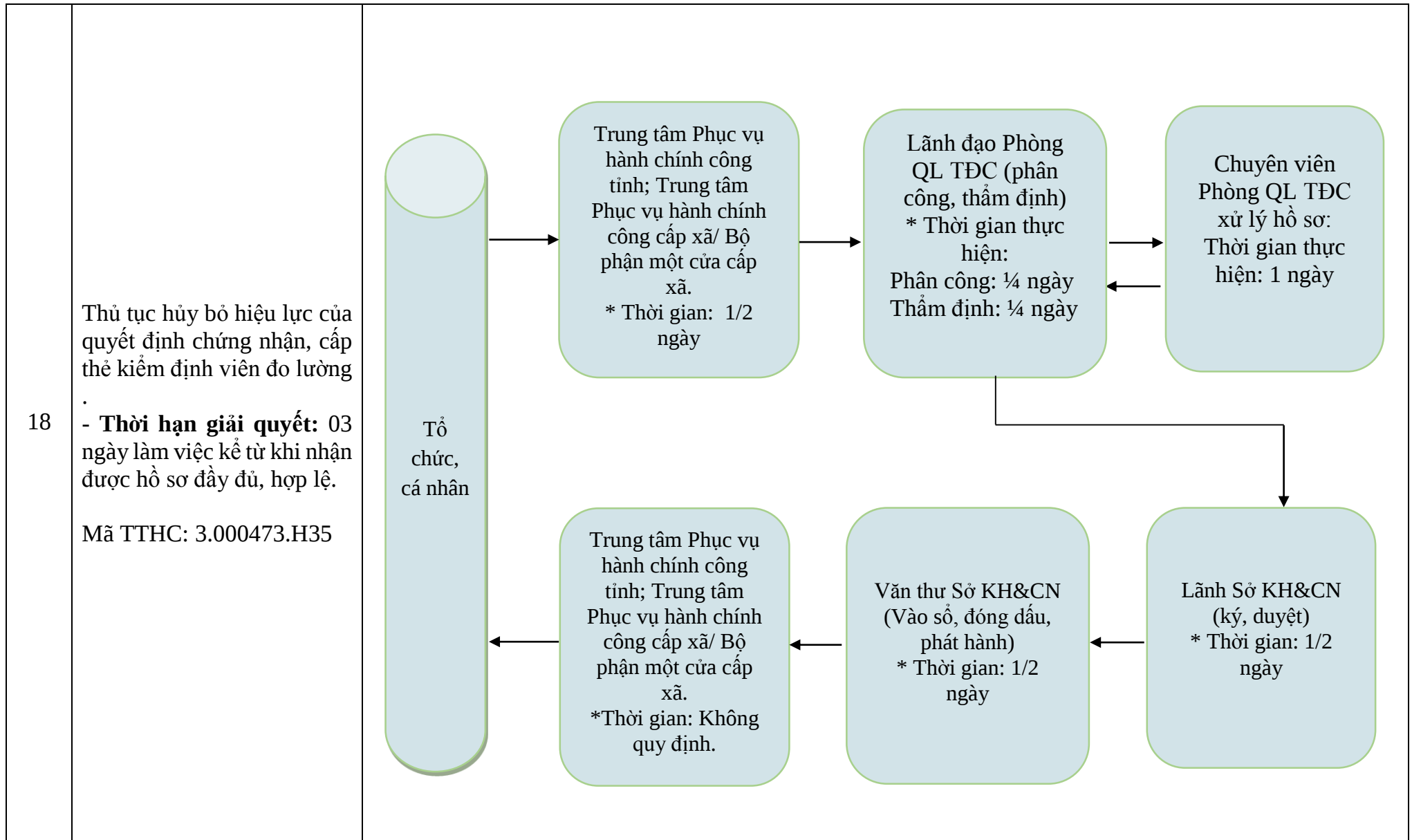


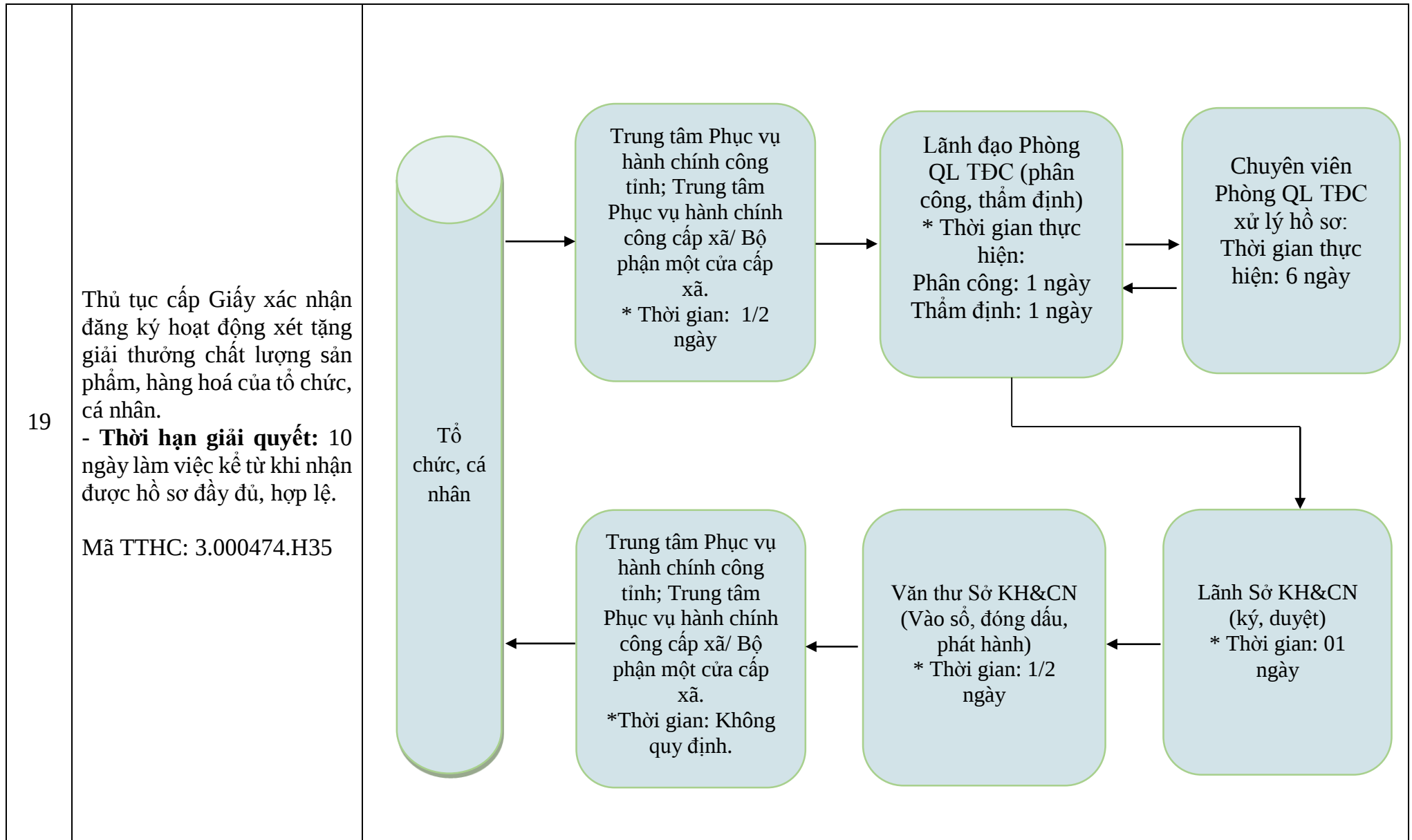


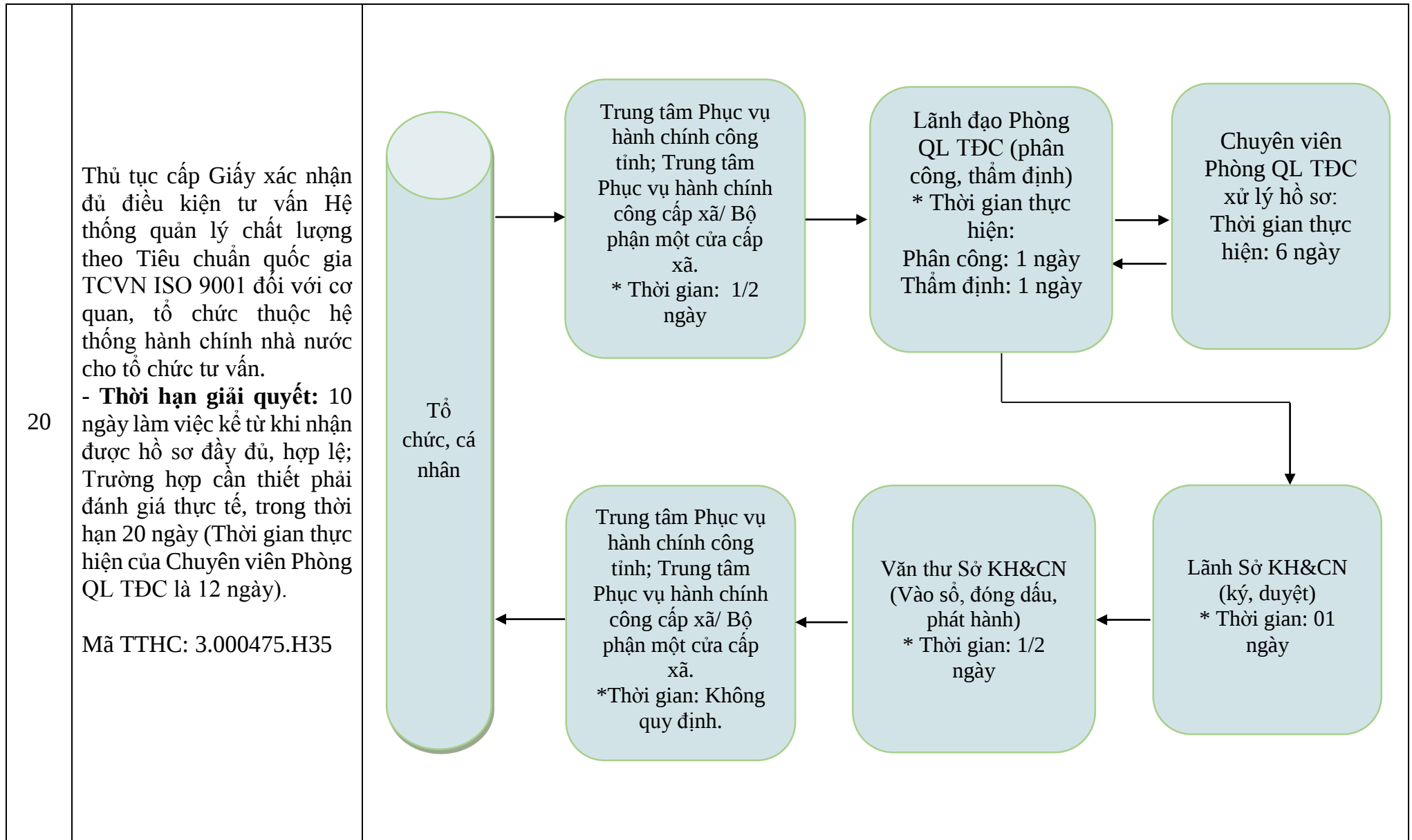


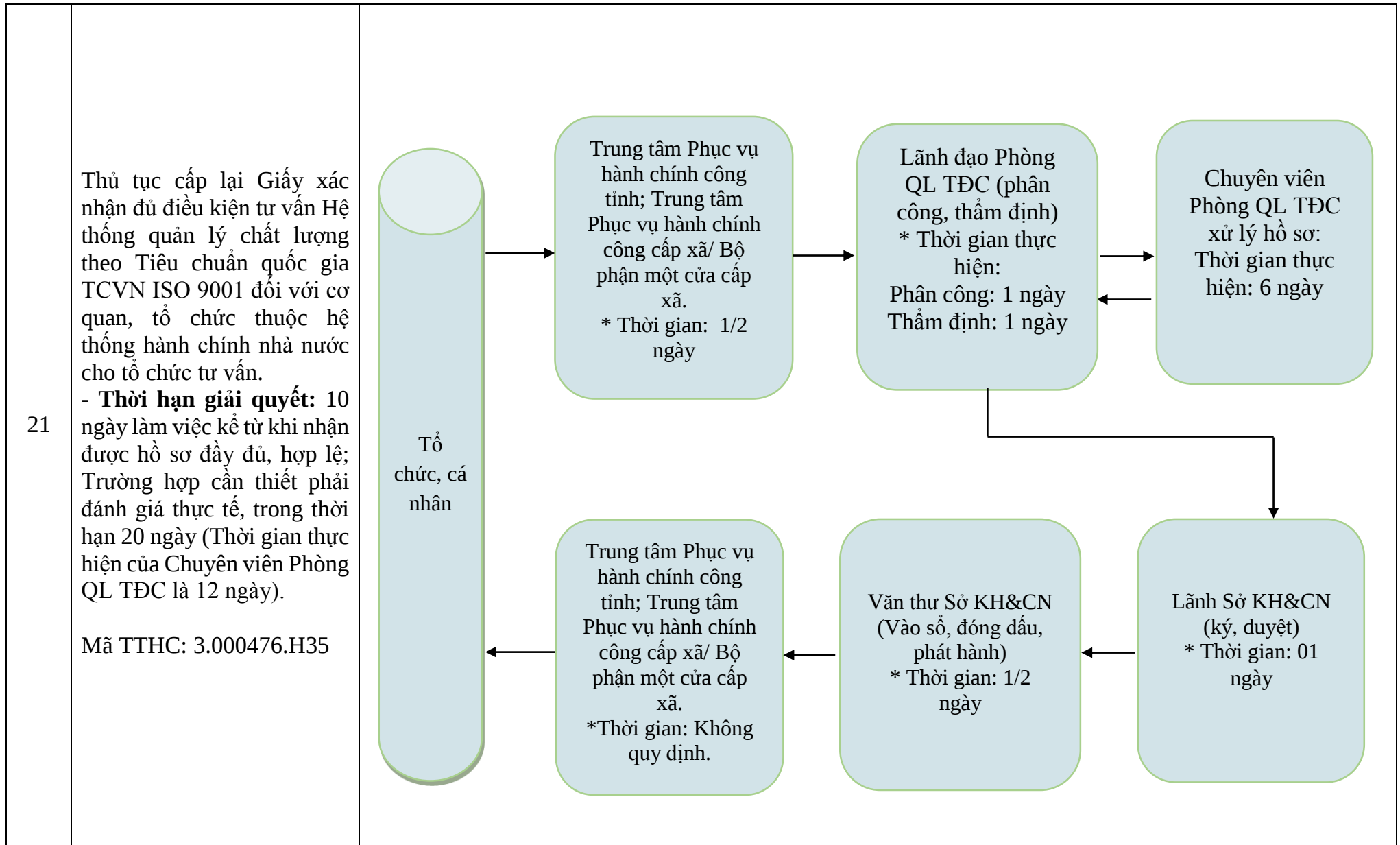


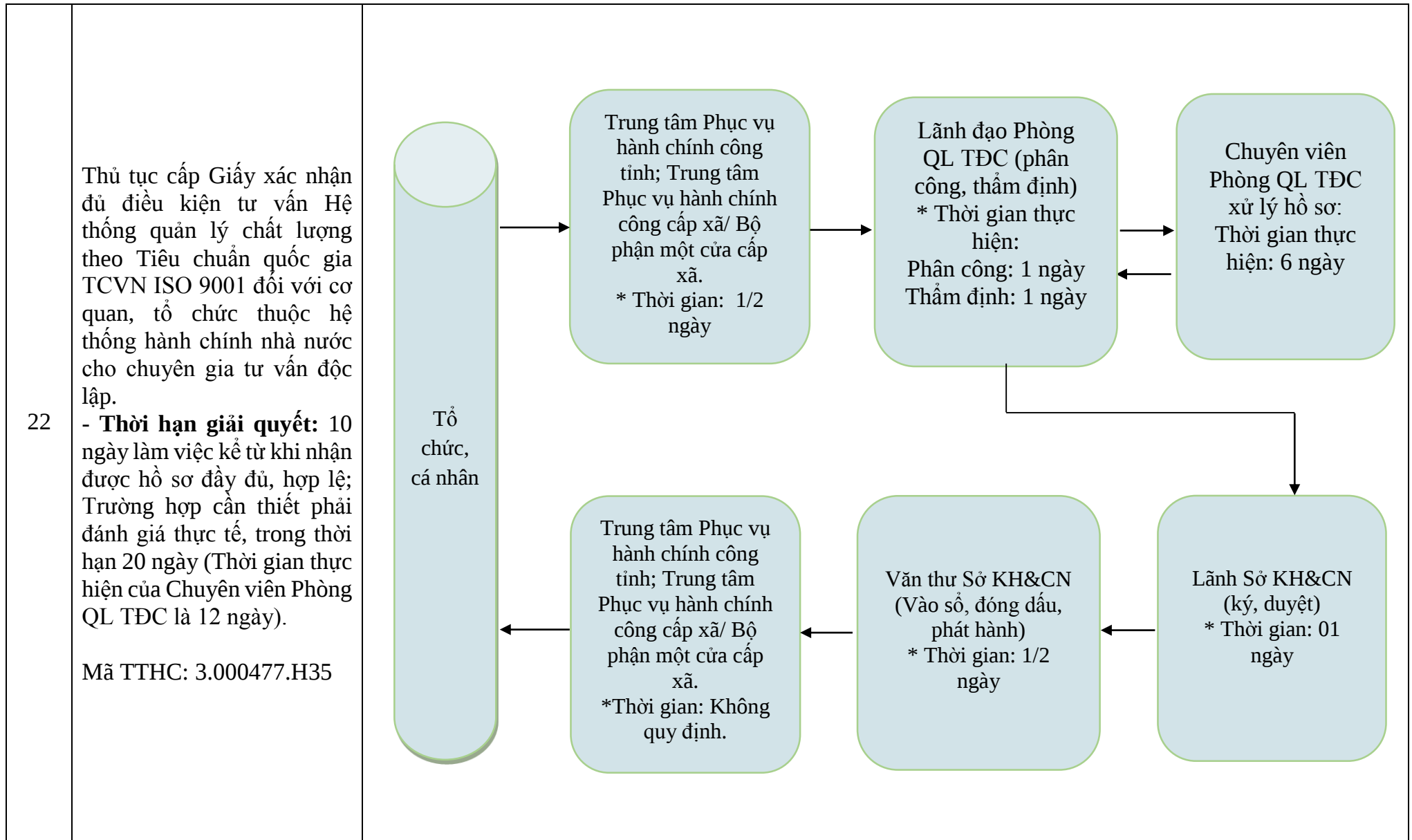










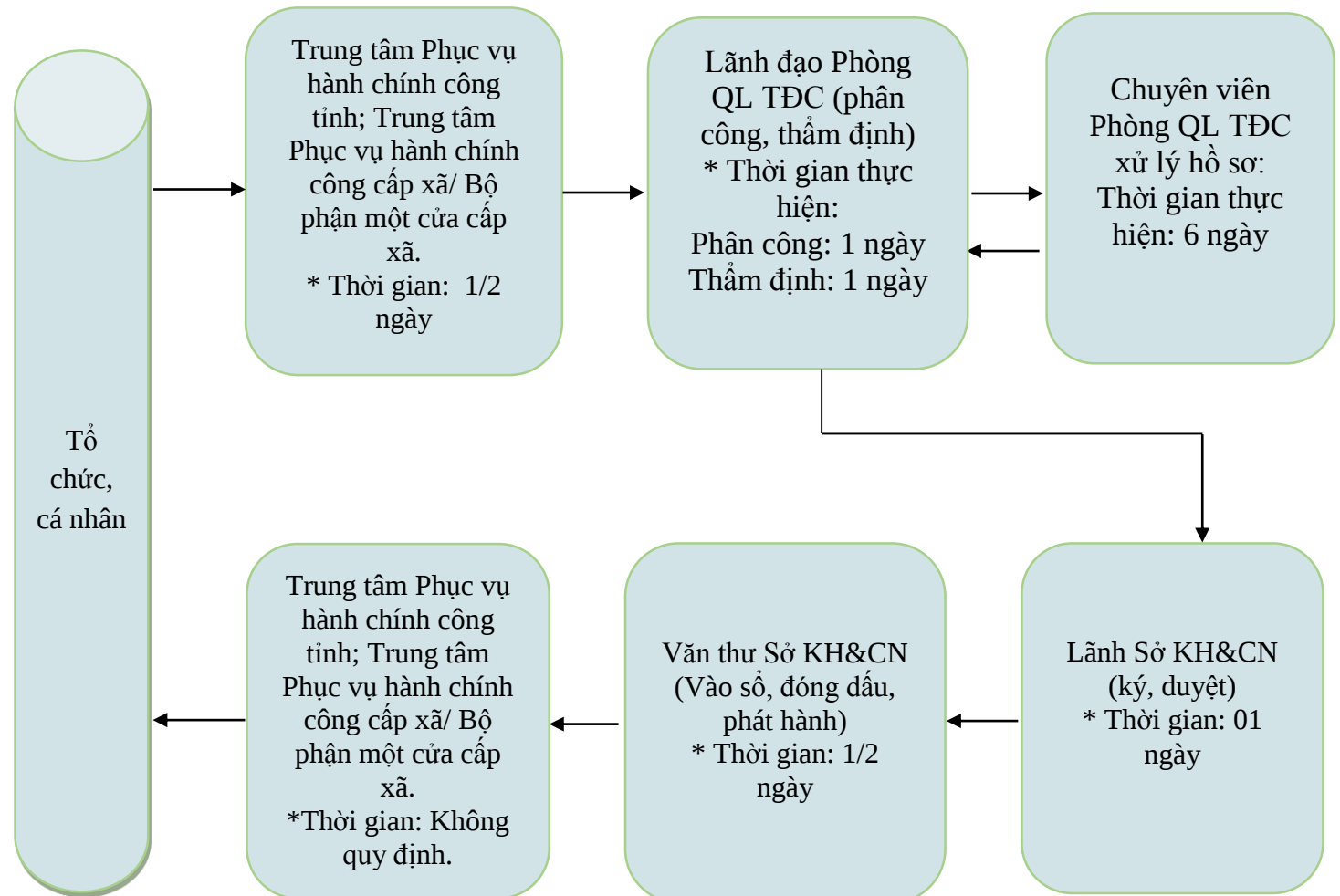


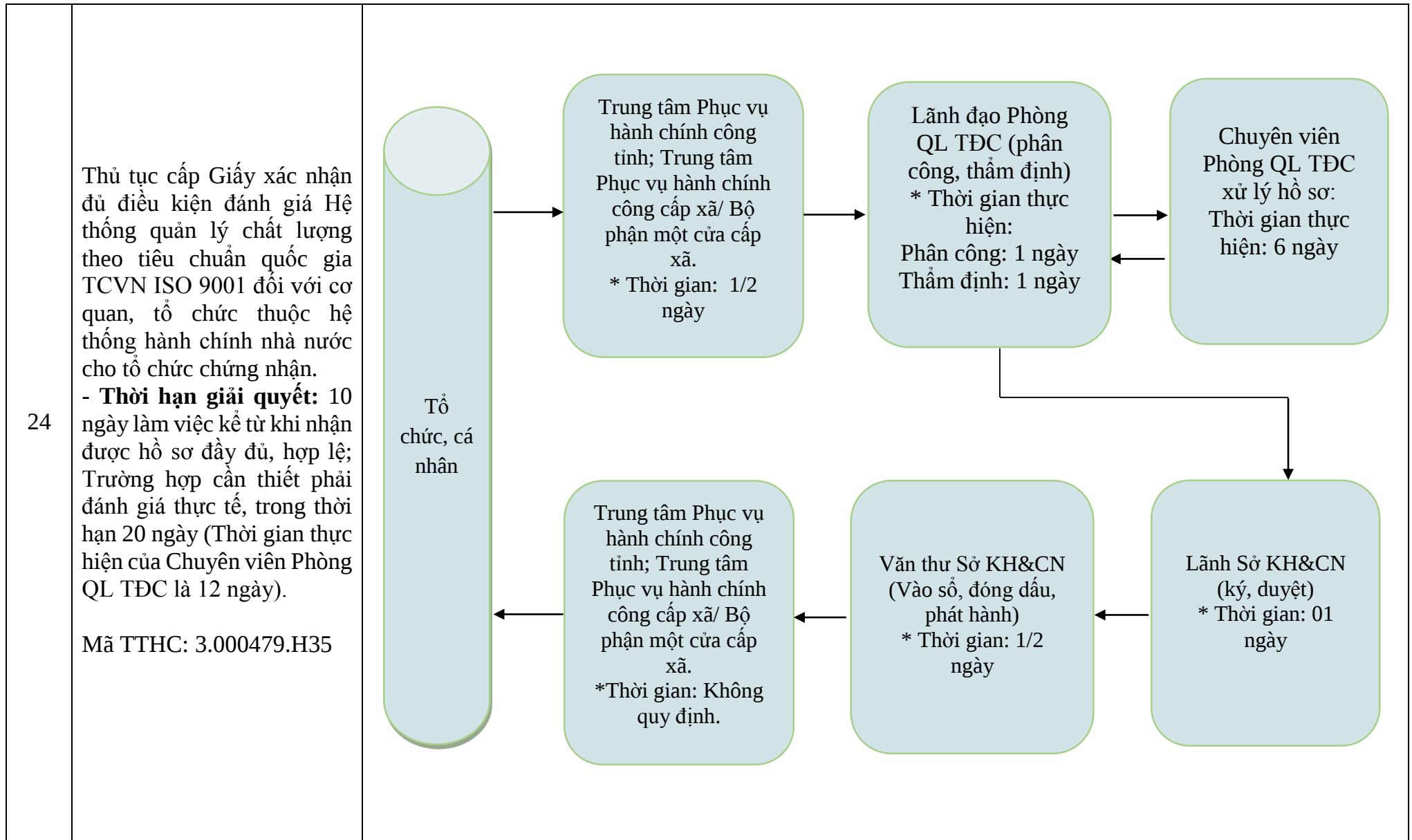
23

Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC: 3.000478.H35





25 Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC: 3.000480.H35

```
graph LR; TC[Tổ chức, cá nhân] --> TT1[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã.  
* Thời gian: 1/2 ngày]; TT1 --> LP[Lãnh đạo Phòng QL TĐC (phân công, thẩm định)  
* Thời gian thực hiện:  
Phân công: 1 ngày  
Thẩm định: 1 ngày]; LP --> CV[Chuyên viên Phòng QL TĐC xử lý hồ sơ:  
Thời gian thực hiện: 6 ngày]; CV --> LP; LP --> LS[Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt)  
* Thời gian: 01 ngày]; LS --> VTS[Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành)  
* Thời gian: 1/2 ngày]; VTS --> TT2[Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã.  
* Thời gian: Không quy định.]; TT2 --> TC;
```

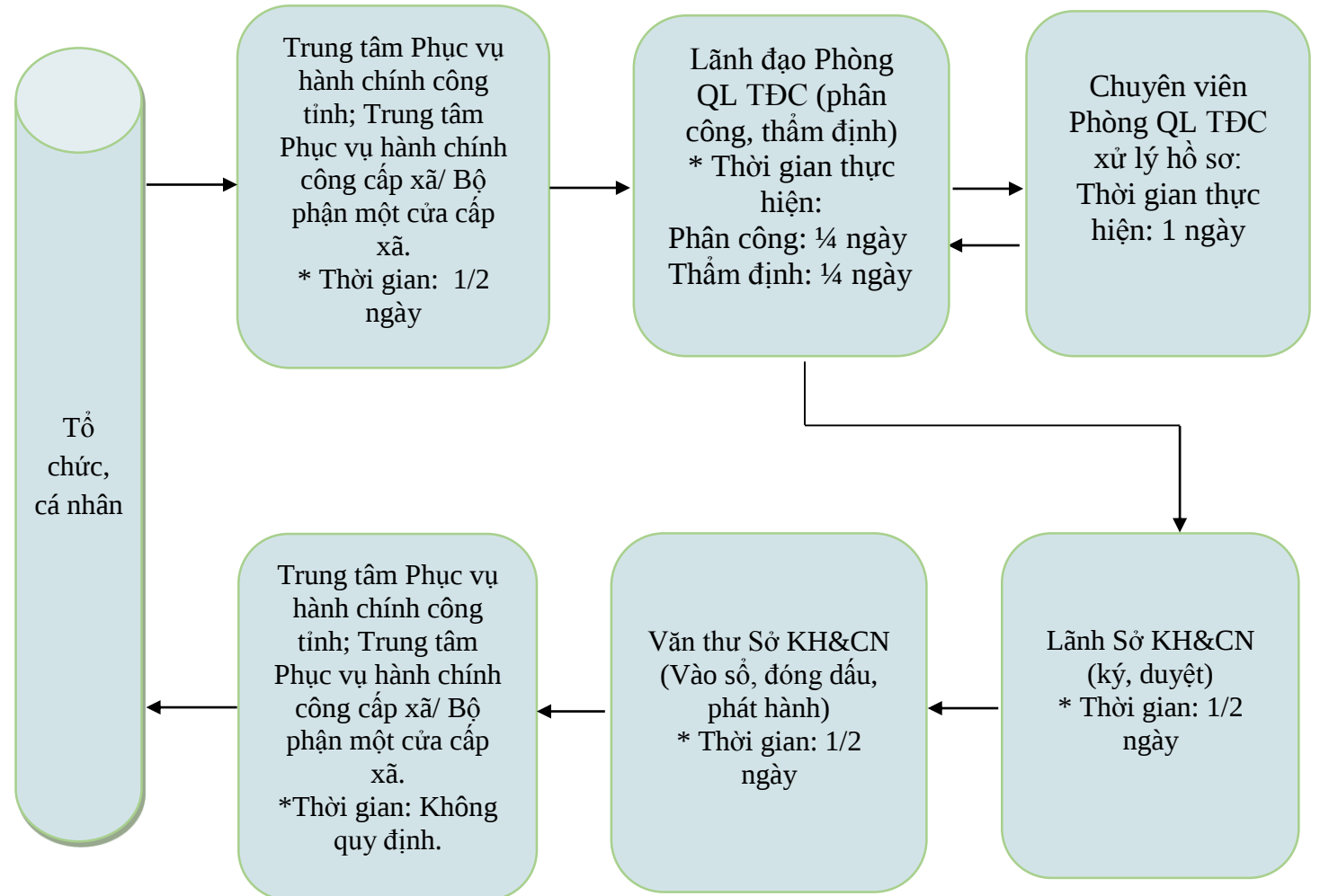
The flowchart illustrates the process for re-issuing the Certificate of Recognition of the Quality Management System (TTC) for organizations in the national administrative system. The process begins with the organization (Tổ chức, cá nhân) submitting the application to the Provincial Administrative Service Center (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) or the District Administrative Service Center (Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã). The time limit for this step is 1/2 day. The application is then forwarded to the Provincial Quality Management and Control Department (Phòng QL TĐC) for assignment and review. The time limit for this step is 1 day for assignment and 1 day for review. The Provincial Quality Management and Control Department then assigns the task to the specialist (Chuyên viên Phòng QL TĐC) for processing the dossier. The time limit for this step is 6 days. The specialist then reports back to the Provincial Quality Management and Control Department. The Provincial Quality Management and Control Department then reports to the Provincial Department of Science and Technology (Sở KH&CN) for signing and approval. The time limit for this step is 01 day. The Provincial Department of Science and Technology then issues the certificate (Văn thư Sở KH&CN) for registration, stamping, and issuance. The time limit for this step is 1/2 day. Finally, the certificate is issued to the organization (Tổ chức, cá nhân) by the Provincial Administrative Service Center or the District Administrative Service Center. The time limit for this step is not specified.

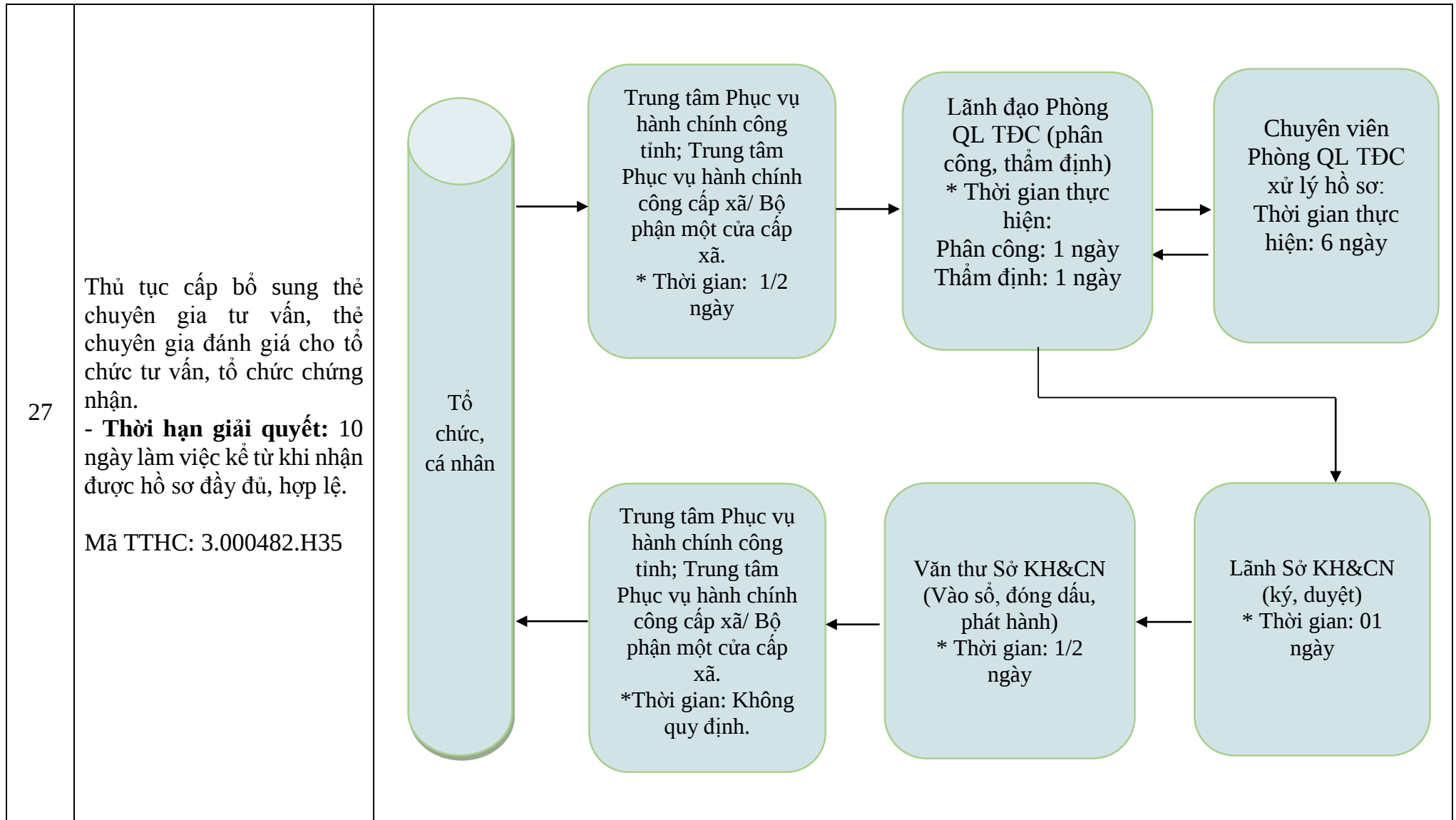
26

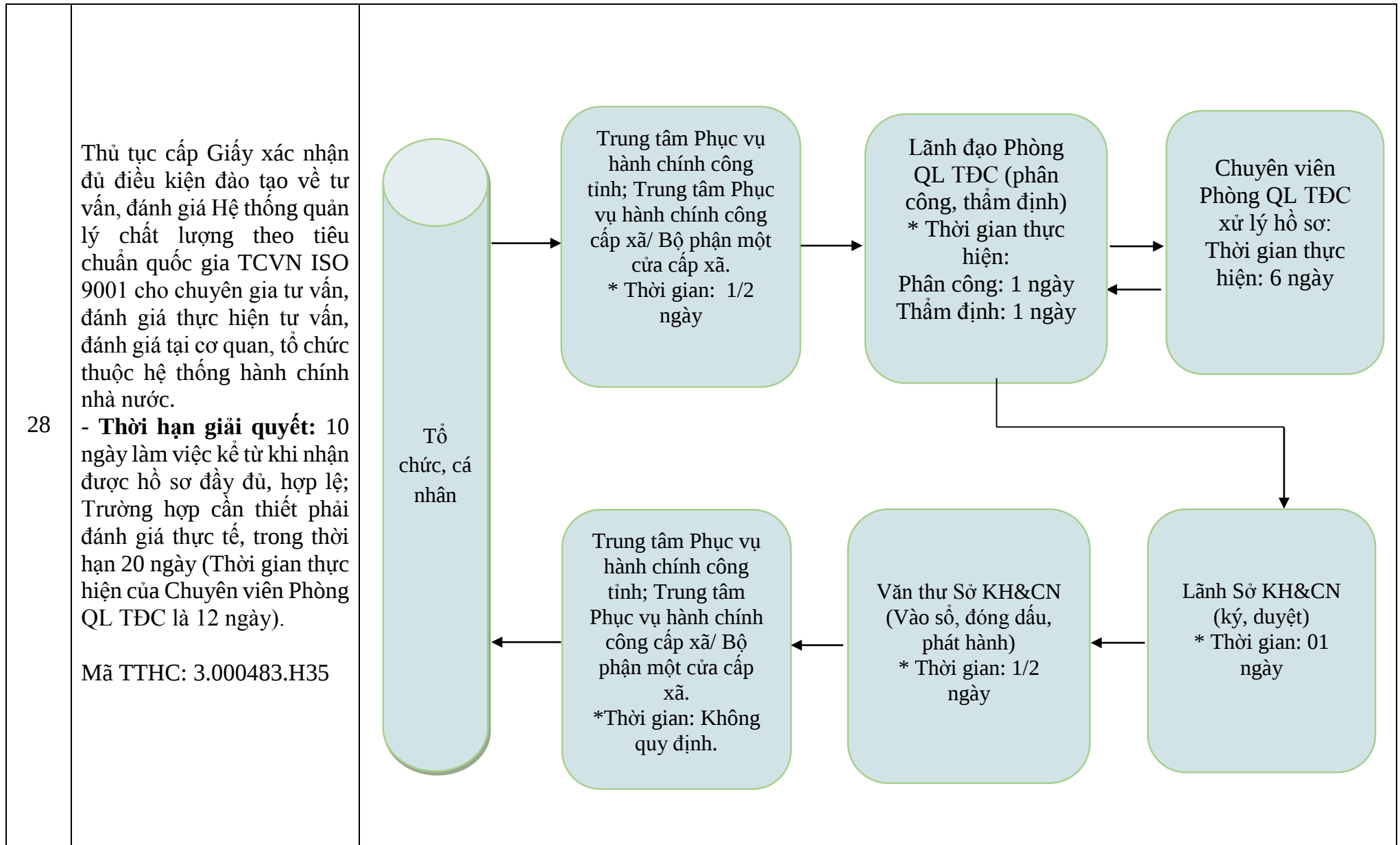
Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc.

- **Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC: 3.000485.H35





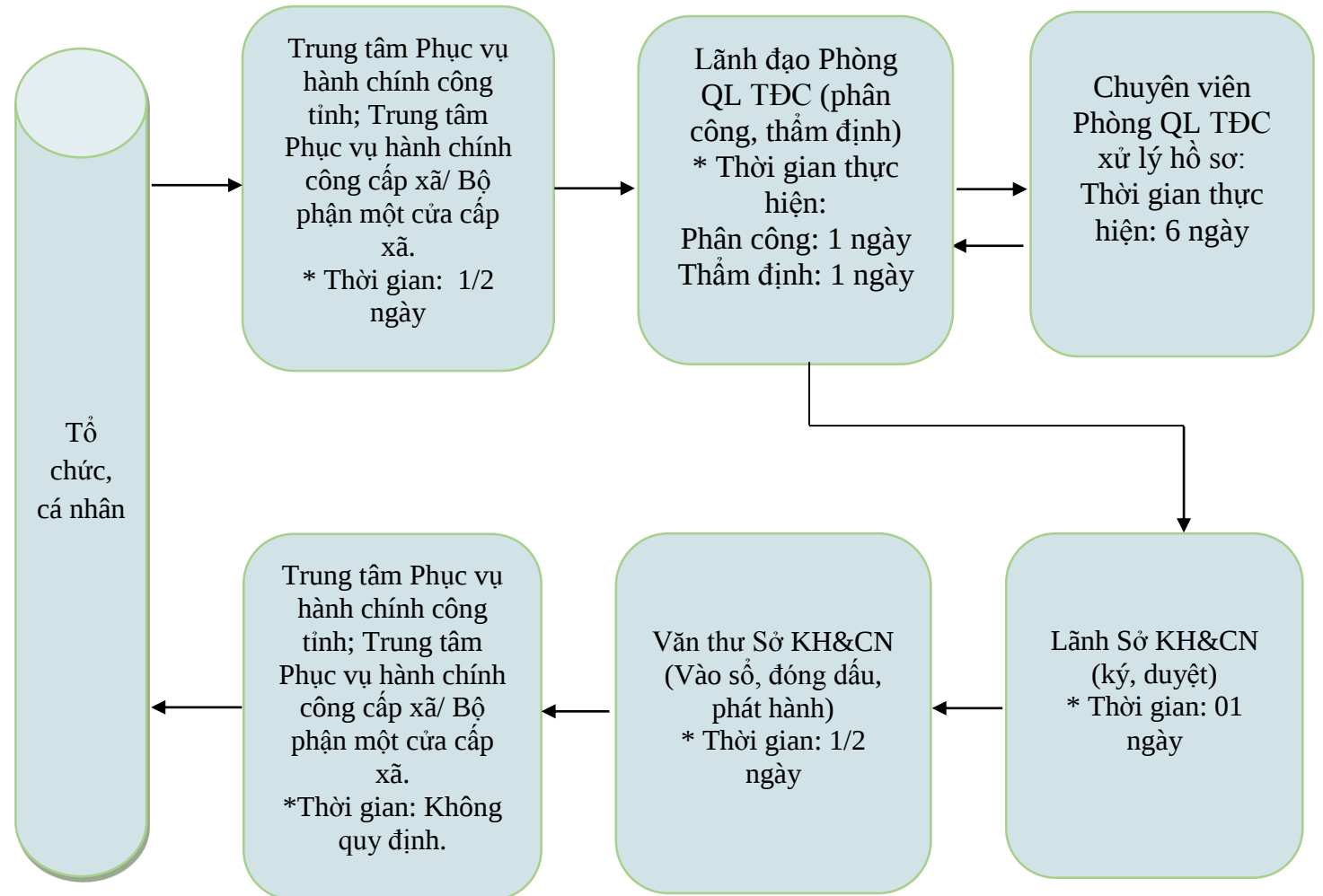


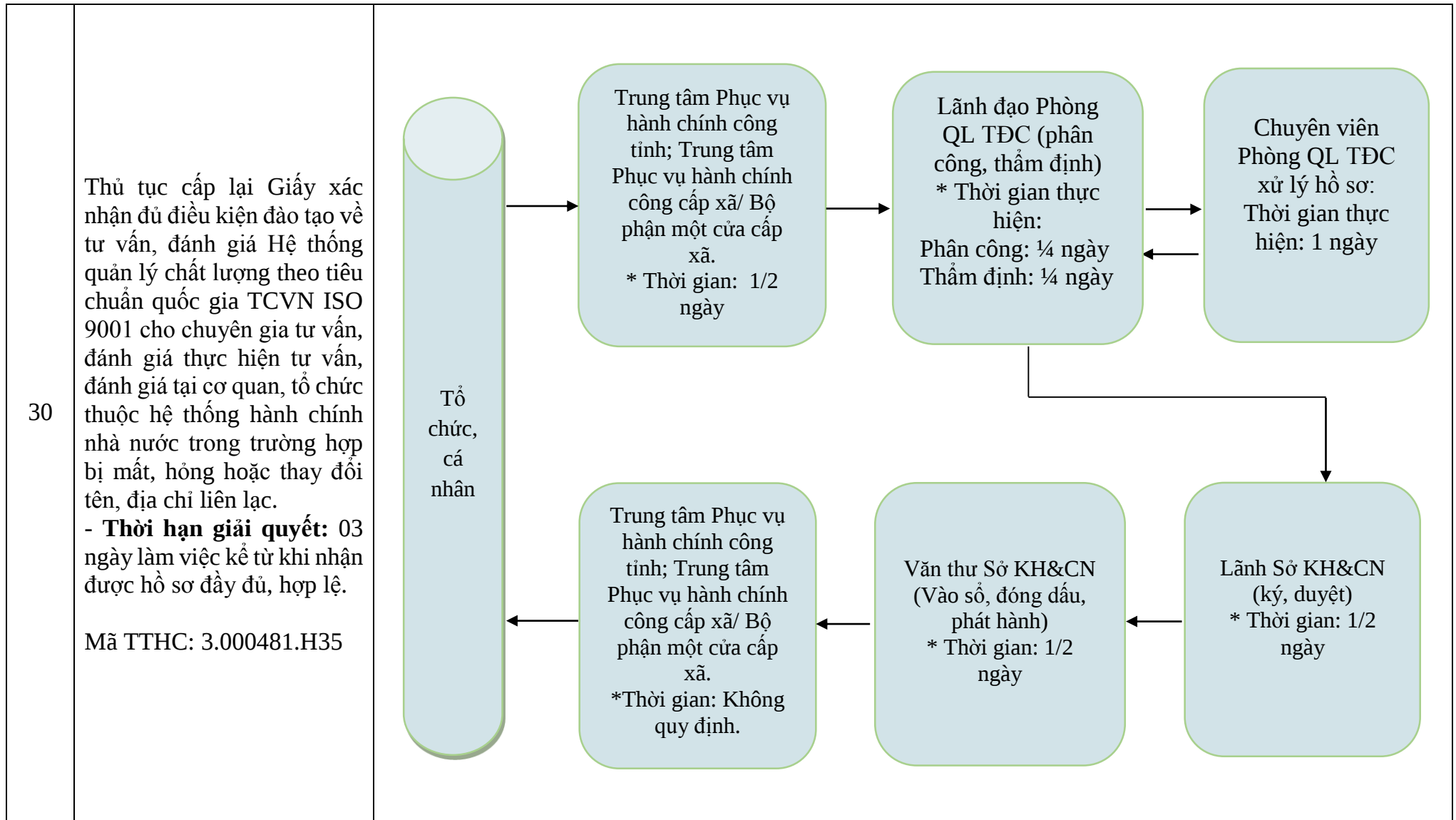
29

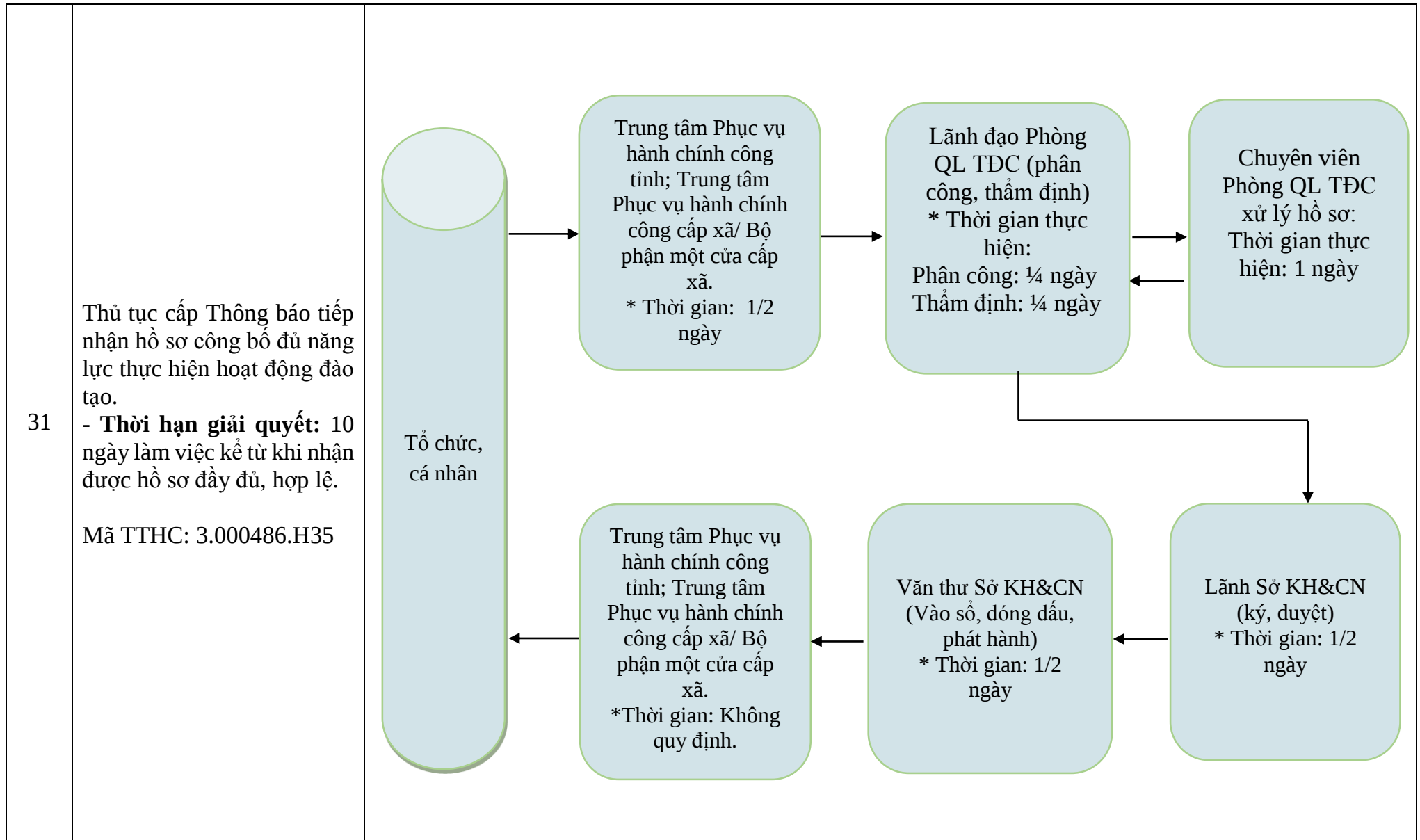
Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

- **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; Trường hợp cần thiết phải đánh giá thực tế, trong thời hạn 20 ngày (Thời gian thực hiện của Chuyên viên Phòng QL TĐC là 12 ngày).

Mã TTHC: 3.000484.H35



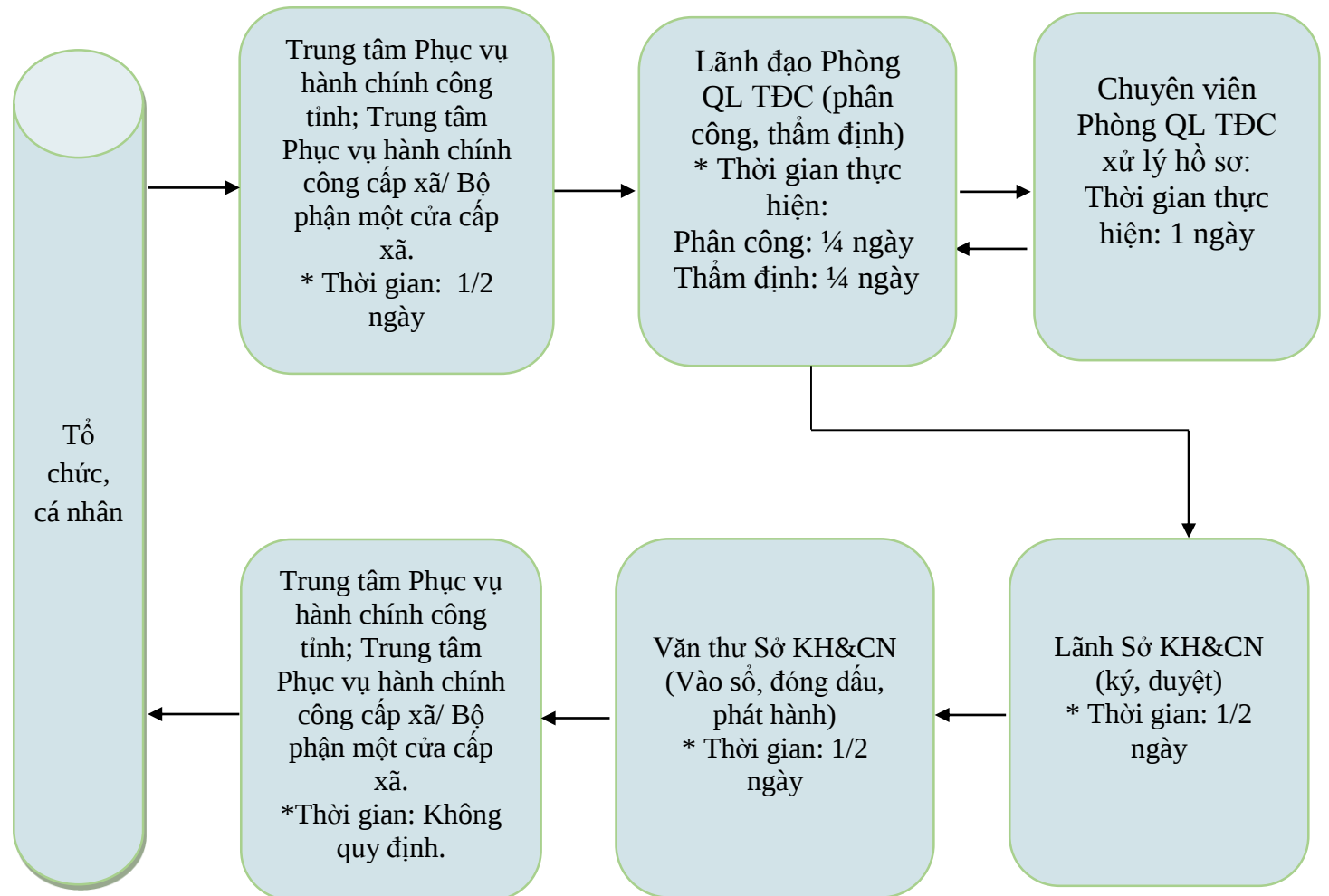




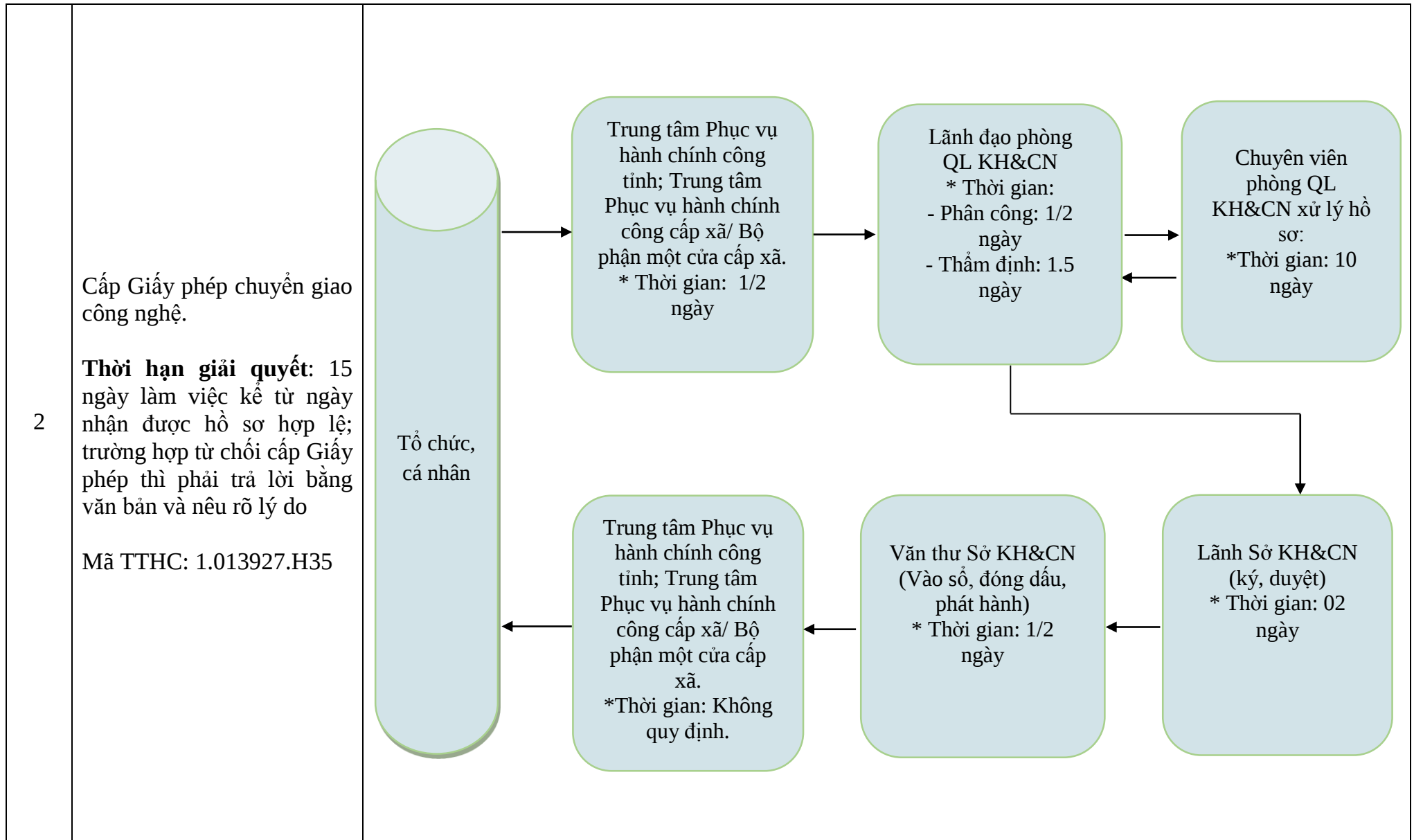
32

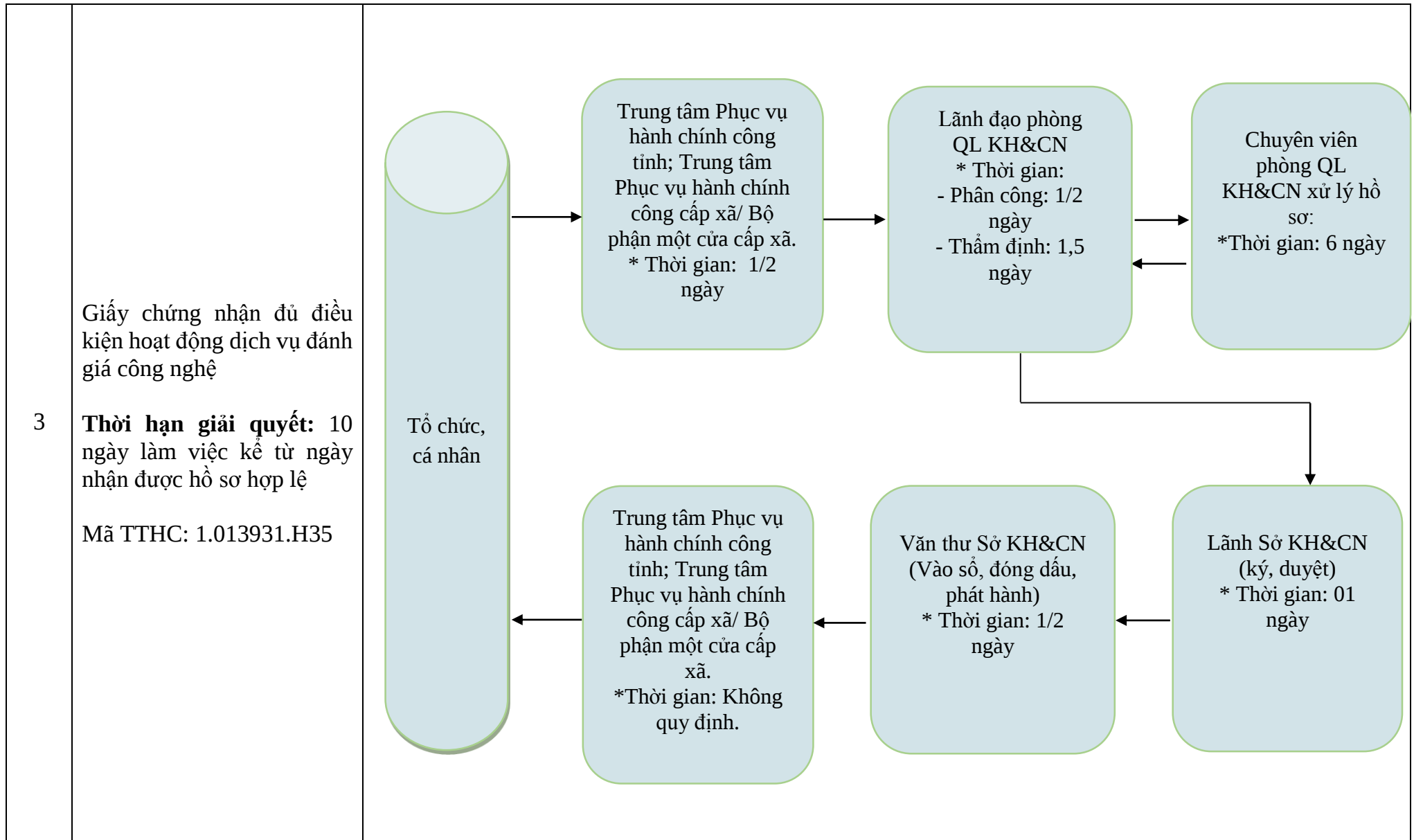
Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo.
 - **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

Mã TTHC: 3.000487.H35



VI	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (16 TTHC)		
1	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ Thời hạn giải quyết: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ Mã TTHC: 1.013918.H35	Tổ chức, cá nhân Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. * Thời gian: 1/2 ngày Lãnh đạo phòng QL KH&CN * Thời gian: - Phân công: 02 ngày - Thẩm định: 1,5 ngày Chuyên viên phòng QL KH&CN xử lý hồ sơ: *Thời gian: 23 ngày Lãnh Sở KH&CN (ký, duyệt) * Thời gian: 02 ngày Văn thư Sở KH&CN (Vào sổ, đóng dấu, phát hành) * Thời gian: 01 ngày Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã/ Bộ phận một cửa cấp xã. *Thời gian: Không quy định.	



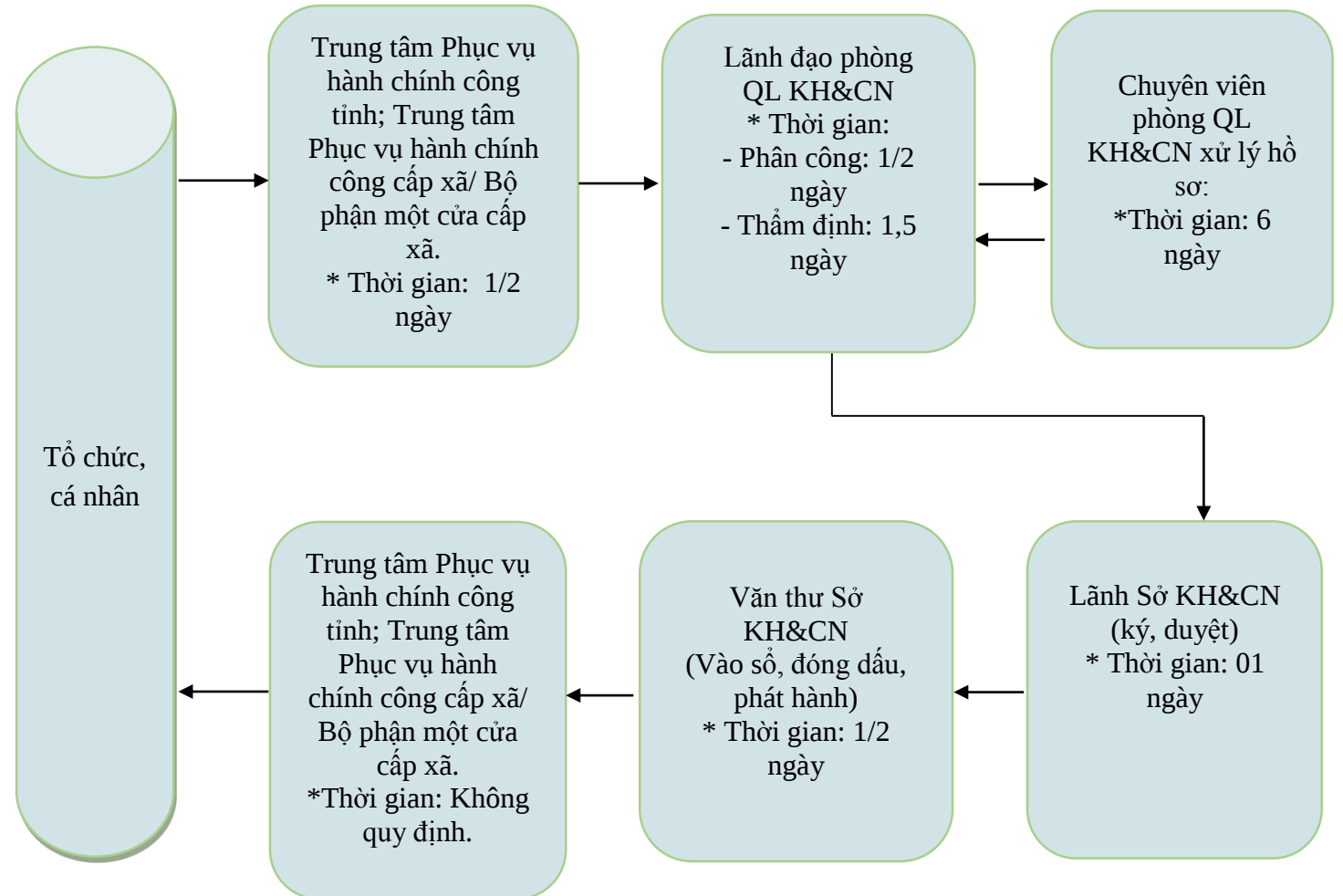


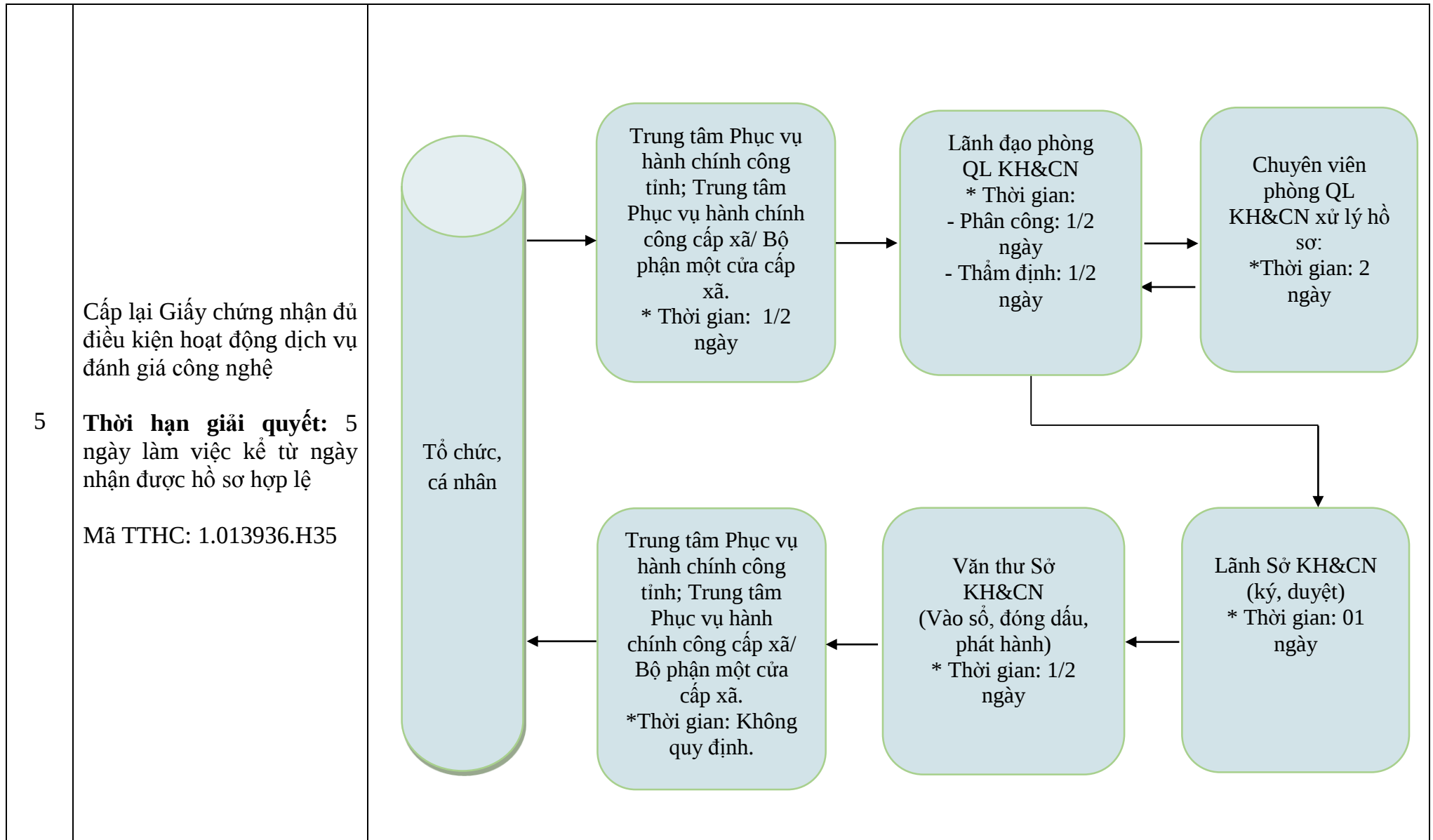
4

Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ.

Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC: 1.013933.H35





6

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Mã TTHC: 1.013939.H35

